

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2019
THEO KẾT QUẢ KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: QĐ/TĐHHN, ngày tháng 8 năm 2019 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1	26006620	Bùi Thị Anh	02/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
2	01029538	Bùi Thị Quỳnh Anh	17/09/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
3	01004104	Đào Phương Anh	30/07/2001	Nữ		3	2019	16.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
4	17013074	Đinh Hoàng Anh	31/03/2001	Nữ		2	2019	17.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
5	25002234	Đinh Thị Ngọc Anh	11/10/2001	Nữ		2	2019	20.05	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
6	03007154	Đỗ Hồng Anh	23/04/2001	Nữ		3	2019	17.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
7	01072432	Đỗ Quốc Anh	02/11/2001	Nam		3	2019	14.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
8	03004958	Đỗ Quỳnh Anh	07/05/2001	Nữ		3	2019	18	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
9	18016070	Hà Phương Anh	07/01/2001	Nữ		1	2019	16.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
10	03009665	Hoàng Mai Anh	23/03/2001	Nữ		3	2019	14.65	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
11	28019727	Hoàng Thế Đức Anh	25/01/2001	Nam		2NT	2019	15.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
12	16001067	Lê Tuấn Anh	27/07/2000	Nam		2	2019	15.55	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
13	02014899	Lưu Thị Quỳnh Anh	28/09/2001	Nữ		3	2019	17.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
14	01072467	Mai Tuấn Anh	12/03/2001	Nam		3	2019	17	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
15	18014529	Ngô Thị Lan Anh	19/05/2001	Nữ		2NT	2019	16.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
16	01026965	Nguyễn Huy Anh	23/05/2001	Nam		2	2019	15.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
17	01033412	Nguyễn Thị Lan Anh	17/11/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
18	14004102	Nguyễn Thị Thùy Anh	30/10/2001	Nữ		1	2019	17.05	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
19	25002973	Nguyễn Thị Vân Anh	23/08/2000	Nữ		2	2018	19.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
20	09000541	Phạm Diệu Anh	05/01/2001	Nữ		1	2019	14.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
21	09000545	Phạm Thị Kim Anh	04/02/2001	Nữ		1	2019	16.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
22	16006212	Phạm Thị Kim Anh	28/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
23	27008328	Phạm Thị Ngọc Anh	04/02/2001	Nữ		1	2019	16.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
24	28001524	Phạm Thị Phương Anh	18/09/2001	Nữ		2	2019	14.90	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
25	25002272	Phùng Thị Hiền Anh	08/05/1998	Nữ		2	2019	14.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
26	01072574	Trần Duy Anh	09/08/2001	Nam		3	2019	18	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
27	25014077	Trần Mai Anh	12/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
28	28001529	Trịnh Ngọc Anh	26/08/2001	Nam		2	2019	15.25	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
29	01067767	Trịnh Thị Lan Anh	07/10/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
30	27008333	Trương Minh Anh	12/12/2001	Nữ		1	2019	18.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
31	01057353	Vũ Duy Anh	04/10/2001	Nam		2	2019	16.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
32	01057354	Vũ Thị Lan Anh	17/09/2001	Nữ		2	2019	15.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
33	17008743	Vũ Thị Ngọc Anh	09/11/2001	Nữ		2	2019	15.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
34	25002292	Vũ Thị Phương Anh	27/02/2001	Nữ		2	2019	15.45	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
35	22009266	Đinh Thị Ngọc Ánh	29/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
36	01067786	Lương Ngọc Ánh	16/05/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
37	01072611	Nguyễn Ngọc Ánh	23/08/2001	Nữ		3	2019	17.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
38	01023389	Nguyễn Phương Ánh	30/07/2001	Nữ		3	2019	14.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
39	12013020	Đặng Huy Bách	02/11/2001	Nam	06	2	2019	17.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
40	15003391	Nguyễn Thị Ngọc Bích	07/06/2001	Nữ	01	1	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
41	01042198	Nguyễn Thị Ngọc Bích	26/01/2001	Nữ		2	2019	18.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
42	24008380	Nguyễn Thị Bình	29/11/2001	Nữ		2NT	2019	15.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
43	18006125	Nguyễn Mạnh Cường	11/10/2001	Nam		1	2019	17.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
44	01072707	Phạm Vũ Hoàng Cường	29/04/2001	Nam		3	2019	15.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
45	28003498	Nguyễn Thị Châm	15/02/2001	Nữ		2	2019	18.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
46	15001399	Nguyễn Thị Chi	29/08/2001	Nữ		2	2019	19.30	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
47	30005902	Nguyễn Thị Kim Chi	02/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
48	25011888	Trịnh Thị Kim Chi	28/09/2001	Nữ		2NT	2019	17.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
49	28029317	Lê Đình Chiến	13/09/2001	Nam		2NT	2019	14.75	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
50	19007645	Vũ Doanh Chính	20/03/2001	Nam		2NT	2019	17.15	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
51	18014573	Đỗ Thị Chúc	10/06/2001	Nữ		2NT	2019	16.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
52	01004674	Phạm Thành Chung	01/05/2001	Nam		3	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
53	28029325	Phạm Văn Chung	20/03/2001	Nam		2NT	2019	16.10	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
54	26018735	Bùi Thị Diệp	21/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
55	22008015	Nguyễn Thị Dung	03/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
56	01065828	Trịnh Thị Thùy Dung	22/11/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
57	01072731	Đào Anh Dũng	05/09/2001	Nam		3	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
58	15010247	Hoàng Anh Dũng	31/12/2001	Nam		2NT	2019	16.70	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
59	21014734	Hoàng Đức Dũng	22/10/2001	Nam		2NT	2019	17.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
60	12005321	Nguyễn Đăng Dũng	01/11/2001	Nam		2	2019	18	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
61	01023480	Trần Quốc Dũng	11/05/2001	Nam		3	2019	15.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
62	29017539	Lê Thị Dung	19/06/2001	Nữ		2NT	2019	18.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
63	01013103	Nguyễn Khánh Nhất Duy	12/10/2001	Nam	06	3	2019	17.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
64	17006969	Nguyễn Thành Duy	05/08/2001	Nam		2	2019	18.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
65	01023797	Phạm Duy	05/10/2001	Nam		3	2019	14.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
66	01030229	Đỗ Thị Mỹ Duyên	26/07/2001	Nữ		2	2019	17.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
67	01050301	Nguyễn Thị Duyên	04/10/2001	Nữ		2	2019	14.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
68	01017372	Hoàng Hải Dương	14/05/2001	Nữ		3	2019	14.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
69	14008778	Nguyễn Thảo Dương	27/10/2001	Nữ		1	2019	16.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
70	14000090	Nguyễn Thị Dương	15/09/2001	Nữ		1	2019	18.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
71	01025609	Trần Ánh Dương	14/09/2001	Nam		2	2019	15.60	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
72	01013198	Nguyễn Danh Đại	09/08/2001	Nam		3	2019	17.90	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
73	01007851	Bùi Đức Đạt	20/05/2001	Nam		3	2019	15.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
74	03007292	Đặng Tiến Đạt	21/05/2001	Nam		3	2019	15.80	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
75	10006088	Nguyễn Bá Đạt	14/10/2000	Nam		1	2018	14.65	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
76	03014750	Vũ Tiến Đạt	05/01/2001	Nam		2	2019	16.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
77	01037918	Bùi Anh Đức	10/07/2001	Nam		3	2019	14.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
78	01030338	Nguyễn Hữu Đức	22/09/1997	Nam		2	2015	17.35	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
79	01027628	Nguyễn Văn Đức	06/07/2001	Nam		2	2019	17.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
80	01030103	Đặng Trường Giang	17/04/1997	Nam		2	2015	15.90	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
81	19001010	Ngô Hương Giang	30/01/2001	Nữ		2	2019	16.10	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
82	01023885	Nguyễn Hương Giang	22/10/2001	Nữ		3	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
83	25014838	Nguyễn Thị Giang	14/05/2001	Nữ		2NT	2019	15.70	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
84	22009998	Nguyễn Thị Trà Giang	23/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
85	01073147	Phạm Thị Hương Giang	09/04/2001	Nữ		3	2019	15.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
86	01007976	Trần Ngân Giang	03/01/2001	Nữ		3	2019	18.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
87	22004426	Hoàng Thị Thu Hà	11/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
88	17008384	Hoàng Thu Hà	15/11/2001	Nữ		1	2019	15.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
89	19006977	Lê Quang Hà	30/07/2001	Nam		2NT	2019	15.10	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
90	18018521	Ngô Thu Hà	02/05/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
91	28027035	Ngô Thu Hà	05/05/2001	Nữ		2NT	2019	17.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
92	01013325	Nguyễn Quang Hà	20/04/2001	Nam		3	2019	17.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
93	01059924	Nguyễn Thị Thu Hà	01/07/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
94	01055664	Nguyễn Thu Hà	11/08/2001	Nữ		2	2019	16.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
95	21004271	Nguyễn Thúy Hà	16/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
96	03008090	Phạm Thị Ngọc Hà	12/08/2001	Nữ		3	2019	18.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
97	29015101	Nguyễn Đức Hải	19/04/2001	Nam	01	1	2019	18.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
98	01030463	Nguyễn Thị Hải	05/06/2001	Nữ		2	2019	17.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
99	01065964	Đào Hồng Hạnh	08/12/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
100	17008398	Lương Hồng Hạnh	06/02/2001	Nữ		1	2019	15.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
101	18014645	Nguyễn Như Hào	06/02/2001	Nam		2NT	2019	16.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
102	15003469	Hoàng Thị Hằng	28/02/2001	Nữ	01	1	2019	18.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
103	29013773	Hồ Thị Thúy Hằng	04/02/2001	Nữ		2	2019	16.95	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
104	30009389	Lê Thị Hằng	02/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
105	17003754	Lê Thị Thu Hằng	02/10/2001	Nữ		2	2019	17.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
106	15010994	Nguyễn Thị Bích Hằng	09/05/2001	Nữ		1	2019	15.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
107	01024203	Phan Thị Thu Hằng	06/10/2001	Nữ		3	2019	15.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
108	30016632	Phùng Thị Hằng	03/06/2001	Nữ		1	2019	21.55	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
109	15003479	Tạ Thị Thu Hằng	01/01/2001	Nữ		1	2019	15.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
110	25007739	Trần Thu Hằng	16/11/2001	Nữ		2NT	2019	15.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
111	19007030	Trần Thị Hậu	03/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
112	28011846	Chu Thị Hiền	24/10/2000	Nữ		1	2018	16.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
113	01055723	Ngô Thị Thu Hiền	11/04/2001	Nữ		2	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
114	17013214	Nguyễn Diệu Hiền	20/11/2001	Nữ		2	2019	19.95	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
115	15001518	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/08/2001	Nữ		2	2019	17.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
116	01068449	Vũ Thị Hiền	12/08/2001	Nữ		2	2019	16.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
117	22008145	Dương Thị Hiếu	20/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
118	25006033	Đinh Đông Hiếu	15/10/2001	Nam		2NT	2019	15.95	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
119	01005580	Đoàn Đức Hiếu	02/04/2001	Nam		3	2019	14.60	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
120	25003477	Phạm Đức Hiếu	25/06/2000	Nam		2NT	2019	15	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
121	01060041	Nguyễn Diệu Hoa	22/02/2001	Nữ		2	2019	15.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
122	19001066	Nguyễn Thị Việt Hoa	01/08/2001	Nữ		2	2019	15.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
123	01058002	Phạm Như Hoa	28/03/2001	Nữ		2	2019	20.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
124	15011026	Trần Đặng Quỳnh Hoa	10/09/2001	Nữ		1	2019	18.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
125	03012150	Lương Thị Thủy Hòa	30/06/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
126	19011462	Đỗ Thị Thu Hoài	06/02/2001	Nữ		2NT	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
127	24001078	Nguyễn Việt Hoàng	08/04/2001	Nam		2	2019	15.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
128	25003491	Ngô Thị Bích Hồng	27/01/2001	Nữ		2NT	2019	17.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
129	01030854	Nguyễn Thị Huê	02/04/2001	Nữ		2	2019	15.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
130	19010817	Tạ Thị Huê	18/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
131	19013378	Trịnh Thị Huê	11/08/2001	Nữ		2NT	2019	19.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
132	16001696	Đàm Văn Hùng	13/11/2001	Nam		2	2019	15.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
133	14005932	Tạ Quang Hùng	11/02/2001	Nam		1	2019	15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
134	01014655	Bùi Đức Huy	24/02/2001	Nam		3	2019	17.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
135	01005307	Đinh Quang Huy	29/07/2001	Nam		3	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
136	26016565	Nguyễn Duy Huy	15/07/2001	Nam		2NT	2019	15.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
137	01073641	Nguyễn Thành Huy	26/10/2001	Nam		3	2019	14.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
138	19007801	Nguyễn Văn Huy	20/08/2001	Nam		2NT	2019	14.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
139	01073648	Thạch Quang Huy	30/04/2001	Nam		3	2019	18.35	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
140	10001328	Hà Mỹ Huyền	22/05/2001	Nữ	01	1	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
141	01058109	Nguyễn Thanh Huyền	29/12/2001	Nữ		2	2019	16.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
142	11000676	Nguyễn Thị Khánh Huyền	14/09/2001	Nữ		1	2019	16.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
143	28032797	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	26/02/2001	Nữ		1	2019	15.65	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
144	01030920	Nguyễn Thị Thu Huyền	07/10/2001	Nữ		2	2019	18.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
145	01022300	Phạm Khánh Huyền	29/11/2001	Nữ		3	2019	16.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
146	01050889	Tạ Thị Huyền	04/10/2001	Nữ		2	2019	17.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
147	25000855	Trần Ngọc Huyền	25/01/2001	Nữ		2	2019	16.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
148	25000858	Trần Thu Huyền	08/10/2001	Nữ		2	2019	17.70	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
149	01073690	Đỗ Văn Hưng	20/12/2001	Nam		3	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
150	01030945	Lê Gia Hưng	04/04/2001	Nam		2	2019	17.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
151	17004271	Lê Ngọc Hưng	03/06/2001	Nam		2	2019	16.25	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
152	26006377	Đào Thị Xuân Hương	19/11/2001	Nữ		2NT	2019	20.40	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
153	28003643	Mai Thị Thanh Hương	24/12/2001	Nữ		2	2019	16.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
154	22012209	Nguyễn Thị Thu Hương	02/01/2001	Nữ		2NT	2019	15.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
155	15001201	Trình Mai Hương	19/10/2001	Nữ		2	2019	16.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
156	22012210	Đỗ Thị Hường	01/05/2001	Nữ		2NT	2019	14.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
157	29000040	Nguyễn Thị Hường	24/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
158	07000275	Lương Thúy Kiều	10/07/2001	Nữ		1	2019	17.75	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
159	01056090	Đỗ Đắc Khang	23/12/2001	Nam		2	2019	15.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
160	01003283	Nguyễn Nguyên Khang	11/05/2001	Nam		3	2019	18.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
161	01073736	Vũ Đình Khang	28/01/2001	Nam		3	2019	16.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
162	01073739	Nguyễn Văn Khanh	19/10/2001	Nam		3	2019	15.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
163	01071459	Nguyễn Duy Khánh	30/08/2001	Nam		2	2019	15.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
164	01022370	Nguyễn Quốc Khánh	09/09/2001	Nam		3	2019	17.60	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
165	01031343	Trần Văn Khánh	01/09/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
166	18018671	Nguyễn Hoàng Lân	01/10/2001	Nam		2	2019	18.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
167	27008104	Nguyễn Thị Kim Liên	10/10/2001	Nữ		2NT	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
168	15001207	Trương Thị Kim Liên	23/12/2001	Nữ		2	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
169	01043613	Chu Phương Linh	13/11/2001	Nữ		2	2019	15.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
170	01018129	Đào Thị Thùy Linh	29/04/2001	Nữ		3	2019	15.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
171	49005563	Đoàn Nhựt Linh	07/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.33	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
172	19007190	Đỗ Văn Linh	14/05/2001	Nam		2NT	2019	15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
173	16003829	Hoàng Thị Linh	27/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
174	19007191	Hoàng Thùy Linh	02/02/2001	Nữ		2NT	2019	15.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
175	27002662	Lê Đức Linh	02/03/2001	Nam		2NT	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
176	28003665	Lê Thị Linh	15/10/2001	Nữ		2	2019	16.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
177	10001394	Nguyễn Diệu Linh	07/05/2001	Nữ		1	2019	16.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
178	15008499	Nguyễn Khánh Linh	21/03/2001	Nữ		1	2019	17.45	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
179	22012234	Nguyễn Quang Linh	30/09/2001	Nam		2NT	2019	14.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
180	01073855	Nguyễn Thị Diệu Linh	18/03/2001	Nữ	06	3	2019	17.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
181	01071531	Nguyễn Thị Mỹ Linh	18/02/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
182	16000701	Nguyễn Thùy Linh	13/09/2001	Nữ	06	2	2019	21.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
183	13005108	Phạm Thảo Linh	02/08/2001	Nữ		1	2019	15.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
184	28000405	Phan Thị Thùy Linh	19/11/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
185	25011588	Trần Mai Linh	01/11/2001	Nữ		2NT	2019	15.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
186	25016359	Phạm Kiều Loan	15/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
187	13002068	Phạm Thị Loan	11/08/2001	Nữ		1	2019	15.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
188	01022472	Đào Nguyễn Hải Long	30/08/2001	Nam		3	2019	16.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
189	02054968	Đặng Thiên Long	07/08/2001	Nam		3	2019	17.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
190	25000941	Nguyễn Việt Long	21/02/2001	Nam		2	2019	14.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
191	01005856	Trần Minh Phước Long	08/01/2001	Nam		3	2019	18.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
192	01011431	Vũ Tiến Long	23/04/2000	Nam		3	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
193	17013327	Đinh Xuân Lộc	28/07/2001	Nam		2	2019	15.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
194	01060579	Vũ Anh Lộc	18/02/2001	Nam		2	2019	15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
195	25007868	Mai Thành Lợi	06/02/2001	Nam		2NT	2019	14.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
196	01074197	Nguyễn Thị Lương	11/09/2001	Nữ		3	2019	17.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
197	08003281	Mã Khánh Ly	25/02/2001	Nữ	01	1	2019	18.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
198	42008696	Trần Thị Hương Ly	07/12/2001	Nữ		1	2019	16.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
199	25010506	Đoàn Thị Lý	19/04/2001	Nữ		2NT	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
200	01018285	Đặng Thanh Mai	10/05/2001	Nữ		3	2019	16.10	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
201	01029090	Lê Thị Tuyết Mai	11/03/2001	Nữ		2	2019	17	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
202	40006006	Lê Thị Tuyết Mai	15/11/2001	Nữ		1	2019	18.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
203	16011392	Nguyễn Thị Mai	04/06/2001	Nữ		2	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
204	01056305	Trần Thị Phương Mai	09/11/2001	Nữ		2	2019	16.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
205	28003690	Trần Văn Mạnh	04/12/2001	Nam		2	2019	16.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
206	24001179	Trịnh Văn Mạnh	27/08/2001	Nam		2	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
207	19001772	Hoàng Thị May	23/12/2001	Nữ		2	2019	18.30	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
208	18018710	Hoàng Thị Mến	01/03/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
209	28002652	Mai Thế Minh	13/05/2001	Nam		2	2019	14.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
210	19000472	Nguyễn Nhật Minh	10/08/2001	Nam		2	2019	14.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
211	01074282	Nguyễn Quang Minh	01/11/2001	Nam		3	2019	17.55	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
212	08000636	Phạm Đình Minh	14/10/2001	Nam		1	2019	20.85	A00	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
213	01058679	Phạm Đức Minh	18/08/2001	Nam		2	2019	17.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
214	17003835	Phạm Đức Minh	24/10/2001	Nam		2	2019	16.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
215	01074296	Trần Nhật Minh	12/01/2001	Nam		3	2019	19.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
216	16003866	Cao Thị Mơ	13/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
217	16006375	Khổng Thị Mơ	03/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
218	01020581	Nguyễn Thị Huyền My	02/09/2001	Nữ		3	2019	15.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
219	16008739	Trần Thị My	25/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.40	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
220	01009739	Vũ Trà My	01/10/2001	Nữ		3	2019	16.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
221	30015951	Nguyễn Thị Lê Na	03/04/2001	Nữ		1	2019	18.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
222	16009750	Hà Văn Nam	10/01/2001	Nam		1	2019	17.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
223	40003176	Hoàng Phương Nam	16/09/2001	Nam	01	1	2019	16.55	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
224	01056601	Nguyễn Hoài Nam	01/03/2001	Nam		2	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
225	01009765	Quách Hoàng Nam	09/01/2001	Nam		3	2019	18.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
226	16004380	Nguyễn Văn Năm	01/02/1998	Nam	03	2NT	2016	18.60	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
227	18009893	Trần Văn Ninh	07/08/2001	Nam		1	2019	15.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
228	01036580	Nguyễn Thị Nụ	16/01/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
229	18012362	Nguyễn Thị Ngọc Nga	01/07/2001	Nữ		2NT	2019	14.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
230	25006708	Nguyễn Thúy Nga	14/11/2001	Nữ		2NT	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
231	27005518	Phạm Thị Ngát	19/06/2001	Nữ		2NT	2019	18.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
232	28031335	Đỗ Thị Ngân	02/10/2001	Nữ		1	2019	21.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
233	02004799	Lý Nguyễn Thanh Ngân	15/03/2001	Nữ		3	2019	15.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
234	19007270	Nguyễn Thị Ngân	26/07/2001	Nữ		2NT	2019	19.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
235	01031931	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/10/2001	Nữ		2	2019	15.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
236	01074373	Nguyễn Thị Thúy Ngân	24/06/2001	Nữ		3	2019	14.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
237	27006364	Phạm Thanh Ngân	04/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.25	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
238	18014226	Thân Thị Ngân	09/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
239	15011939	Trần Thị Thanh Ngân	15/04/2001	Nữ		1	2019	18.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
240	19012828	Nguyễn Thị Nghĩa	28/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
241	25002665	Cao Thị Ngọc	02/09/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
242	01023550	Chu Thị Ngọc	15/03/2000	Nữ		3	2019	18.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
243	01041544	Đỗ Mai Ngọc	08/07/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
244	01046781	Đỗ Thị Trung Ngọc	29/12/2001	Nữ		2	2019	17.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
245	01041545	Giang Thị Hoài Ngọc	06/08/2001	Nữ		2	2019	16	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
246	28000520	Lê Minh Ngọc	15/11/2001	Nữ		2	2019	16	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
247	01032236	Nguyễn Chí Nguyên	12/12/2001	Nam		2	2019	16.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
248	01036510	Đỗ Thị Ánh Nguyệt	17/09/2001	Nữ		2	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
249	19011671	Nguyễn Thị Như Nguyệt	24/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.75	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
250	19012279	Phan Thị Nguyệt	23/11/2001	Nữ		2NT	2019	20.35	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
251	25015799	Ninh Thị Nhân	12/09/2001	Nữ		2NT	2019	14.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
252	01054601	Đỗ Mai Nhi	02/03/2001	Nữ		2	2019	14.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
253	28001753	Hoàng Thị Tuyết Nhung	20/05/2001	Nữ		2	2019	16.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
254	19003394	Ngô Thị Nhung	02/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
255	06003822	Phạm Thị Hồng Nhung	29/11/2001	Nữ		1	2019	16.70	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
256	24008529	Trần Thị Nhung	08/11/2001	Nữ		2NT	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
257	24008244	Hán Huệ Như	19/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
258	46005707	Nguyễn Tấn Phát	01/10/2001	Nam		2NT	2019	18.80	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
259	01069835	Đỗ Văn Phi	07/10/2001	Nam		2	2019	17.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
260	01074489	Nguyễn Huy Hoàng Phi	18/09/2001	Nam		3	2019	14.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
261	22000386	Đoàn Trọng Phú	09/02/2001	Nam		2	2019	15.55	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
262	01026427	Đinh Thị Thu Phương	21/10/2001	Nữ		2	2019	18	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
263	23000335	Đỗ Thị Hoài Phương	14/08/2001	Nữ		1	2019	18.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
264	01051673	Giang Thị Thu Phương	20/02/2001	Nữ		2	2019	17.65	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
265	18012420	La Thị Thu Phương	26/09/2001	Nữ		2NT	2019	15.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
266	01074537	Nguyễn Lan Phương	03/11/2001	Nữ		3	2019	14.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
267	01036669	Nguyễn Thị Phương	28/07/2001	Nữ		2	2019	15.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
268	01036670	Nguyễn Thị Phương	31/08/2001	Nữ		2	2019	17.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
269	19009256	Nguyễn Thị Phương	09/03/1999	Nữ		2NT	2019	17.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
270	01046913	Nguyễn Thị Thu Phương	01/08/2001	Nữ		2	2019	18.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
271	21013442	Phạm Thị Bích Phương	18/03/2001	Nữ		2	2019	17.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
272	01015197	Trần Hà Phương	08/06/2001	Nữ		3	2019	16.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
273	27003706	Vũ Văn Phương	16/10/2001	Nam		2	2019	19	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
274	01071589	Nguyễn Thị Phương	05/02/2001	Nữ		2	2019	15.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
275	24001244	Nguyễn Thị Phương	28/10/2001	Nữ		2	2019	14.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
276	01071595	Ngô Đăng Quang	19/07/2001	Nam		2	2019	15.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
277	01074569	Lê Anh Quân	24/09/2001	Nam		3	2019	14.50	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
278	01028452	Nguyễn Đức Quân	07/12/2001	Nam		2	2019	17.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
279	01018350	Đàm Thị Quỳnh	24/01/2001	Nữ		3	2019	16.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
280	15011262	Hoàng Diễm Quỳnh	19/01/2001	Nữ		1	2019	16.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
281	19005182	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	01/08/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
282	01032482	Phạm Như Quỳnh	30/09/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
283	25002085	Vũ Thị Như Quỳnh	08/02/2001	Nữ		2	2019	16.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
284	25013895	Đinh Thị Sao	09/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
285	28000612	Nguyễn Trường Sinh	17/04/2001	Nam		2	2019	16.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
286	25002750	Đặng Đại Sơn	30/05/2001	Nam		2	2019	17.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
287	25003629	Nguyễn Phúc Sơn	25/11/2001	Nam		2NT	2019	19.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
288	01013405	Nguyễn Lương Sỹ	28/02/1998	Nam		3	2016	17.15	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
289	28013339	Nguyễn Thị Tâm	01/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
290	27000340	Nguyễn Thùy Tiên	25/11/2001	Nữ		1	2019	15.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
291	01043164	Phan Thủy Tiên	10/06/2001	Nữ		1	2019	15.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
292	01005064	Nguyễn Minh Tiến	10/09/2001	Nam		3	2019	16.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
293	01066298	Nguyễn Thê Tiến	29/10/2001	Nam		2	2019	14.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
294	19004485	Nguyễn Văn Tiến	01/08/2001	Nam		2NT	2019	15.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
295	25008021	Vũ Văn Tiến	17/10/2001	Nam	06	2NT	2019	16.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
296	28000711	Mai Tiến Toàn	30/03/2001	Nam		2	2019	17.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
297	01019753	Lê Đặng Bảo Tú	14/11/2001	Nữ		3	2019	15.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
298	12008215	Lê Phạm Tuấn	27/08/2001	Nam	01	2	2019	16.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
299	01074788	Quách Công Tuấn	07/12/2001	Nam	06	3	2019	18.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
300	01041954	Hoàng Bá Tùng	01/10/2001	Nam		2	2019	15.90	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
301	01026771	Từ Thanh Tùng	16/04/2001	Nam		2	2019	18.40	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
302	01046419	Hồ Thị Lan Tuyết	13/06/2001	Nữ		2	2019	17.55	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
303	17013577	Trần Thị Ngọc Tuyết	07/12/2001	Nữ		2	2019	20.05	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
304	26014748	Đặng Văn Thái	18/08/2001	Nam		2NT	2019	16	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
305	01009891	Hồ Đức Thái	20/06/2001	Nam		3	2019	19.95	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
306	01074617	Nguyễn Trường Thành	20/08/2001	Nam		3	2019	19.75	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
307	01074008	Phùng Tuấn Thành	26/03/2001	Nam		3	2019	17.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
308	01041755	Trần Tất Thành	03/10/2001	Nam		2	2019	16.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
309	01002251	Vũ Tuấn Thành	03/07/2001	Nam		3	2019	18.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
310	34011635	Huỳnh Thị Phương Thảo	01/05/2001	Nữ	06	2NT	2019	19.35	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
311	17012448	Lê Trần Phương Thảo	21/04/2001	Nữ		1	2019	15.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
312	01032502	Nguyễn Hữu Thảo	23/10/1998	Nam		2	2016	15.40	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
313	19001386	Nguyễn Phương Thảo	13/11/2001	Nữ		2	2019	15.70	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
314	19007418	Nguyễn Thị Thảo	11/07/2001	Nữ		2NT	2019	19	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
315	17009049	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/07/2001	Nữ		2	2019	16.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
316	01039350	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/12/2001	Nữ		3	2019	15.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
317	01071773	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/01/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
318	27000325	Trần Vũ Phương Thảo	03/08/2001	Nữ		1	2019	21.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
319	26011339	Vũ Thị Phương Thảo	03/12/2000	Nữ		2NT	2019	15.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
320	26005234	Trần Thị Thắm	25/03/2001	Nữ		2NT	2019	20.60	A00	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
321	01039367	Nguyễn Khắc Thắng	25/07/2001	Nam		3	2019	15.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
322	19011808	Nguyễn Thị Thi	23/11/2001	Nữ		2NT	2019	19.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
323	12005718	Vũ Xuân Thịnh	23/11/2001	Nam		2	2019	20.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
324	21016627	Nguyễn Hữu Thọ	10/12/2001	Nam		2	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
325	01045033	Chu Thị Vân Thu	03/09/2001	Nữ		2	2019	16.25	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
326	01069256	Hoàng Thị Thu	11/03/2001	Nữ		2	2019	16.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
327	26008476	Lưu Thị Hoài Thu	06/01/2001	Nữ		2NT	2019	19.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
328	18018844	Nguyễn Ngọc Minh Thu	19/05/2001	Nữ		2	2019	16.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
329	01074048	Nguyễn Thị Minh Thu	09/10/2001	Nữ		3	2019	17.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
330	62002434	Phạm Thị Hoài Thu	28/10/2001	Nữ		1	2019	18.95	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
331	17013500	Cao Thị Minh Thùy	29/11/2001	Nữ		2	2019	19.80	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
332	01051816	Nguyễn Thị Thùy	18/10/2001	Nữ		2	2019	15.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
333	19005277	Ngô Trần Thu Thùy	24/02/2001	Nữ		2	2019	15.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
334	29020649	Nguyễn Thị Hoài Thúy	06/04/2001	Nữ		1	2019	18.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
335	01051833	Nguyễn Thị Minh Thúy	14/05/2001	Nữ		2	2019	15.75	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
336	25012355	Phan Thị Thu	12/01/2001	Nữ		2NT	2019	19.30	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
337	28019645	Đinh Thị Hoài Thương	18/07/2001	Nữ		2NT	2019	15.15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
338	01041237	Phan Thị Thương	08/05/2001	Nữ		2	2019	18.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
339	25002853	Phạm Thị Thu Trà	05/10/2001	Nữ		2	2019	18.90	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
340	01029467	Phùng Thị Thu Trà	14/11/2001	Nữ		2	2019	16.05	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
341	22010850	Đàm Thị Trang	23/06/2001	Nữ		2NT	2019	15	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
342	21013597	Đào Thị Trang	20/01/2001	Nữ		2	2019	20.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
343	03003120	Đỗ Thị Huyền Trang	24/05/2001	Nữ		1	2019	19.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
344	16004026	Đỗ Thị Thùy Trang	13/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
345	23000690	Lê Thị Trang	18/09/2001	Nữ		1	2019	16.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
346	01069988	Lê Thu Trang	24/02/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
347	03017560	Nguyễn Huyền Trang	24/08/2001	Nữ		2	2019	20.20	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
348	01011760	Nguyễn Hương Quỳnh Trang	27/10/2001	Nữ		3	2019	18.85	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
349	22011419	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
350	25008030	Nguyễn Thị Thùy Trang	27/11/2001	Nữ		2NT	2019	16.75	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
351	01072371	Nguyễn Thùy Trang	06/06/2001	Nữ		2	2019	14.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
352	01057043	Tạ Thị Huyền Trang	10/11/2001	Nữ		2	2019	14.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
353	28013470	Tô Thị Hiền Trang	15/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.30	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
354	01032547	Trần Thị Thùy Trang	29/01/2001	Nữ		2	2019	17.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
355	13002168	Vũ Thị Thu Trang	18/09/2001	Nữ		1	2019	14.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
356	01051934	Vương Thị Trang	31/03/2001	Nữ		2	2019	16.95	D01	7340101	Quản trị kinh doanh

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
357	15002995	Trương Quang Trung	21/09/2001	Nam		2	2019	17.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
358	01011818	Nguyễn Gia Trường	23/10/2001	Nam		3	2019	18.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
359	01038199	Đào Thị Tú Uyên	02/10/2001	Nữ		3	2019	17.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
360	38005464	Hồ Thị Tú Uyên	12/10/2001	Nữ		1	2019	18.90	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
361	14001349	Nguyễn Hà Uyên	12/01/2001	Nữ		1	2019	16.10	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
362	01059885	Nguyễn Thị Uyên	01/08/2001	Nữ		2	2019	15.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
363	26009426	Nguyễn Thị Phương Uyên	17/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.25	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
364	01055266	Nguyễn Thị Tú Uyên	07/05/2001	Nữ		2	2019	14.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
365	01024113	Nguyễn Thị Thu Uyên	13/07/2001	Nữ		3	2019	18.55	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
366	24001366	Phạm Thị Thu Uyên	28/06/2001	Nữ		2	2019	14.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
367	01073514	Đinh Hồng Vân	05/02/2001	Nữ		3	2019	16.50	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
368	01048960	Lê Hải Vân	10/03/2001	Nữ	06	2	2019	18.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
369	28018210	Nguyễn Khánh Vân	31/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.45	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
370	01057164	Đỗ Thị Vi	28/01/2001	Nữ		2	2019	18.25	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
371	17005324	Tô Thúy Vi	19/08/2001	Nữ	06	1	2019	18.60	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
372	01073536	Lê Minh Việt	08/11/2001	Nam		3	2019	17	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
373	17008711	Ngô Gia Hoàng Việt	31/10/2001	Nam		1	2019	16.35	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
374	21009242	Trương Hồng Vinh	06/05/2001	Nam		2	2019	16.45	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
375	01011323	Hoàng Trí Vũ	22/05/2001	Nam		3	2019	16.40	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
376	01001789	Nguyễn Anh Vũ	03/05/2001	Nam		3	2019	15.10	A01	7340101	Quản trị kinh doanh
377	27004191	Nguyễn Thế Vũ	24/12/2001	Nam		2	2019	19.30	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
378	01013648	Hoàng Tường Vy	17/08/2001	Nữ		3	2019	18.05	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
379	01049563	Lê Vy	28/12/2001	Nữ		2	2019	18.15	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
380	29006523	Nguyễn Thị Hà Vy	16/09/2001	Nữ		2NT	2019	15.65	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
381	01069314	Đỗ Thị Xiêm	23/11/2001	Nữ		2	2019	16.65	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
382	13002186	Đặng Thị Xuân	16/05/2001	Nữ	01	1	2019	14.80	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
383	43000612	Nông Thị Yên	28/01/2001	Nữ	01	1	2019	19.10	A00	7340101	Quản trị kinh doanh
384	23002891	Đinh Thị Hải Yên	09/09/2001	Nữ	01	1	2019	15.85	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
385	15011429	Hà Hải Yên	25/09/2001	Nữ		1	2019	15.70	D01	7340101	Quản trị kinh doanh
386	25010178	Hoàng Thị Ngọc Yến	31/08/2001	Nữ		2NT	2019	20.10	B00	7340101	Quản trị kinh doanh
387	01047278	Vương Thị An	19/10/2001	Nữ		2	2019	18.65	D01	7340301	Kế toán
388	14002639	Cà Thị Ngọc Anh	25/12/2001	Nữ	01	1	2019	18.75	D01	7340301	Kế toán
389	19005447	Đàm Quỳnh Anh	28/01/2001	Nữ		2	2019	17.40	A01	7340301	Kế toán
390	01042023	Đặng Hà Việt Anh	09/06/2001	Nữ		2	2019	17.60	D01	7340301	Kế toán
391	25000571	Đặng Quang Anh	29/06/2001	Nam		2	2019	17.30	B00	7340301	Kế toán
392	15006057	Đinh Thị Mai Anh	28/04/2001	Nữ		1	2019	15.90	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
393	26018252	Đỗ Thị Hải Anh	04/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.20	D01	7340301	Kế toán
394	01036997	Đức Thị Phương Anh	20/01/2001	Nữ		3	2019	14.40	D01	7340301	Kế toán
395	01055293	Hoàng Ngọc Anh	06/01/2001	Nữ		2	2019	16.65	D01	7340301	Kế toán
396	01042039	Hoàng Tú Anh	27/05/2001	Nữ		2	2019	16.75	A00	7340301	Kế toán
397	29026478	Hồ Thị Hoàng Anh	18/11/2001	Nữ		2	2019	19.55	A01	7340301	Kế toán
398	01047321	Khuất Thị Tú Anh	01/05/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340301	Kế toán
399	09001322	Lê Kiều Anh	19/09/2001	Nữ		1	2019	19.65	D01	7340301	Kế toán
400	28023656	Lê Lan Anh	22/10/2001	Nữ		2NT	2019	20.05	D01	7340301	Kế toán
401	01065197	Lê Thị Chung Anh	15/09/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7340301	Kế toán
402	01059310	Lương Thị Lan Anh	17/10/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7340301	Kế toán
403	18011882	Ngô Chí Hoàng Anh	08/02/2001	Nam		1	2019	18.05	A00	7340301	Kế toán
404	23006871	Nguyễn Lan Anh	25/03/2001	Nữ		1	2019	16.75	B00	7340301	Kế toán
405	01021141	Nguyễn Phương Anh	21/11/2001	Nữ		3	2019	14.35	A00	7340301	Kế toán
406	22007512	Nguyễn Phương Anh	14/02/2001	Nữ		2NT	2019	17.20	D01	7340301	Kế toán
407	01055325	Nguyễn Thị Kim Anh	19/10/2001	Nữ		2	2019	17.15	A00	7340301	Kế toán
408	26014145	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	04/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.65	D01	7340301	Kế toán
409	19006815	Nguyễn Thị Vân Anh	10/09/2001	Nữ		2NT	2019	15.85	D01	7340301	Kế toán
410	01016911	Phạm Diệu Anh	07/09/2001	Nữ		3	2019	14.85	D01	7340301	Kế toán
411	08002520	Phạm Hà Anh	20/11/2001	Nữ		1	2019	15.55	A00	7340301	Kế toán
412	01065315	Tạ Thị Kiều Anh	21/01/2001	Nữ		2	2019	14.80	D01	7340301	Kế toán
413	27000422	Trần Thế Anh	22/06/2001	Nam		1	2019	18.95	D01	7340301	Kế toán
414	13000736	Trần Thị Vân Anh	15/08/2001	Nữ		1	2019	19	D01	7340301	Kế toán
415	27007959	Vũ Thị Kim Anh	16/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.75	A00	7340301	Kế toán
416	26006647	Vũ Thị Lan Anh	19/09/2000	Nữ		2NT	2019	14.85	D01	7340301	Kế toán
417	28030903	Lê Thanh Nguyệt Ánh	23/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.80	A01	7340301	Kế toán
418	21016160	Lê Thị Ánh	18/12/2001	Nữ		2	2019	16.65	D01	7340301	Kế toán
419	28012784	Lê Thị Ánh	18/08/1999	Nữ		2NT	2017	17.40	D01	7340301	Kế toán
420	28032597	Mai Thị Ánh	17/08/2001	Nữ		1	2019	17.25	D01	7340301	Kế toán
421	18018439	Nguyễn Nguyệt Ánh	27/12/2001	Nữ		2	2019	17.75	D01	7340301	Kế toán
422	17006158	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/04/2001	Nữ		2	2019	17.45	A01	7340301	Kế toán
423	01040173	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/12/2001	Nữ		2	2019	15.70	D01	7340301	Kế toán
424	17010365	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/11/2001	Nữ		2NT	2019	15.80	D01	7340301	Kế toán
425	19003767	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.65	D01	7340301	Kế toán
426	23000754	Trịnh Thị Ngọc Ánh	08/01/2001	Nữ		1	2019	16.25	A00	7340301	Kế toán
427	25008141	Phạm Thị Bích	11/08/2001	Nữ		2NT	2019	20.20	A00	7340301	Kế toán
428	13001985	Nguyễn Thị Biên	23/04/2001	Nữ	01	1	2019	17.45	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
429	28029947	Lê Bá Cường	27/12/2000	Nam		2NT	2019	18.50	D01	7340301	Kế toán
430	01017348	Phạm Hoàng Cường	09/04/2001	Nam		3	2019	15.20	D01	7340301	Kế toán
431	18008681	Đào Thị Kim Chi	19/07/2001	Nữ	01	1	2019	19.50	A01	7340301	Kế toán
432	24001400	Hoàng Linh Chi	09/05/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7340301	Kế toán
433	03002871	Nguyễn Thị Chi	29/07/2001	Nữ		1	2019	15.95	D01	7340301	Kế toán
434	01072674	Nguyễn Thị Kim Chi	26/10/2001	Nữ		3	2019	14.15	D01	7340301	Kế toán
435	27003437	Phạm Thị Kim Chi	18/12/2001	Nữ		2	2019	15.60	D01	7340301	Kế toán
436	01061314	Trần Việt Chinh	14/11/2001	Nữ		2	2019	18.65	A01	7340301	Kế toán
437	01042274	Dương Thị Hồng Chúc	28/10/2001	Nữ		1	2019	18.20	A00	7340301	Kế toán
438	01033838	Đàm Thanh Chúc	02/05/2001	Nữ		2	2019	21.65	D01	7340301	Kế toán
439	01023749	Nguyễn Thị Chuyên	30/12/2000	Nữ		3	2019	18.35	D01	7340301	Kế toán
440	01007466	Nguyễn Ngọc Diệp	15/11/2001	Nữ		3	2019	18.60	D01	7340301	Kế toán
441	26010544	Đông Ngọc Huyền Diệu	08/08/2001	Nữ		2NT	2019	14.25	D01	7340301	Kế toán
442	16003665	Nguyễn Thị Dinh	20/03/2001	Nữ		2NT	2019	18	D01	7340301	Kế toán
443	22001231	Đoàn Thị Thùy Dung	06/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.55	A00	7340301	Kế toán
444	39002900	Nguyễn Thị Ngọc Dung	15/11/2001	Nữ		1	2019	18.40	D01	7340301	Kế toán
445	26010554	Phạm Thùy Dung	19/01/2001	Nữ		2NT	2019	15.05	D01	7340301	Kế toán
446	28002522	Phạm Thùy Dung	06/08/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7340301	Kế toán
447	28003524	Trương Thị Dung	17/09/2001	Nữ	01	1	2019	17.25	D01	7340301	Kế toán
448	01000676	Lê Đỗ Ngọc Dũng	02/11/2001	Nam		3	2019	19.20	D01	7340301	Kế toán
449	01040622	Đỗ Thị Duyên	14/04/2001	Nữ		2	2019	19.90	A01	7340301	Kế toán
450	01045689	Đỗ Thị Duyên	03/12/2001	Nữ		2	2019	18	A00	7340301	Kế toán
451	26016376	Lê Thùy Duyên	31/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.35	D01	7340301	Kế toán
452	30004428	Phan Thị Mỹ Duyên	28/04/2001	Nữ		2	2019	17.60	A00	7340301	Kế toán
453	01059565	Lê Thuỳ Dương	16/10/2001	Nữ		2	2019	16.25	D01	7340301	Kế toán
454	01000724	Nguyễn Thùy Dương	09/08/2001	Nữ		3	2019	15.95	D01	7340301	Kế toán
455	12000310	Triệu Thị Đào	21/05/2001	Nữ	01	1	2019	21.45	A01	7340301	Kế toán
456	29001943	Lê Đăng Đạt	23/08/2001	Nam		2NT	2019	17.25	D01	7340301	Kế toán
457	17010401	Nguyễn Hồng Đức	17/12/2001	Nam		2NT	2019	20.65	D01	7340301	Kế toán
458	25000718	Trần Văn Đức	04/11/2001	Nam		2	2019	17.40	D01	7340301	Kế toán
459	01073121	Bùi Đỗ Hương Giang	07/11/2001	Nữ		3	2019	15.65	D01	7340301	Kế toán
460	16005929	Khương Thu Giang	01/05/2001	Nữ		1	2019	16.90	D01	7340301	Kế toán
461	01013294	Nguyễn Thị Giang	10/02/2001	Nữ		3	2019	16.40	D01	7340301	Kế toán
462	19011402	Nguyễn Thị Giang	20/03/2001	Nữ		2NT	2019	15.15	D01	7340301	Kế toán
463	30011682	Nguyễn Thị Hương Giang	09/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7340301	Kế toán
464	24008069	Nguyễn Thị Hương Giang	10/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
465	01023897	Phạm Thị Thu Giang	06/11/2001	Nữ		3	2019	18	D01	7340301	Kế toán
466	30004477	Trần Thị Quỳnh Giang	05/05/2001	Nữ		2	2019	16	A00	7340301	Kế toán
467	10000696	Bế Thị Hải Hà	28/04/2001	Nữ	01	1	2019	18.80	D01	7340301	Kế toán
468	10001240	Dương Nguyệt Hà	13/03/2001	Nữ	01	1	2019	16.45	D01	7340301	Kế toán
469	25004468	Đỗ Thu Hà	18/09/2001	Nữ		2NT	2019	15.60	D01	7340301	Kế toán
470	28011816	Hoàng Ngân Hà	16/03/2001	Nữ	01	1	2019	21.75	A00	7340301	Kế toán
471	16000523	Lại Khánh Hà	25/05/2001	Nữ		2	2019	19.25	D01	7340301	Kế toán
472	19003016	Nguyễn Thu Hà	29/09/2001	Nữ		2NT	2019	14.15	D01	7340301	Kế toán
473	21002815	Phạm Thị Thu Hà	27/12/2001	Nữ		2NT	2019	21.70	D01	7340301	Kế toán
474	29000881	Trần Thị Thu Hà	02/09/2001	Nữ		2NT	2019	19	D01	7340301	Kế toán
475	15002452	Vi Thị Thúy Hà	13/12/2001	Nữ		2	2019	14.65	D01	7340301	Kế toán
476	27003503	Đinh Thị Thu Hải	25/11/2001	Nữ		2	2019	20.30	D01	7340301	Kế toán
477	18017848	Nguyễn Đình Hải	29/01/2001	Nam		2	2019	18.90	B00	7340301	Kế toán
478	18001167	Vi Hồng Hải	30/03/2001	Nam	01	1	2019	17.60	D01	7340301	Kế toán
479	26008102	Vũ Thị Minh Hải	13/06/2001	Nữ		2NT	2019	15.35	D01	7340301	Kế toán
480	28015402	Đỗ Thị Hạnh	06/07/2001	Nữ		2NT	2019	17	D01	7340301	Kế toán
481	18009503	Nguyễn Hồng Hạnh	21/07/2001	Nữ		1	2019	14.55	D01	7340301	Kế toán
482	01045762	Nguyễn Thị Bích Hạnh	09/01/2001	Nữ		2	2019	14.15	D01	7340301	Kế toán
483	15001139	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	03/03/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7340301	Kế toán
484	11002053	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	26/10/2001	Nữ	01	1	2019	19.05	D01	7340301	Kế toán
485	17000126	Phạm Hồng Hạnh	24/07/2001	Nữ		1	2019	20.05	B00	7340301	Kế toán
486	01059958	Phạm Thị Hạnh	02/01/2001	Nữ		2	2019	15.55	D01	7340301	Kế toán
487	30014176	Trần Thị Mỹ Hạnh	23/10/2001	Nữ		1	2019	21.45	D01	7340301	Kế toán
488	01030728	Đặng Thu Hằng	25/10/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7340301	Kế toán
489	01057918	Đỗ Thị Hằng	24/02/2001	Nữ		2	2019	14.50	D01	7340301	Kế toán
490	16010770	Lưu Thị Thu Hằng	30/05/2001	Nữ	01	1	2019	18.20	D01	7340301	Kế toán
491	01024193	Nguyễn Thị Hằng	30/07/2001	Nữ		3	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán
492	01034513	Nguyễn Thị Hằng	13/07/2001	Nữ		2	2019	19.45	D01	7340301	Kế toán
493	26008112	Nguyễn Thị Hằng	20/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7340301	Kế toán
494	62002239	Nguyễn Thị Hằng	25/12/2001	Nữ		1	2019	16.55	D01	7340301	Kế toán
495	21002839	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	10/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.05	A00	7340301	Kế toán
496	28029430	Trịnh Thúy Hằng	25/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.25	D01	7340301	Kế toán
497	22011621	Nguyễn Thị Hân	11/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.35	D01	7340301	Kế toán
498	28030024	Lê Thị Hậu	23/04/2001	Nữ		1	2019	18.70	A00	7340301	Kế toán
499	17008829	Nguyễn Thị Hậu	20/06/2001	Nữ		2	2019	15.15	D01	7340301	Kế toán
500	01045812	Đỗ Thị Kim Hiền	14/05/2001	Nữ		2	2019	17.25	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
501	01005227	Đỗ Thúy Hiền	24/12/2001	Nữ		3	2019	16	D01	7340301	Kế toán
502	12000394	Hà Thị Thu Hiền	19/03/2001	Nữ	01	1	2019	17.25	A00	7340301	Kế toán
503	01021862	Lê Thị Thu Hiền	14/02/2001	Nữ		3	2019	18.10	A01	7340301	Kế toán
504	25013676	Nguyễn Thị Hiền	20/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7340301	Kế toán
505	01073227	Nguyễn Thu Hiền	13/12/2001	Nữ		3	2019	17.50	D01	7340301	Kế toán
506	28027061	Trần Thị Hiền	19/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.15	D01	7340301	Kế toán
507	09000675	Trần Ngọc Hiếu	25/11/2000	Nam		1	2019	19.25	A00	7340301	Kế toán
508	25000797	Bùi Thị Kim Hoa	12/11/2001	Nữ		2	2019	18.65	A00	7340301	Kế toán
509	01060038	Đoàn Thị Vân Hoa	15/12/2001	Nữ		2	2019	16.95	A00	7340301	Kế toán
510	01030806	Hoàng Thị Xuân Hoa	28/11/2001	Nữ		2	2019	17	D01	7340301	Kế toán
511	28003602	Ngô Thị Hoa	01/01/2001	Nữ		1	2019	15.55	D01	7340301	Kế toán
512	01050755	Nguyễn Thị Hoa	25/11/2001	Nữ		2	2019	14.80	D01	7340301	Kế toán
513	01057997	Nguyễn Thị Hoa	08/02/2001	Nữ		2	2019	19.70	D01	7340301	Kế toán
514	18009567	Nguyễn Thị Lê Hoa	07/11/2001	Nữ		1	2019	17.35	D01	7340301	Kế toán
515	07002354	Phùng Thị Hồng Hoa	28/09/2001	Nữ		1	2019	17.65	D01	7340301	Kế toán
516	10000731	Phuong Thanh Hoa	07/04/2001	Nữ	01	1	2019	18	A00	7340301	Kế toán
517	26003910	Vũ Thị Mai Hoa	24/05/2001	Nữ		2NT	2019	18.50	A00	7340301	Kế toán
518	19007078	Nguyễn Thị Hoài	21/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.15	A00	7340301	Kế toán
519	19007080	Phạm Thị Hoài	17/12/2001	Nữ		2NT	2019	18.80	D01	7340301	Kế toán
520	19001069	Trần Thị Thanh Hoài	31/10/2001	Nữ		2	2019	17.20	A01	7340301	Kế toán
521	25012656	Trần Thị Thu Hoài	04/04/2001	Nữ		2NT	2019	19.40	D01	7340301	Kế toán
522	01048165	Nguyễn Thị Hoàn	22/09/2001	Nữ		2	2019	14.60	D01	7340301	Kế toán
523	27005833	Phạm Việt Hoàng	10/12/2001	Nam		2NT	2019	14.65	A00	7340301	Kế toán
524	12000440	Lý Kim Hồng	01/06/2001	Nữ	01	1	2019	18.30	A00	7340301	Kế toán
525	01050798	Vương Thị Hồng	22/03/2001	Nữ		2	2019	15.35	D01	7340301	Kế toán
526	25016887	Nguyễn Thị Huê	26/06/2001	Nữ		2NT	2019	15.20	D01	7340301	Kế toán
527	25014930	Cao Thị Huế	03/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.15	A00	7340301	Kế toán
528	25007789	Trần Thị Huế	14/12/2001	Nữ		2NT	2019	16.90	A00	7340301	Kế toán
529	01040482	Nguyễn Phi Hùng	09/03/2001	Nam		2	2019	17.55	D01	7340301	Kế toán
530	17007058	Trần Phi Hùng	18/02/2000	Nam		2	2019	17.85	A01	7340301	Kế toán
531	21005465	Vũ Mạnh Hùng	31/07/2001	Nam		2NT	2019	17.80	D01	7340301	Kế toán
532	26002462	Bùi Ngọc Huyền	21/03/2001	Nữ		2NT	2019	14.10	D01	7340301	Kế toán
533	01024375	Chu Phương Huyền	09/09/2001	Nữ		3	2019	18.50	D01	7340301	Kế toán
534	25001441	Đoàn Khánh Huyền	11/01/2001	Nữ		2	2019	20.05	D01	7340301	Kế toán
535	13000866	Đỗ Khánh Huyền	11/10/2001	Nữ		1	2019	18.30	D01	7340301	Kế toán
536	18009634	Giáp Thị Huyền	06/01/2001	Nữ		1	2019	14.85	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
537	28017906	Lê Thị Thanh Huyền	14/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.75	D01	7340301	Kế toán
538	01038602	Lưu Thị Thanh Huyền	07/04/2001	Nữ		3	2019	14.80	D01	7340301	Kế toán
539	25006591	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	25/04/2001	Nữ		2NT	2019	20.35	A00	7340301	Kế toán
540	38004899	Nguyễn Thị Thu Huyền	14/06/2001	Nữ		1	2019	20.45	D01	7340301	Kế toán
541	01046013	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/05/2001	Nữ		2	2019	14.05	D01	7340301	Kế toán
542	23006926	Nguyễn Thu Huyền	05/12/2001	Nữ		1	2019	18.60	B00	7340301	Kế toán
543	27000613	Nguyễn Thu Huyền	19/08/2001	Nữ	01	1	2019	21.60	D01	7340301	Kế toán
544	26001023	Phí Vũ Ngọc Huyền	10/05/2001	Nữ		2	2019	18	D01	7340301	Kế toán
545	01048538	Phùng Thị Huyền	07/10/2001	Nữ		2	2019	14.90	D01	7340301	Kế toán
546	08003235	Phùng Thị Khánh Huyền	03/08/2001	Nữ		1	2019	18.45	D01	7340301	Kế toán
547	14000243	Quảng Thị Thu Huyền	13/04/2001	Nữ	01	1	2019	18.20	D01	7340301	Kế toán
548	27002284	Tổng Khánh Huyền	05/01/2001	Nữ		1	2019	18	D01	7340301	Kế toán
549	26010663	Trần Thị Huyền	27/01/2001	Nữ		2NT	2019	15.55	D01	7340301	Kế toán
550	16003785	Trần Thị Thu Huyền	29/01/2001	Nữ		2NT	2019	19.80	D01	7340301	Kế toán
551	28029523	Đoàn Thị Hương	21/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.55	D01	7340301	Kế toán
552	28022687	Đỗ Thị Hương	11/06/2001	Nữ		2NT	2019	14.35	D01	7340301	Kế toán
553	01046042	Hoàng Thị Hương	31/12/2001	Nữ		2	2019	17.75	D01	7340301	Kế toán
554	01048572	Khuất Thị Thanh Hương	03/07/2001	Nữ		2	2019	18.20	D01	7340301	Kế toán
555	01035395	Lương Thị Thu Hương	17/09/2001	Nữ		2	2019	17.90	D01	7340301	Kế toán
556	12006252	Nguyễn Khánh Hương	10/10/2001	Nữ		1	2019	16.25	D01	7340301	Kế toán
557	01056053	Nguyễn Thị Sông Hương	05/10/2001	Nữ		2	2019	19.40	D01	7340301	Kế toán
558	01050923	Nguyễn Thị Thanh Hương	21/09/2001	Nữ		2	2019	14.15	D01	7340301	Kế toán
559	18014083	Nguyễn Thị Thu Hương	22/03/2001	Nữ		2NT	2019	18.05	D01	7340301	Kế toán
560	62000792	Nguyễn Thu Hương	14/01/2001	Nữ		1	2019	15.05	D01	7340301	Kế toán
561	01048588	Nguyễn Việt Hương	23/10/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340301	Kế toán
562	01073713	Phạm Thị Mai Hương	07/07/2001	Nữ		3	2019	14.45	D01	7340301	Kế toán
563	01048590	Phí Lan Hương	24/07/2001	Nữ		2	2019	18	D01	7340301	Kế toán
564	10002836	Chu Thúy Hường	01/09/2001	Nữ	01	1	2019	15.35	D01	7340301	Kế toán
565	62002284	Lê Thị Hường	06/07/2001	Nữ		1	2019	18.50	D01	7340301	Kế toán
566	21018970	Đỗ Thị Hường	12/03/2001	Nữ		2NT	2019	20.30	D01	7340301	Kế toán
567	12000492	Mùa Thị Kí	03/11/2001	Nữ	01	1	2019	15	D01	7340301	Kế toán
568	28002618	Lê Trung Kiên	28/04/2001	Nam		2	2019	14.55	D01	7340301	Kế toán
569	29016389	Nguyễn Thị Kiều	03/11/2001	Nữ		2	2019	15.75	D01	7340301	Kế toán
570	01073724	Đỗ Tiến Khải	20/04/2001	Nam		3	2019	14.50	D01	7340301	Kế toán
571	01022359	Nguyễn Ngọc Khanh	02/08/2001	Nữ		3	2019	21.15	D01	7340301	Kế toán
572	62000269	Trịnh Quốc Khánh	30/01/2001	Nam		1	2019	16.10	B00	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
573	01050962	Đỗ Thị Minh Khuê	22/10/2001	Nữ		2	2019	16.45	D01	7340301	Kế toán
574	19012211	Nguyễn Thị Lan	01/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.35	D01	7340301	Kế toán
575	22011720	Phạm Thị Hương Lan	13/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.90	D01	7340301	Kế toán
576	21004435	Vũ Ngọc Lan	08/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.30	D01	7340301	Kế toán
577	01043589	Vũ Thị Lan	07/05/2001	Nữ		1	2019	17.35	D01	7340301	Kế toán
578	01067128	Hoàng Nhật Lệ	06/07/2001	Nữ		2	2019	15.60	D01	7340301	Kế toán
579	01024471	Đỗ Thị Bích Liên	17/08/2001	Nữ		3	2019	16.05	D01	7340301	Kế toán
580	01046159	Nguyễn Thị Liên	18/07/2001	Nữ		2	2019	18.50	D01	7340301	Kế toán
581	01044007	Đào Thị Linh	30/11/2001	Nữ		2	2019	17.40	A01	7340301	Kế toán
582	18002736	Đào Thị Mỹ Linh	17/12/2001	Nữ		1	2019	14	D01	7340301	Kế toán
583	01062599	Đinh Thị Linh	28/08/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán
584	01046175	Đoàn Thị Khánh Linh	30/12/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7340301	Kế toán
585	01046177	Đỗ Hoài Linh	18/10/2001	Nữ		2	2019	15.35	D01	7340301	Kế toán
586	25001965	Đỗ Thùy Linh	03/03/2001	Nữ		2	2019	15.05	D01	7340301	Kế toán
587	18009716	Giáp Thị Mỹ Linh	28/08/2000	Nữ		1	2019	14.05	D01	7340301	Kế toán
588	10001389	Hoàng Thùy Linh	13/12/2001	Nữ	01	1	2019	15.90	A01	7340301	Kế toán
589	28034241	Lê Thị Diệu Linh	06/05/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	B00	7340301	Kế toán
590	15002668	Lê Thị Ngọc Linh	30/09/2001	Nữ		2	2019	16.25	D01	7340301	Kế toán
591	01071852	Lê Thùy Linh	23/10/2001	Nữ		2	2019	15.55	A00	7340301	Kế toán
592	17013313	Nguyễn An Linh	16/06/2001	Nữ		2	2019	17.50	D01	7340301	Kế toán
593	21009409	Nguyễn Diệu Linh	12/04/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7340301	Kế toán
594	26014522	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	17/08/2001	Nữ		2NT	2019	17.80	D01	7340301	Kế toán
595	01022436	Nguyễn Hạnh Linh	24/06/2001	Nữ		3	2019	16.90	D01	7340301	Kế toán
596	01048734	Nguyễn Khánh Linh	29/01/2001	Nữ		2	2019	18.65	D01	7340301	Kế toán
597	21004454	Nguyễn Thảo Linh	24/10/2001	Nữ		2NT	2019	14.60	D01	7340301	Kế toán
598	01049069	Nguyễn Thị Linh	08/12/2001	Nữ		2	2019	18.65	A00	7340301	Kế toán
599	01048750	Nguyễn Thị Mai Linh	29/03/2001	Nữ		2	2019	17.35	D01	7340301	Kế toán
600	17004332	Nguyễn Thị Thùy Linh	31/12/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7340301	Kế toán
601	26011189	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.60	A00	7340301	Kế toán
602	27003616	Phạm Thị Linh	10/10/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7340301	Kế toán
603	17003815	Phùng Hồng Linh	12/06/2001	Nữ		2	2019	18.85	D01	7340301	Kế toán
604	01005821	Trần Khánh Linh	17/07/2001	Nữ		3	2019	20.60	D01	7340301	Kế toán
605	01041056	Trần Khánh Linh	14/01/2001	Nữ		2	2019	21.05	D01	7340301	Kế toán
606	28026068	Trần Thị Linh	26/03/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7340301	Kế toán
607	25007861	Trần Thị Mỹ Linh	21/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	A00	7340301	Kế toán
608	13001264	Trần Thuỳ Linh	20/09/2001	Nữ		1	2019	17.25	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
609	25011061	Trần Thùy Linh	08/07/2001	Nữ		2NT	2019	14.20	D01	7340301	Kế toán
610	14004796	Vì Thị Vân Linh	28/01/2001	Nữ	01	1	2019	15.05	D01	7340301	Kế toán
611	28002643	Lê Văn Minh Lộc	07/10/2001	Nam		2	2019	16.45	D01	7340301	Kế toán
612	14008989	Nguyễn Thành Lộc	20/08/2001	Nam		1	2019	16.55	A00	7340301	Kế toán
613	01058623	Nguyễn Quỳnh Lương	12/01/2001	Nữ		2	2019	18.70	D01	7340301	Kế toán
614	01069428	Hoàng Khánh Ly	13/04/2001	Nữ		2	2019	17.15	D01	7340301	Kế toán
615	16010428	Lê Ngọc Ly	09/07/2001	Nữ		2	2019	18	D01	7340301	Kế toán
616	01031794	Nguyễn Đào Uyên Ly	01/08/2001	Nữ		2	2019	17.05	D01	7340301	Kế toán
617	29000131	Nguyễn Thị Hải Ly	02/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.95	D01	7340301	Kế toán
618	28001713	Nguyễn Thị Hương Ly	12/09/2001	Nữ		2	2019	15.65	D01	7340301	Kế toán
619	28001714	Nguyễn Thị Khánh Ly	08/09/2001	Nữ		2	2019	17.50	D01	7340301	Kế toán
620	29003437	Phạm Cẩm Ly	28/12/2001	Nữ		1	2019	18.20	D01	7340301	Kế toán
621	21000321	Phạm Khánh Ly	16/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	D01	7340301	Kế toán
622	01035967	Trần Thị Ly	18/02/2001	Nữ		2	2019	19.40	A00	7340301	Kế toán
623	15002123	Trương Khánh Ly	25/01/2001	Nữ		2	2019	19.10	D01	7340301	Kế toán
624	28034285	Dương Thị Mai	11/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.80	D01	7340301	Kế toán
625	01060610	Đào Thị Diệu Mai	19/05/2001	Nữ		2	2019	15	D01	7340301	Kế toán
626	14006029	Hoàng Thị Tuyết Mai	22/08/2001	Nữ		1	2019	17.70	B00	7340301	Kế toán
627	01049195	Nguyễn Ngọc Mai	28/10/2001	Nữ		2	2019	14.50	A01	7340301	Kế toán
628	17012347	Nguyễn Tuyết Mai	14/05/2001	Nữ		1	2019	18.50	D01	7340301	Kế toán
629	27003639	Nguyễn Thị Hiền Mai	09/03/2001	Nữ		2	2019	16.05	D01	7340301	Kế toán
630	27006341	Nguyễn Thị Tuyết Mai	27/11/2001	Nữ		2NT	2019	16.15	A00	7340301	Kế toán
631	17005246	Trần Thị Mai	24/10/2001	Nữ		1	2019	19	D01	7340301	Kế toán
632	24007827	Trần Thị Mai	07/08/2001	Nữ		2NT	2019	21.50	A01	7340301	Kế toán
633	16010054	Nguyễn Hồng Minh	29/04/2001	Nữ		2NT	2019	18.25	A00	7340301	Kế toán
634	17004381	Trần Tuấn Minh	01/03/2001	Nam		2	2019	19.60	A01	7340301	Kế toán
635	01060663	Nguyễn Thị Mơ	28/02/2001	Nữ		2	2019	16.05	D01	7340301	Kế toán
636	10000867	Ba Thị Huyền My	07/01/2001	Nữ	01	1	2019	18.15	A01	7340301	Kế toán
637	15006206	Hoàng Hà My	14/10/2001	Nữ		1	2019	14.95	D01	7340301	Kế toán
638	01067212	Nguyễn Thị Huyền My	14/06/2001	Nữ		2	2019	18.85	D01	7340301	Kế toán
639	01067215	Nguyễn Thị Trà My	02/10/2001	Nữ		2	2019	17	D01	7340301	Kế toán
640	01046696	Nguyễn Thị Trà My	19/11/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán
641	01056579	Nguyễn Trà My	13/10/2001	Nữ		2	2019	15.80	D01	7340301	Kế toán
642	01067249	Nguyễn Thị Nam	26/01/2001	Nữ		2	2019	14.20	D01	7340301	Kế toán
643	01051513	Lê Thị Nga	21/10/2001	Nữ		2	2019	14.20	D01	7340301	Kế toán
644	28027897	Lê Thị Quỳnh Nga	11/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.80	A00	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
645	01058729	Nguyễn Thị Nga	28/01/2001	Nữ		2	2019	16.30	B00	7340301	Kế toán
646	01056619	Nguyễn Thị Nga	17/08/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7340301	Kế toán
647	25008456	Tổng Thị Nga	15/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.45	A01	7340301	Kế toán
648	15005969	Trần Thị Thúy Nga	27/10/2001	Nữ	06	1	2019	21.55	D01	7340301	Kế toán
649	01069526	Nguyễn Thị Ngà	10/11/2001	Nữ		2	2019	18.40	D01	7340301	Kế toán
650	18004250	Mai Thị Ngát	23/11/2001	Nữ		1	2019	14.70	D01	7340301	Kế toán
651	01058738	Dương Khánh Ngân	26/11/2001	Nữ		2	2019	16.80	A00	7340301	Kế toán
652	01058746	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/02/2001	Nữ		2	2019	16	D01	7340301	Kế toán
653	01036436	Phạm Thị Thúy Ngân	18/08/2001	Nữ		2	2019	17.70	D01	7340301	Kế toán
654	28026107	Lê Thị Ngọc	30/05/2001	Nữ		1	2019	14.15	D01	7340301	Kế toán
655	25017641	Lương Thị Bích Ngọc	25/10/2001	Nữ		2NT	2019	19.20	D01	7340301	Kế toán
656	27004725	Nguyễn Bích Ngọc	05/02/2001	Nữ		2NT	2019	18.80	D01	7340301	Kế toán
657	08000302	Nguyễn Thị Ngọc	11/10/2001	Nữ		1	2019	19.20	D01	7340301	Kế toán
658	01032228	Trần Thị Bích Ngọc	05/06/2001	Nữ		2	2019	14.75	A00	7340301	Kế toán
659	25001005	Đặng Thị Ánh Nguyệt	06/04/2001	Nữ		2	2019	19	A00	7340301	Kế toán
660	13000966	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/2001	Nữ		1	2019	15.85	D01	7340301	Kế toán
661	09001622	Trần Thị Ánh Nguyệt	16/09/2001	Nữ		1	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán
662	26015860	Chu Thị Thanh Nhân	12/11/2001	Nữ		2NT	2019	15.95	D01	7340301	Kế toán
663	28015517	Lưu Thị Nhân	08/12/2001	Nữ		1	2019	14.05	A00	7340301	Kế toán
664	01002134	Ngô Yến Nhi	10/06/2001	Nữ		3	2019	18.70	A01	7340301	Kế toán
665	01058806	Nguyễn Bích Nhi	30/11/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán
666	26018090	Nguyễn Khánh Nhi	23/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.30	D01	7340301	Kế toán
667	01044640	Nguyễn Linh Nhi	14/10/2001	Nữ	01	1	2019	19.35	A00	7340301	Kế toán
668	14000415	Nguyễn Phạm Khánh Nhi	06/09/2001	Nữ		1	2019	14.05	A00	7340301	Kế toán
669	01058814	Phạm Thị Vân Nhi	05/10/2001	Nữ		2	2019	18.20	D01	7340301	Kế toán
670	01025111	Vũ Thị Nhi	20/06/2001	Nữ		3	2019	18.25	A00	7340301	Kế toán
671	01058818	Lê Thị Cẩm Nhung	09/11/2001	Nữ		2	2019	18.75	D01	7340301	Kế toán
672	19013603	Nguyễn Hồng Nhung	25/12/2001	Nữ		2NT	2019	19.10	D01	7340301	Kế toán
673	17012869	Nguyễn Hồng Nhung	12/11/2001	Nữ		1	2019	14.40	D01	7340301	Kế toán
674	19005121	Nguyễn Phương Nhung	14/03/2001	Nữ		2	2019	17.35	D01	7340301	Kế toán
675	19014180	Nguyễn Thị Nhung	16/10/2001	Nữ		2NT	2019	14.25	D01	7340301	Kế toán
676	28032958	Nguyễn Thị Nhung	20/06/2001	Nữ		1	2019	15.05	D01	7340301	Kế toán
677	26010131	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.90	D01	7340301	Kế toán
678	18019369	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	06/12/2001	Nữ		2	2019	14.15	A00	7340301	Kế toán
679	01044669	Nguyễn Thị Thu Nhung	29/10/2001	Nữ		2	2019	15.20	D01	7340301	Kế toán
680	01067416	Trần Thị Thùy Nhung	24/07/2001	Nữ		2	2019	19	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
681	22007772	Bùi Thị Oanh	10/01/2001	Nữ		2NT	2019	17.60	A00	7340301	Kế toán
682	26007664	Nguyễn Thị Oanh	12/10/2001	Nữ		2NT	2019	19.75	D01	7340301	Kế toán
683	17013392	Nguyễn Thu Oanh	24/08/2001	Nữ		2	2019	15.90	D01	7340301	Kế toán
684	14000433	Trần Diệp Oanh	25/07/2001	Nữ		1	2019	17.80	B00	7340301	Kế toán
685	30016023	Dương Nguyên Phong	06/10/2001	Nam		1	2019	16.85	B00	7340301	Kế toán
686	19005750	Nguyễn Bình Phước	15/10/2001	Nam		2	2019	20.35	A00	7340301	Kế toán
687	10006305	Dương Thị Hiền Phương	18/07/2001	Nữ	01	1	2019	20.35	D01	7340301	Kế toán
688	22001960	Đào Thị Phương	07/05/2001	Nữ		2NT	2019	17.70	D01	7340301	Kế toán
689	21011024	Đặng Thị Linh Phương	22/02/2001	Nữ		2	2019	16.55	D01	7340301	Kế toán
690	01018798	Đinh Hồng Phương	06/08/2001	Nữ		3	2019	18.60	A01	7340301	Kế toán
691	01074533	Lê Minh Phương	17/01/2001	Nữ		3	2019	18.85	A01	7340301	Kế toán
692	03006707	Lê Uyên Phương	25/08/2001	Nữ		3	2019	16.20	D01	7340301	Kế toán
693	08000669	Nguyễn Thị Phương	12/01/2001	Nữ		1	2019	15.10	A00	7340301	Kế toán
694	16010952	Nguyễn Thu Phương	06/05/2001	Nữ		2	2019	17.65	D01	7340301	Kế toán
695	01050540	Nguyễn Thu Phương	29/05/2001	Nữ		2	2019	17.20	A00	7340301	Kế toán
696	01056752	Nguyễn Thu Phương	08/10/2001	Nữ		2	2019	17.10	A00	7340301	Kế toán
697	01022538	Phạm Quỳnh Phương	03/03/2001	Nữ		3	2019	15.60	D01	7340301	Kế toán
698	01060250	Vũ Minh Phương	18/05/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7340301	Kế toán
699	13006232	Đoàn Bích Phương	27/01/2001	Nữ		1	2019	18.40	D01	7340301	Kế toán
700	06003336	Nguyễn Lan Phương	22/05/2001	Nữ	01	1	2019	16.80	D01	7340301	Kế toán
701	26015881	Nguyễn Minh Phương	30/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.10	D01	7340301	Kế toán
702	17009015	Lê Mạnh Quý	09/12/2001	Nam		2	2019	16.45	D01	7340301	Kế toán
703	01049801	Đỗ Thị Quyên	25/10/2001	Nữ		2	2019	18.85	D01	7340301	Kế toán
704	13006892	Hoàng Thị Quyên	21/02/2001	Nữ	01	1	2019	19.15	D01	7340301	Kế toán
705	13002118	Nguyễn Thị Ánh Quyên	16/06/2001	Nữ		1	2019	17.10	D01	7340301	Kế toán
706	05003230	Phạm Nam Quyên	07/08/2001	Nam		1	2019	15.05	B00	7340301	Kế toán
707	17004996	Chu Thúy Quỳnh	26/09/2001	Nữ		2	2019	15.50	D01	7340301	Kế toán
708	24004244	Đinh Thị Quỳnh	13/07/2001	Nữ		2NT	2019	15.30	D01	7340301	Kế toán
709	15002849	Đinh Thị Như Quỳnh	23/01/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7340301	Kế toán
710	15013292	Hoàng Thị Hương Quỳnh	07/07/2001	Nữ	01	1	2019	17.80	B00	7340301	Kế toán
711	28001793	Lê Thị Quỳnh	18/01/2001	Nữ	06	2	2019	16.85	D01	7340301	Kế toán
712	42008745	Lê Thị Diễm Quỳnh	24/10/2001	Nữ		1	2019	19.10	A00	7340301	Kế toán
713	21010021	Ngô Thị Diễm Quỳnh	04/11/2001	Nữ		2	2019	17.70	D01	7340301	Kế toán
714	15006254	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	19/11/2001	Nữ		1	2019	15.55	D01	7340301	Kế toán
715	01071659	Phạm Như Quỳnh	14/03/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7340301	Kế toán
716	01046982	Trần Thị Diễm Quỳnh	29/04/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
717	28027984	Trịnh Thị Như Quỳnh	21/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7340301	Kế toán
718	01025203	Đinh Thị Sang	11/07/2001	Nữ		3	2019	19.45	A00	7340301	Kế toán
719	01058959	Lê Thị Sinh	16/02/2001	Nữ		2	2019	18.55	D01	7340301	Kế toán
720	15007124	Nguyễn Đức Sơn	02/03/2000	Nam	01	1	2018	15.25	D01	7340301	Kế toán
721	29006130	Nguyễn Thị Thanh Tâm	16/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.15	D01	7340301	Kế toán
722	15005696	Vũ Ngọc Thủy Tiên	20/08/2001	Nữ		1	2019	21.75	D01	7340301	Kế toán
723	01068583	Bùi Thanh Tú	31/01/2001	Nữ		2	2019	19.65	B00	7340301	Kế toán
724	01071044	Nguyễn Khắc Tú	25/03/2001	Nam		2	2019	16.20	D01	7340301	Kế toán
725	01059179	Nguyễn Thanh Tuyền	06/05/2001	Nữ		2	2019	16.50	D01	7340301	Kế toán
726	19012486	Trần Thị Tuyết	11/02/2001	Nữ		2NT	2019	15.65	A00	7340301	Kế toán
727	26011320	Hoàng Thị Thanh	24/05/2001	Nữ		2NT	2019	17.40	A00	7340301	Kế toán
728	18013454	Ngô Thị Phương Thanh	02/03/2001	Nữ		1	2019	15.05	D01	7340301	Kế toán
729	27004113	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/12/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7340301	Kế toán
730	01060333	Trần Thanh Thanh	18/04/2001	Nữ		2	2019	16.15	D01	7340301	Kế toán
731	01074625	Lê Thị Phương Thảo	29/12/2001	Nữ		3	2019	18.50	A00	7340301	Kế toán
732	26007066	Nguyễn Thị Thảo	15/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.35	D01	7340301	Kế toán
733	01060361	Nguyễn Thị Thảo	06/05/2001	Nữ		2	2019	14.05	D01	7340301	Kế toán
734	25008589	Nguyễn Thị Thảo	11/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.20	D01	7340301	Kế toán
735	14000522	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/03/2001	Nữ		1	2019	14.10	A01	7340301	Kế toán
736	03012633	Vũ Thị Thanh Thảo	02/02/2001	Nữ		2	2019	19.25	D01	7340301	Kế toán
737	28003798	Lê Thị Thắm	01/06/2000	Nữ		1	2019	17.85	D01	7340301	Kế toán
738	01024660	Lưu Quốc Thắng	23/06/2001	Nam		3	2019	14	D01	7340301	Kế toán
739	01025283	Tạ Đức Thắng	09/12/2001	Nam		3	2019	17.50	A01	7340301	Kế toán
740	01045020	Phạm Khánh Thơ	02/11/2001	Nữ		1	2019	14.90	D01	7340301	Kế toán
741	01058444	Văn Thị Thơ	23/03/2001	Nữ		2	2019	14.60	D01	7340301	Kế toán
742	01065735	Lưu Thanh Thu	07/11/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7340301	Kế toán
743	01051132	Nguyễn Minh Thu	19/09/2001	Nữ		2	2019	14.35	D01	7340301	Kế toán
744	26009375	Nguyễn Thị Thu	30/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.35	A00	7340301	Kế toán
745	29000438	Nguyễn Thị Thu	19/11/2001	Nữ		2NT	2019	19.10	D01	7340301	Kế toán
746	28023542	Lê Huy Quang Thuần	21/08/2001	Nam		2NT	2019	18.40	A00	7340301	Kế toán
747	28023544	Lê Thị Tân Thủy	17/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.10	D01	7340301	Kế toán
748	28025758	Nguyễn Thị Thủy	23/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.20	A00	7340301	Kế toán
749	01063105	Đỗ Thị Phúc Thủy	28/02/2001	Nữ		2	2019	16.70	B00	7340301	Kế toán
750	01059039	Nguyễn Thị Thuý	09/06/2001	Nữ		2	2019	20.55	A01	7340301	Kế toán
751	23007011	Đoàn Ngọc Thùy	19/07/2001	Nữ		1	2019	17.65	A00	7340301	Kế toán
752	01048918	Đặng Thị Thu Thủy	08/09/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
753	01049375	Kiều Thị Thu Thủy	20/04/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7340301	Kế toán
754	01043124	Nguyễn Thu Thủy	14/10/2001	Nữ		2	2019	17.60	D01	7340301	Kế toán
755	01039415	Quách Thu Thủy	12/01/2001	Nữ		3	2019	14.15	D01	7340301	Kế toán
756	13002149	Vì Thị Thu Thủy	23/10/2001	Nữ	01	1	2019	15.70	D01	7340301	Kế toán
757	28018705	Vũ Thu Thủy	09/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.40	D01	7340301	Kế toán
758	01066253	Đỗ Thị Minh Thúy	20/01/2001	Nữ		2	2019	18.20	D01	7340301	Kế toán
759	22008528	Hà Thị Thanh Thúy	13/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.55	D01	7340301	Kế toán
760	27002115	Trần Thị Thúy	19/09/2001	Nữ		2NT	2019	15.30	D01	7340301	Kế toán
761	25001135	Trần Thị Minh Thúy	10/02/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7340301	Kế toán
762	28012168	Hà Anh Thư	22/02/2001	Nữ		1	2019	15.70	B00	7340301	Kế toán
763	19011847	Đàm Thị Thương	21/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.95	D01	7340301	Kế toán
764	13000640	Nguyễn Hoài Thương	21/05/2001	Nữ		1	2019	19.05	D01	7340301	Kế toán
765	27007897	Bùi Thanh Trang	14/10/2001	Nữ		1	2019	16.50	D01	7340301	Kế toán
766	29005601	Đặng Thị Trang	05/01/2001	Nữ		2NT	2019	19.70	A00	7340301	Kế toán
767	01037583	Đinh Thu Trang	05/08/2001	Nữ		3	2019	15.90	D01	7340301	Kế toán
768	22012359	Đỗ Thị Thu Trang	26/11/2001	Nữ		2NT	2019	22	A00	7340301	Kế toán
769	01037588	Hoàng Minh Trang	14/12/2001	Nữ		3	2019	15.95	D01	7340301	Kế toán
770	40019919	Lê Thị Trang	25/06/2001	Nữ		1	2019	14.95	D01	7340301	Kế toán
771	01010351	Lê Thùy Ngọc Trang	26/07/2001	Nữ		3	2019	18.35	D01	7340301	Kế toán
772	01001771	Ngô Nam Trang	10/06/2001	Nữ		3	2019	20.65	D01	7340301	Kế toán
773	01063713	Ngô Thị Thu Trang	29/08/2001	Nữ		2	2019	15.10	D01	7340301	Kế toán
774	01066356	Ngô Thị Thu Trang	22/12/2001	Nữ		2	2019	16.55	D01	7340301	Kế toán
775	01049443	Nguyễn Phương Trang	29/10/2001	Nữ		2	2019	18	D01	7340301	Kế toán
776	13006972	Nguyễn Phương Trang	03/11/2001	Nữ		1	2019	17.65	D01	7340301	Kế toán
777	01051918	Nguyễn Thị Trang	29/03/2001	Nữ		2	2019	17.95	A01	7340301	Kế toán
778	28031619	Nguyễn Thị Hà Trang	16/06/2001	Nữ		1	2019	17.15	D01	7340301	Kế toán
779	01023626	Nguyễn Thị Ngọc Trang	22/07/2001	Nữ		3	2019	15.55	D01	7340301	Kế toán
780	01051910	Nguyễn Thị Thu Trang	31/01/2001	Nữ		2	2019	16.25	D01	7340301	Kế toán
781	25001165	Nguyễn Thu Trang	03/06/2001	Nữ		2	2019	16.45	D01	7340301	Kế toán
782	11000968	Nguyễn Thu Trang	27/02/2001	Nữ		1	2019	17	D01	7340301	Kế toán
783	01066943	Phạm Thị Quỳnh Trang	21/12/2001	Nữ		2	2019	16.20	B00	7340301	Kế toán
784	25015292	Phạm Thị Thu Trang	06/11/2001	Nữ		2NT	2019	19.85	A00	7340301	Kế toán
785	22003693	Phạm Vân Trang	03/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.70	D01	7340301	Kế toán
786	01041863	Phan Mai Trang	02/01/2001	Nữ		2	2019	20.30	D01	7340301	Kế toán
787	01043805	Phí Huyền Trang	28/11/2001	Nữ		1	2019	17.40	A00	7340301	Kế toán
788	23006843	Trần Thị Hải Trang	09/12/2001	Nữ		1	2019	16.75	A00	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
789	17008670	Trần Thị Thúy Trang	05/01/2001	Nữ		1	2019	19.65	A01	7340301	Kế toán
790	01074695	Trần Thu Trang	08/10/2001	Nữ		3	2019	15.45	D01	7340301	Kế toán
791	01023650	Trần Thùy Trang	24/02/2001	Nữ		3	2019	17.50	D01	7340301	Kế toán
792	01074699	Trương Quỳnh Trang	19/09/2001	Nữ		3	2019	19.10	D01	7340301	Kế toán
793	25012390	Vũ Hồng Trang	25/12/2001	Nữ		2NT	2019	14.45	A00	7340301	Kế toán
794	22006485	Vũ Minh Hiền Trang	25/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.35	D01	7340301	Kế toán
795	13004542	Vũ Quỳnh Trang	20/04/2001	Nữ		1	2019	15.65	D01	7340301	Kế toán
796	18002938	Vũ Thu Trang	21/10/2001	Nữ		1	2019	17.95	D01	7340301	Kế toán
797	01051949	Đỗ Thị Trúc	14/12/2000	Nữ		2	2019	16.10	D01	7340301	Kế toán
798	01066971	Trần Văn Trung	09/09/2001	Nam		2	2019	14.20	D01	7340301	Kế toán
799	17003957	Triệu Đức Trường	25/08/2001	Nam		2	2019	18.55	A00	7340301	Kế toán
800	28001904	Lê Thị Thu Uyên	01/02/2001	Nữ		2	2019	14.70	D01	7340301	Kế toán
801	01057145	Nguyễn Thị Thu Uyên	21/01/2001	Nữ		2	2019	16.55	A01	7340301	Kế toán
802	09006343	Nguyễn Quỳnh Vân	18/01/2001	Nữ		1	2019	16.65	A00	7340301	Kế toán
803	01059206	Nguyễn Thảo Vân	21/02/2001	Nữ		2	2019	14.85	D01	7340301	Kế toán
804	17009123	Nguyễn Thị Vân	18/07/2001	Nữ		2	2019	18.15	A00	7340301	Kế toán
805	29030119	Nguyễn Thị Vân	22/10/2001	Nữ		1	2019	17.90	D01	7340301	Kế toán
806	01060413	Nguyễn Thị Thảo Vân	06/02/2001	Nữ		2	2019	18.65	D01	7340301	Kế toán
807	12005811	Trần Hà Thảo Vân	12/02/2001	Nữ		2	2019	16.60	A00	7340301	Kế toán
808	17011477	Vũ Thị Thảo Vân	08/05/2001	Nữ		2	2019	20.10	A00	7340301	Kế toán
809	23001125	Phạm Lê Hà Vi	12/03/2001	Nữ		1	2019	19.10	D01	7340301	Kế toán
810	13005250	Lê Ngọc Việt	06/02/2001	Nam		1	2019	15.40	A00	7340301	Kế toán
811	01046491	Hoàng Thị Vui	21/01/2001	Nữ		2	2019	16.70	A00	7340301	Kế toán
812	18002978	Trần Diệu Vy	24/04/2001	Nữ		1	2019	17.30	D01	7340301	Kế toán
813	01059253	Nguyễn Thị Xuân	19/07/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7340301	Kế toán
814	27008634	Trần Thị Thanh Xuân	25/07/2001	Nữ		1	2019	17.80	D01	7340301	Kế toán
815	17012534	Vương Thị Xuân	08/09/2000	Nữ		2	2018	19.70	A00	7340301	Kế toán
816	01024147	Nguyễn Thị Như Ý	18/08/2001	Nữ		3	2019	19.95	D01	7340301	Kế toán
817	13001097	Nguyễn Thị Lương Yên	15/04/2001	Nữ		1	2019	17.10	D01	7340301	Kế toán
818	17009132	Nguyễn Hải Yến	11/07/2001	Nữ		2	2019	16.30	D01	7340301	Kế toán
819	25018354	Nguyễn Thị Yến	11/02/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	A00	7340301	Kế toán
820	01053769	Nguyễn Thị Yến	31/12/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7340301	Kế toán
821	08003509	Nguyễn Thị Hải Yến	20/09/2001	Nữ		1	2019	17.90	D01	7340301	Kế toán
822	01045088	Nguyễn Thị Xuân Yến	12/02/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7340301	Kế toán
823	01057223	Thế Hoàng Yến	25/09/2001	Nữ		2	2019	19.05	D01	7340301	Kế toán
824	16004081	Trương Hải Yến	29/07/2001	Nữ		2NT	2019	18.60	D01	7340301	Kế toán

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
825	01072536	Nguyễn Trọng Nam Anh	05/01/2001	Nam		3	2019	16.50	D01	7340301 PH	Kế toán
826	17012163	Nguyễn Quỳnh Chi	11/01/2001	Nữ		1	2019	14.80	D01	7340301 PH	Kế toán
827	01038296	Nguyễn Phú Đông	17/03/2001	Nam		3	2019	16.70	D01	7340301 PH	Kế toán
828	23004106	Thái Minh Giang	25/11/2001	Nữ		1	2019	16.80	D01	7340301 PH	Kế toán
829	01073171	Trần Thị Hải Hà	19/11/2001	Nữ		3	2019	17	D01	7340301 PH	Kế toán
830	01031144	Nguyễn Thúy Hằng	05/02/2001	Nữ		2	2019	17.65	D01	7340301 PH	Kế toán
831	01005629	Trịnh Minh Hoàng	13/03/2001	Nam		3	2019	17.90	A01	7340301 PH	Kế toán
832	01048501	Cần Thị Huyền	02/05/2001	Nữ		2	2019	14.90	D01	7340301 PH	Kế toán
833	19007130	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	18/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.05	D01	7340301 PH	Kế toán
834	01049083	Vũ Thị Khánh Linh	06/03/2001	Nữ		2	2019	17.25	D01	7340301 PH	Kế toán
835	01015717	Trần Ngọc Mai	28/12/2001	Nữ		3	2019	20.10	D01	7340301 PH	Kế toán
836	28029652	Phạm Thị Oanh	25/06/2001	Nữ		2NT	2019	14.60	D01	7340301 PH	Kế toán
837	28026688	Mai Thị Phương	11/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.27	D01	7340301 PH	Kế toán
838	28012588	Phạm Phương Thảo	28/06/2001	Nữ	01	1	2019	17.65	A00	7340301 PH	Kế toán
839	01041167	Phương Thanh Thảo	17/08/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7340301 PH	Kế toán
840	28012698	Lê Thị Vân	10/09/2001	Nữ	01	1	2019	15.55	A00	7340301 PH	Kế toán
841	28030821	Vũ Thị Kiều Vân	03/05/2001	Nữ		2NT	2019	14.10	D01	7340301 PH	Kế toán
842	28030839	Ngô Thị Yến	23/05/2001	Nữ		2NT	2019	17.60	D01	7340301 PH	Kế toán
843	01023184	Trần Thành An	05/10/2001	Nam		3	2019	15.65	D01	7380101	Luật
844	24007594	Trình Quốc An	10/03/2001	Nam		2NT	2019	15.20	A00	7380101	Luật
845	01019044	Bùi Đức Anh	29/12/2001	Nam		3	2019	15.90	A00	7380101	Luật
846	62000643	Đặng Hà Tuấn Anh	05/12/2001	Nam	01	1	2019	18.25	D01	7380101	Luật
847	13000258	Đỗ Văn Anh	10/08/2001	Nữ		1	2019	17.95	D01	7380101	Luật
848	01057251	Đồng Thị Nguyệt Anh	09/12/2001	Nữ		2	2019	17.95	D01	7380101	Luật
849	29010152	Lê Phương Anh	22/06/2001	Nữ		2NT	2019	16.70	D01	7380101	Luật
850	13000260	Lê Thị Phương Anh	22/02/2001	Nữ		1	2019	19.40	A00	7380101	Luật
851	08003051	Nguyễn Phương Anh	12/12/2000	Nữ		1	2019	15.30	D01	7380101	Luật
852	62002151	Nguyễn Tuấn Anh	16/10/2001	Nam		1	2019	20.20	A00	7380101	Luật
853	01029709	Nguyễn Thị Lan Anh	23/09/2001	Nữ		3	2019	18.35	D01	7380101	Luật
854	01037142	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21/03/2001	Nữ		3	2019	15.60	D01	7380101	Luật
855	03002852	Phùng Thị Hà Anh	27/09/2001	Nữ		1	2019	18.90	D01	7380101	Luật
856	09004440	Tổng Thị Phương Anh	01/05/2001	Nữ		1	2019	17.55	D01	7380101	Luật
857	17011512	Trịnh Văn Anh	05/03/2001	Nữ		1	2019	17.30	D01	7380101	Luật
858	25012476	Vũ Văn Anh	04/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.50	D01	7380101	Luật
859	12000234	Hà Cao Bắc	06/12/2001	Nam	01	1	2019	19.20	D01	7380101	Luật
860	16006227	Khổng Văn Chí	11/09/2001	Nam		2NT	2019	16.50	D01	7380101	Luật

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
861	01047602	Đình Quang Dũng	29/12/2001	Nam		2	2019	17.70	D01	7380101	Luật
862	25003425	Nguyễn Hoàng Dũng	11/08/2000	Nam		2NT	2019	17.60	D01	7380101	Luật
863	22002441	Nguyễn Tiến Dũng	14/01/1997	Nam	05	2NT	2015	17.90	D01	7380101	Luật
864	27003466	Nguyễn Anh Dương	24/10/2001	Nam		2	2019	18.95	D01	7380101	Luật
865	01034378	Trần Hương Giang	19/08/2001	Nữ		2	2019	19.25	D01	7380101	Luật
866	15001135	Nguyễn Đức Hải	08/01/2001	Nam		2	2019	19.05	D01	7380101	Luật
867	01045761	Nguyễn Hoàng Quỳnh Hạnh	11/02/2001	Nữ		2	2019	15.10	D01	7380101	Luật
868	16010309	Nguyễn Thị Hạnh	10/10/2001	Nữ		2	2019	15.45	D01	7380101	Luật
869	01063954	Đào Thị Ngọc Hân	10/06/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7380101	Luật
870	16006289	Nguyễn Thị Hậu	05/04/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	D01	7380101	Luật
871	01024215	Nguyễn Hiệp	10/01/2001	Nam		3	2019	14.20	A00	7380101	Luật
872	09000668	Đoàn Đức Hiếu	20/08/2001	Nam		1	2019	15.55	D01	7380101	Luật
873	15011012	Đỗ Minh Hiếu	17/05/2001	Nam		1	2019	15.35	D01	7380101	Luật
874	23001204	Hoàng Trung Hiếu	02/09/2001	Nam	01	1	2019	15.95	D01	7380101	Luật
875	10000171	Vũ Minh Hiếu	27/10/2001	Nam		1	2019	16.40	A01	7380101	Luật
876	17000690	Nguyễn Huy Hoàng	12/06/2001	Nam		2	2019	15.10	D01	7380101	Luật
877	08003637	Trương Việt Hoàng	18/09/2001	Nam		1	2019	15.95	D01	7380101	Luật
878	25017515	Lại Quang Huy	07/01/2001	Nam		2NT	2019	15.55	A00	7380101	Luật
879	18019189	Phạm Vũ Quang Huy	18/10/2001	Nam		2	2019	18	A01	7380101	Luật
880	01031270	Nguyễn Hồng Huyền	24/12/2001	Nữ		2	2019	17.95	D01	7380101	Luật
881	01045993	Đỗ Thị Huyền	01/02/2001	Nữ		2	2019	18.20	D01	7380101	Luật
882	01064172	Lê Thị Thanh Huyền	29/05/2001	Nữ		2	2019	15.65	D01	7380101	Luật
883	27007722	Nguyễn Bùi Linh Hương	09/03/2001	Nữ		1	2019	17.40	D01	7380101	Luật
884	52001588	Nguyễn Thu Hương	07/04/2001	Nữ		2	2019	18.70	D01	7380101	Luật
885	62000276	Nguyễn Mạnh Kiên	29/08/2001	Nam		1	2019	18.90	D01	7380101	Luật
886	01024746	Nguyễn Công Khanh	17/10/2001	Nam		3	2019	17.05	D01	7380101	Luật
887	09000740	Nguyễn Thu Khuyến	27/09/2001	Nữ		1	2019	14.55	D01	7380101	Luật
888	25002584	An Thanh Lan	21/02/2001	Nữ		2	2019	17.75	B00	7380101	Luật
889	01028663	Đỗ Hoàng Ngọc Lan	14/04/2001	Nữ		2	2019	19.05	D01	7380101	Luật
890	19012764	Nguyễn Thị Ngọc Lâm	27/08/2001	Nữ		2NT	2019	17.20	D01	7380101	Luật
891	19002143	Ngô Thị Linh	05/11/2001	Nữ		2	2019	14.10	D01	7380101	Luật
892	01056190	Nguyễn Quang Linh	19/09/2001	Nam		2	2019	16.25	A00	7380101	Luật
893	10000828	Nguyễn Thục Linh	22/07/2001	Nữ		1	2019	19.40	A00	7380101	Luật
894	16011368	Nguyễn Trần Thùy Linh	14/07/2001	Nữ		2	2019	17.45	D01	7380101	Luật
895	01001831	Phan Diệu Linh	24/02/2001	Nữ		3	2019	18.15	A00	7380101	Luật
896	16000712	Nguyễn Hải Thiên Long	05/03/2001	Nam		2	2019	16.85	D01	7380101	Luật

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
897	30004652	Trần Hữu Long	05/08/2001	Nam		2	2019	20.05	A01	7380101	Luật
898	01024889	Lâm Văn Thái Lộc	26/09/2001	Nam		3	2019	20.40	D01	7380101	Luật
899	18006527	Nguyễn Gia Lộc	29/07/2001	Nam		1	2019	15.80	D01	7380101	Luật
900	19004185	Lê Thị Lý	02/07/1999	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7380101	Luật
901	01031811	Cao Thị Mai	30/01/2001	Nữ		2	2019	14.90	D01	7380101	Luật
902	01016201	Lê Công Minh	21/11/2001	Nam		3	2019	20.55	A00	7380101	Luật
903	01003746	Trần Đức Minh	06/05/1999	Nam		3	2019	14.55	D01	7380101	Luật
904	01062773	Bạch Giang Nam	18/09/2001	Nam		2	2019	14.50	A00	7380101	Luật
905	01032175	Ngô Thị Nga	20/04/2001	Nữ		2	2019	17.95	A00	7380101	Luật
906	13000542	Nguyễn Kim Ngân	13/12/2001	Nữ		1	2019	19	B00	7380101	Luật
907	01020649	Nguyễn Phương Ngân	04/12/2001	Nữ		3	2019	14.85	D01	7380101	Luật
908	17007530	Hà Trung Nghĩa	27/12/2001	Nam		2	2019	14.55	D01	7380101	Luật
909	11000810	Chu Thị Minh Ngọc	08/11/2001	Nữ	01	1	2019	16.70	D01	7380101	Luật
910	28025087	Nguyễn Thị Ngọc	24/02/2001	Nữ		1	2019	16.80	A00	7380101	Luật
911	01038669	Nguyễn Hoàng Nguyên	02/11/2001	Nam		3	2019	20.75	D01	7380101	Luật
912	22002674	Nguyễn Đăng Long Nhật	17/07/2001	Nam		2NT	2019	14.75	D01	7380101	Luật
913	25002700	Nguyễn Thị Kim Phúc	01/10/2001	Nữ		2	2019	18.55	D01	7380101	Luật
914	01018347	Nguyễn Hải Quyền	28/12/2001	Nữ		3	2019	16.65	D01	7380101	Luật
915	19012337	Đinh Thị Thúy Quỳnh	03/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.80	A01	7380101	Luật
916	01060293	Nguyễn Thị Như Quỳnh	31/07/2001	Nữ		2	2019	14	D01	7380101	Luật
917	16011488	Phạm Nhật Quỳnh	20/12/2001	Nữ		2	2019	16.15	D01	7380101	Luật
918	25011704	Trần Xuân Quỳnh	27/03/2001	Nam		2NT	2019	19.45	A00	7380101	Luật
919	29003737	Lê Văn Tiến	20/06/2001	Nam		1	2019	16.15	B00	7380101	Luật
920	18001759	Lại Ngọc Toàn	07/07/2001	Nam	01	1	2019	18.05	D01	7380101	Luật
921	06003131	Đàm Đình Tú	12/03/2001	Nam	01	1	2019	17.55	A00	7380101	Luật
922	01018518	Đào Anh Tuấn	17/08/2001	Nam		3	2019	19.25	A01	7380101	Luật
923	03015113	Nguyễn Anh Tuấn	09/11/2001	Nam		2	2019	16.50	B00	7380101	Luật
924	01041126	Trần Phương Thanh	23/11/2001	Nữ		2	2019	15	D01	7380101	Luật
925	19011779	Hà Thị Thảo	30/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.90	A00	7380101	Luật
926	01060358	Nguyễn Thị Phương Thảo	06/11/2001	Nữ		2	2019	16.35	D01	7380101	Luật
927	17011363	Trịnh Thị Phương Thảo	13/04/2001	Nữ		2	2019	15.35	D01	7380101	Luật
928	03006201	Nguyễn Thành Thắng	02/01/2001	Nam		3	2019	19.85	D01	7380101	Luật
929	01065738	Nguyễn Thị Thu	22/10/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7380101	Luật
930	01019661	Nguyễn Đình Trác	27/03/2001	Nam		3	2019	17.40	D01	7380101	Luật
931	26013122	Lương Thị Trang	01/03/2001	Nữ		2NT	2019	18	A00	7380101	Luật
932	09006678	Trịnh Thị Thu Trang	30/01/2001	Nữ		1	2019	18.70	D01	7380101	Luật

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
933	17006824	Nguyễn Mạnh Trí	13/10/2001	Nam		2	2019	19.10	D01	7380101	Luật
934	33007383	Trương Khắc Thiện Trung	03/02/2001	Nam		2	2019	14.70	D01	7380101	Luật
935	25008050	Nguyễn Thế Trường	09/03/2001	Nam		2NT	2019	17.05	D01	7380101	Luật
936	19000829	Nguyễn Thị Thu Uyên	03/02/2001	Nữ		2	2019	14.10	D01	7380101	Luật
937	25003711	Trần Thị Hồng Vân	21/12/2001	Nữ		2NT	2019	15.70	B00	7380101	Luật
938	16010625	Nguyễn Thị Yên	18/02/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7380101	Luật
939	01022182	Nguyễn Thị Hải Yến	07/06/2001	Nữ		3	2019	19.70	D01	7380101	Luật
940	23000720	Nguyễn Thị Hải Yến	16/01/2001	Nữ		1	2019	16.30	A00	7380101	Luật
941	01026842	Tường Yến	01/10/2001	Nữ		2	2019	16.60	D01	7380101	Luật
942	01021061	Lê Lan Anh	29/11/2001	Nữ		3	2019	23.30	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
943	01021266	Nguyễn Linh Chi	15/07/2001	Nữ		3	2019	15.05	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
944	01013078	Phùng Tiến Dũng	07/10/2001	Nam		3	2019	18.30	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
945	25010278	Mai Thị Minh Duyên	10/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.45	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
946	16003691	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/11/2001	Nữ		2NT	2019	18	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
947	01021366	Đỗ Tiến Đạt	30/05/2000	Nam		3	2019	21.90	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
948	01059603	Nguyễn Chính Đạt	08/10/2001	Nam		2	2019	15.10	A01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
949	03012197	Ngô Thị Ngọc Huyền	23/10/2000	Nữ		2	2018	17.90	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
950	15011097	Nguyễn Thúy Hương	24/08/2001	Nữ		1	2019	16.80	A00	7440221	Khí tượng và khí hậu học
951	01026334	Trần Khánh My	03/09/2001	Nữ		2	2019	21.50	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
952	01029234	Nguyễn Bảo Ngân	06/07/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
953	29027662	Nguyễn Đức Quân	06/05/2001	Nam		2	2019	15.85	A01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
954	50005204	Trần Phương Thảo	16/12/2001	Nữ		2	2019	18.05	A00	7440221	Khí tượng và khí hậu học
955	01022677	Giáp Đỗ Hải Thịnh	13/05/2001	Nam		3	2019	16.80	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
956	01022020	Nguyễn Linh Trang	10/01/2001	Nữ		3	2019	21.25	A00	7440221	Khí tượng và khí hậu học
957	01027854	Lê Anh Trung	10/08/2001	Nam		2	2019	22.40	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
958	28005104	Nguyễn Hữu Vinh	28/06/2001	Nam		1	2019	14.70	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
959	15003338	Đặng Như Ý	08/10/2001	Nữ	01	1	2019	23.50	D01	7440221	Khí tượng và khí hậu học
960	01048450	Nguyễn Thị Hồng	18/04/2001	Nữ		2	2019	14.45	D01	7440224	Thủy văn học
961	01022393	Bùi Thanh Lam	26/06/2001	Nữ		3	2019	17.55	D01	7440224	Thủy văn học
962	29031940	Phan Trung Linh	20/11/2001	Nam		2NT	2019	19.45	A00	7440224	Thủy văn học
963	25002854	Doãn Thùy Trang	11/04/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7440224	Thủy văn học
964	01029775	Phan Thị Vân Anh	18/11/2000	Nữ		2	2019	18.95	D01	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
965	10001331	Hoàng Thu Huyền	23/08/2001	Nữ	01	1	2019	17.25	A00	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
966	01072333	Nguyễn Huyền Trang	04/08/2001	Nữ		2	2019	17.95	D01	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
967	01023170	Đỗ Hòa An	16/09/2001	Nam		3	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
968	01036912	Lê Hoàng An	29/09/2001	Nam		3	2019	17.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
969	22007497	Bùi Minh Anh	25/01/2001	Nam		2NT	2019	14	A01	7480201	Công nghệ thông tin
970	01033731	Đàm Duy Anh	10/08/2001	Nam		2	2019	16.65	A01	7480201	Công nghệ thông tin
971	01036955	Đào Tuấn Anh	17/09/2000	Nam		3	2019	16.45	A00	7480201	Công nghệ thông tin
972	01006720	Đỗ Nam Anh	06/09/2001	Nam		3	2019	18.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
973	01011999	Hoàng Duy Anh	27/08/2001	Nam		3	2019	14.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
974	01010539	Lê Thiện Anh	25/12/2001	Nam		3	2019	18.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
975	17002004	Lê Trần Hải Anh	24/09/2001	Nam		1	2019	15.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
976	26002914	Lương Văn Tiến Anh	12/10/2000	Nam		2NT	2019	16	D01	7480201	Công nghệ thông tin
977	12007393	Lý Quang Anh	11/02/2001	Nam	06	2	2019	15.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
978	01006803	Ngô Công Anh	04/03/2001	Nam		3	2019	17.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
979	01000134	Nguyễn Chí Trung Anh	19/10/2001	Nam		3	2019	17.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
980	01007223	Nguyễn Đức Anh	18/07/2001	Nam		3	2019	18.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
981	01059337	Nguyễn Sỹ Đức Anh	30/01/2001	Nam		2	2019	17.25	A00	7480201	Công nghệ thông tin
982	26018258	Nguyễn Tiến Việt Anh	19/10/2001	Nam		2NT	2019	19.60	A00	7480201	Công nghệ thông tin
983	29002277	Nguyễn Tuấn Anh	20/04/2001	Nam		1	2019	18.05	A01	7480201	Công nghệ thông tin
984	25010201	Nguyễn Thành Anh	21/04/2001	Nam		2NT	2019	14	D01	7480201	Công nghệ thông tin
985	25013053	Nguyễn Thị Phương Anh	29/07/2001	Nữ		2NT	2019	14.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
986	01055362	Nguyễn Văn Anh	05/12/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
987	01033440	Nguyễn Việt Anh	06/07/2001	Nam		2	2019	14.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
988	09005772	Nguyễn Việt Anh	02/09/2001	Nam		1	2019	14.55	B00	7480201	Công nghệ thông tin
989	01019202	Phạm Lê Duy Anh	08/03/2001	Nam		3	2019	22.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
990	25017301	Phạm Tuấn Anh	14/03/2001	Nam		2NT	2019	16.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
991	26005428	Phạm Thị Việt Anh	13/01/2001	Nữ		2NT	2019	19.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
992	01072564	Phạm Trần Anh	28/08/2001	Nam		3	2019	14.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
993	01045187	Trần Tiến Anh	01/06/2001	Nam		2	2019	15.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
994	01040135	Trần Việt Anh	26/04/2001	Nam		2	2019	14.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
995	01012356	Trịnh Hoàng Quốc Anh	03/07/2001	Nam		3	2019	15.55	A01	7480201	Công nghệ thông tin
996	01023390	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/07/2001	Nữ		3	2019	14.05	A01	7480201	Công nghệ thông tin
997	16004129	Trương Hoàng Bích	30/01/2001	Nam		2NT	2019	15.50	A00	7480201	Công nghệ thông tin
998	01052232	Bùi Thái Bình	19/09/2001	Nam		2	2019	17.30	A00	7480201	Công nghệ thông tin
999	01023713	Hà Huy Bình	27/05/2001	Nam		3	2019	15.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1000	24008383	Vũ Đức Cảnh	17/10/2001	Nam		2NT	2019	14.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1001	28009926	Bùi Chí Công	10/10/2001	Nam	01	1	2019	14.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1002	01045305	Đỗ Hữu Công	26/02/2001	Nam		2	2019	17.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1003	01059491	Nguyễn Minh Công	15/12/2001	Nam		2	2019	16.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1004	21016186	Nguyễn Việt Công	06/01/2001	Nam		2NT	2019	14.90	A01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1005	01033860	Nguyễn Thị Cúc	20/04/2001	Nữ		2	2019	17.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1006	17011522	Nguyễn Ngọc Kim Cương	16/01/2001	Nam		1	2019	18.60	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1007	15009288	Đỗ Nhật Cường	30/08/2001	Nam		1	2019	17.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1008	24000954	Hoàng Bảo Chánh	14/10/2001	Nam		2	2019	15.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1009	01023432	Nguyễn Đức Chiến	17/09/2001	Nam		3	2019	18.85	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1010	18016104	Nguyễn Văn Chiến	26/05/2001	Nam		1	2019	14.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1011	06003474	Vy Bảo Chung	05/04/2001	Nam	01	1	2019	18.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1012	30012502	Nguyễn Thanh Doãn	21/07/2001	Nam		2NT	2019	17.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1013	01047874	Nguyễn Thị Dung	30/12/2001	Nữ		2	2019	15.15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1014	25005964	Châm Công Dũng	15/08/2001	Nam		2NT	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1015	25000664	Kiều Anh Dũng	08/12/2001	Nam		2	2019	18.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1016	01073003	Ngô Duy Dũng	14/06/2001	Nam		3	2019	14.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1017	19003848	Nguyễn Văn Dũng	23/07/2001	Nam		2NT	2019	15.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1018	25013605	Lê Khánh Duy	23/12/2001	Nam		2NT	2019	17.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1019	01017094	Nguyễn Duy	15/05/2001	Nam		3	2019	18.20	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1020	24004025	Nguyễn Bá Duy	14/11/2001	Nam		2NT	2019	15.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1021	01023486	Nguyễn Công Duy	23/09/2001	Nam		3	2019	17.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1022	01045681	Nguyễn Hoàng Duy	01/03/2001	Nam		2	2019	14.20	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1023	25000678	Đoàn Hải Dương	09/09/2001	Nam		2	2019	18.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1024	01042596	Ngô Hữu Dương	19/01/2001	Nam		2	2019	14.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1025	27008694	Nguyễn Hoàng Dương	02/08/2001	Nam		1	2019	19.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1026	01070423	Nguyễn Tùng Dương	11/07/2001	Nam		2	2019	16.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1027	01063513	Trần Minh Dương	14/01/2001	Nam		2	2019	15.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1028	29004659	Lê Đức Đại	27/09/2001	Nam		2NT	2019	18.40	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1029	23006535	Bùi Mạnh Đạt	21/02/2001	Nam	01	1	2019	20.05	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1030	17000081	Bùi Thành Đạt	18/08/2001	Nam		1	2019	14	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1031	01073047	Nguyễn Tiến Đạt	11/10/2001	Nam		3	2019	19.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1032	15004572	Nguyễn Thành Đạt	19/06/2001	Nam		1	2019	17.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1033	27000070	Nguyễn Trọng Đạt	07/01/2000	Nam		1	2019	16.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1034	27003476	Phạm Thành Đạt	07/02/2001	Nam		2	2019	18.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1035	17003092	Trương Tiến Đạt	01/06/2001	Nam	06	2NT	2019	17	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1036	01025642	Vũ Thành Đạt	13/04/2001	Nam		2	2019	14.20	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1037	16004180	Đặng Xuân Đăng	06/05/2001	Nam		2NT	2019	16.45	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1038	01024161	Bùi Trung Đức	18/01/2001	Nam		3	2019	14.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1039	27004944	Đoàn Huỳnh Đức	09/05/2001	Nam		2NT	2019	14.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1040	01052751	Đỗ Quang Đức	11/04/2001	Nam		2	2019	16.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1041	01038305	Hoàng Lê Thanh Đức	28/11/2001	Nam		3	2019	15.05	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1042	28003559	Lê Minh Đức	16/06/2001	Nam		2	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1043	01037927	Nguyễn Anh Đức	12/11/2001	Nam		3	2019	15.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1044	01052762	Nguyễn Đình Đức	27/05/2001	Nam		2	2019	16.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1045	26000906	Nguyễn Ngọc Đức	26/07/2001	Nam		2	2019	18.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1046	01059666	Nguyễn Tiến Đức	16/04/2001	Nam		2	2019	16.75	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1047	29001982	Trần Văn Đức	14/07/2001	Nam		2NT	2019	16.65	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1048	01042729	Nguyễn Công Giang	24/01/2001	Nam		2	2019	19.45	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1049	25014203	Phan Thị Giang	24/02/2001	Nữ		2NT	2019	19.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1050	01055822	Trần Thị Hương Giang	13/11/2001	Nữ		2	2019	18.75	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1051	21007855	Vũ Trường Giang	22/07/2001	Nam		2NT	2019	16.50	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1052	01057881	Nguyễn Việt Giỏi	08/05/2001	Nam		2	2019	17.70	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1053	01037979	Nguyễn Đình Hà	13/12/2001	Nam		3	2019	14.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1054	01061841	Nguyễn Thị Hà	18/06/2001	Nữ	01	2	2019	14.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1055	28031896	Nguyễn Thị Hà	05/10/2001	Nữ		1	2019	18.65	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1056	01042787	Đinh Việt Hải	07/10/2001	Nam		2	2019	15.50	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1057	01068370	Nguyễn Văn Hải	25/02/2001	Nam		2	2019	14.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1058	17007013	Vũ Thanh Hải	03/09/2001	Nam		2	2019	15.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1059	26003104	Lương Thị Hồng Hạnh	06/03/2001	Nữ		2NT	2019	17.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1060	01059970	Nguyễn Như Thuý Hằng	23/04/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1061	28010030	Nguyễn Thị Hằng	28/03/2001	Nữ		1	2019	15.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1062	26009838	Phạm Thị Thanh Hằng	21/03/2001	Nữ		2NT	2019	16.15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1063	27008729	Phạm Thu Hằng	24/09/2001	Nữ		1	2019	18.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1064	01050699	Nguyễn Bá Hân	30/07/2001	Nam		2	2019	14.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1065	01053188	Nguyễn Thị Hiền	02/12/2001	Nữ		2	2019	14.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1066	26012184	Bùi Huy Hiệp	04/06/2001	Nam		2NT	2019	15.50	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1067	01055863	Nguyễn Công Hiệp	03/02/2001	Nam		2	2019	14.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1068	25008271	Phùng Hoàng Hiệp	24/09/2000	Nam		2NT	2019	16.05	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1069	01048397	Chu Văn Trung Hiếu	24/05/2001	Nam		2	2019	16.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1070	14006382	Đồng Minh Hiếu	17/02/2001	Nam		1	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1071	15001525	Hoàng Minh Hiếu	25/11/2000	Nam		2	2019	15.60	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1072	15010354	Lê Minh Hiếu	09/01/2001	Nam		2NT	2019	17.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1073	01061986	Lê Minh Hiếu	22/11/2001	Nam		2	2019	18.80	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1074	30007099	Lê Trung Hiếu	26/04/2001	Nam		2NT	2019	14.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1075	18013259	Ngô Trọng Hiếu	23/09/2001	Nam	01	1	2019	15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1076	28023218	Nguyễn Đình Minh Hiếu	03/07/2001	Nam		2NT	2019	14.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1077	01057991	Nguyễn Việt Hiếu	28/08/2001	Nam		2	2019	16.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1078	01014037	Phạm Quang Hiếu	27/08/2001	Nam		3	2019	14.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1079	01014042	Tạ Văn Hiếu	16/02/2001	Nam		3	2019	14.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1080	01014048	Trần Trung Hiếu	23/10/2001	Nam		3	2019	17.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1081	26008777	Vũ Năng Hiếu	29/08/2001	Nam		2NT	2019	15.15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1082	27004980	Đỗ Xuân Hiệu	17/04/2001	Nam		2NT	2019	16.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1083	01066112	Nguyễn Đình Hoà	15/10/2001	Nam		2	2019	14.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1084	06004628	Lục Văn Hoàn	02/03/2001	Nam	01	1	2019	14.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1085	28029472	Lê Tú Hoàng	10/03/2001	Nam		2NT	2019	20.95	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1086	01064078	Nguyễn Hà Hoàng	14/06/2001	Nam		2	2019	14.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1087	01025920	Nguyễn Huy Hoàng	14/02/2001	Nam		2	2019	16.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1088	21014243	Nguyễn Huy Hoàng	19/12/2001	Nam		2	2019	18.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1089	01071254	Nguyễn Hữu Hoàng	20/11/2001	Nam		2	2019	14.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1090	21013160	Nguyễn Quang Hoàng	17/04/2001	Nam		2	2019	18.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1091	01024292	Nguyễn Việt Hoàng	21/11/2001	Nam		3	2019	16.90	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1092	10000747	Phạm Huy Hoàng	19/12/2001	Nam		1	2019	14.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1093	23006560	Trần Tiên Hoàng	24/08/2001	Nam		1	2019	16.15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1094	12006769	Trần Việt Hoàng	18/11/2001	Nam		2	2019	14.50	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1095	03002944	Vũ Huy Hoàng	17/11/2001	Nam		1	2019	15.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1096	26011107	Đỗ Thị Hồng	02/06/2001	Nữ		2NT	2019	18	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1097	26017966	Đặng Minh Huân	07/07/2001	Nam		2NT	2019	16.20	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1098	17013250	Trịnh Văn Huân	01/09/2001	Nam		2	2019	14.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1099	23007264	Đặng Mạnh Hùng	27/04/2001	Nam		1	2019	18.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1100	01066462	Lưu Việt Hùng	21/05/2001	Nam		2	2019	15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1101	23007748	Nguyễn Anh Hùng	16/02/2001	Nam		1	2019	15.80	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1102	01064125	Nguyễn Mạnh Hùng	13/11/2001	Nam		2	2019	17.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1103	19001683	Nguyễn Ngọc Hùng	17/01/2001	Nam		2	2019	15.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1104	19003134	Nguyễn Văn Hùng	08/04/2001	Nam		2NT	2019	14.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1105	01008952	Hoàng Đức Huy	30/06/2001	Nam		3	2019	14.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1106	26014433	Lương Ngọc Huy	18/11/2001	Nam		2NT	2019	15.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1107	26014435	Ngô Quốc Huy	14/10/2001	Nam		2NT	2019	14.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1108	01024349	Nguyễn Đăng Huy	03/07/2001	Nam		3	2019	14.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1109	21013178	Nguyễn Đức Huy	05/11/2001	Nam		2	2019	16.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1110	01060116	Nguyễn Ngọc Huy	19/08/2001	Nam		2	2019	14.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1111	01038580	Nguyễn Quang Huy	05/09/2001	Nam		3	2019	16.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1112	09000706	Nguyễn Quốc Huy	06/10/2001	Nam		1	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1113	01050852	Phạm Gia Huy	25/08/2001	Nam		2	2019	16.40	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1114	26013393	Phạm Quang Huy	23/09/2001	Nam		2NT	2019	14.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1115	02069765	Trần Văn Huy	02/02/2001	Nam		3	2019	17.65	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1116	30003614	Nguyễn Thế Thanh Huyền	27/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1117	19003165	Nguyễn Đức Bảo Hưng	28/08/2001	Nam		2NT	2019	14.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1118	01056039	Nguyễn Văn Hưng	29/11/2001	Nam		2	2019	15.40	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1119	01053794	Nguyễn Văn Hưng	18/10/2001	Nam		2	2019	20.30	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1120	24003719	Phạm Văn Hưng	29/09/1999	Nam	06	2NT	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1121	19007146	Nguyễn Thị Hương	04/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1122	01073709	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/09/2001	Nữ		3	2019	18.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1123	21016987	Nguyễn Thị Thảo Hương	02/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1124	01050930	Bùi Quang Hường	05/11/2001	Nam		2	2019	14.80	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1125	26006870	Nguyễn Văn Kiên	08/06/2000	Nam		2NT	2019	20.25	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1126	01039028	Nguyễn Đức Kiên	09/10/2001	Nam		3	2019	15.05	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1127	19000383	Nguyễn Trung Kiên	10/04/2001	Nam		2	2019	15.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1128	09003988	Nguyễn Trung Kiên	09/08/2001	Nam	01	1	2019	17.75	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1129	01062222	Nguyễn Văn Kiên	19/03/2001	Nam		2	2019	16.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1130	01066642	Nguyễn Xuân Kiên	12/04/2001	Nam		2	2019	14.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1131	27008093	Trần Văn Kiên	08/06/2001	Nam		2NT	2019	14.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1132	17011131	Vũ Trung Kiên	10/02/2001	Nam		2	2019	14.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1133	05004631	Thên Duy Khải	24/11/2001	Nam	01	1	2019	19	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1134	25017538	Vũ Duy Khang	24/10/2001	Nam		2NT	2019	18.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1135	09006503	Nguyễn Tuấn Khanh	19/08/2001	Nam		1	2019	16.55	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1136	01031338	Nguyễn Duy Khánh	23/12/2001	Nam		2	2019	15.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1137	01060212	Phạm Đình Ngọc Khánh	08/05/2001	Nam		2	2019	16.65	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1138	28019463	Tăng Ngọc Khánh	19/12/2001	Nam		2NT	2019	17.10	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1139	18019239	Ngô Đức Khoa	30/03/2001	Nam		2	2019	14.40	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1140	01018091	Đổng Đức Khôi	19/10/2001	Nam		3	2019	17.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1141	01058208	Lê Đình Khôi	27/08/2001	Nam		2	2019	18	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1142	01053863	Nguyễn Ngọc Khôi	31/08/2001	Nam		2	2019	21.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1143	01058238	Trần Thị Thu Lan	17/10/2001	Nữ		2	2019	16.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1144	01014915	Lê Vũ Trung Lâm	24/07/2001	Nam		3	2019	20.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1145	01009445	Nguyễn Hữu Phương Lâm	21/11/2001	Nam		3	2019	20.75	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1146	25009849	Vũ Quốc Lâm	07/07/2001	Nam		2NT	2019	16.75	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1147	01024478	Chu Thị Linh	10/02/2001	Nữ		3	2019	15.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1148	42002963	Đặng Hoàng Linh	20/04/2001	Nam		1	2019	15.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1149	01011373	Hồ Hoàng Linh	05/01/2001	Nam		3	2019	14.30	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1150	18000245	La Văn Linh	14/01/2001	Nam		1	2019	14.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1151	28032124	Lê Văn Linh	10/08/2001	Nam		1	2019	14.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1152	18016290	Nguyễn Quang Linh	25/11/2001	Nam		1	2019	15.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1153	01049088	Đặng Thị Loan	08/12/2001	Nữ		2	2019	18.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1154	01056232	Bùi Viết Long	04/01/2001	Nam		2	2019	17.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1155	01066787	Đỗ Hoàng Long	23/01/2001	Nam		2	2019	17.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1156	26016682	Hoàng Ngọc Long	17/03/2001	Nam		2NT	2019	14.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1157	02022592	Lê Hoàng Long	13/01/2001	Nam		3	2019	14.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1158	01073903	Lê Hoàng Long	26/08/2001	Nam		3	2019	14.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1159	17007109	Nguyễn Giang Long	16/04/2001	Nam		2	2019	17.50	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1160	01006118	Nguyễn Hoàng Long	19/01/2001	Nam		3	2019	17.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1161	01073915	Nguyễn Thành Long	18/09/2001	Nam		3	2019	16	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1162	25009323	Trần Hữu Long	28/06/2001	Nam		2NT	2019	16.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1163	25014380	Nguyễn Văn Lượng	24/12/2001	Nam		2NT	2019	14.30	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1164	21016442	Ngô Thị Yến Ly	26/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1165	01031803	Nguyễn Thị Ly	20/10/2001	Nữ		2	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1166	15011162	Nguyễn Thị Khánh Ly	10/04/2001	Nữ		1	2019	17.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1167	22007717	Đàm Hoa Mai	19/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1168	21017040	Hoàng Thị Mai	30/07/2001	Nữ		2NT	2019	15.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1169	01060624	Trần Thị Mai	05/07/2001	Nữ		2	2019	16.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1170	01039561	Đinh Đức Mạnh	31/10/2001	Nam		3	2019	14.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1171	27002694	Giang Đức Mạnh	07/12/2001	Nam		2NT	2019	19.15	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1172	01074252	Đặng Hoàng Minh	20/10/2001	Nam		3	2019	15.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1173	01018307	Đỗ Công Minh	30/01/2001	Nam		3	2019	15.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1174	03009443	Giang Văn Minh	28/10/2001	Nam		3	2019	16.55	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1175	01046674	Kiều Công Minh	24/08/2001	Nam		2	2019	16.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1176	01022825	Lê Duy Minh	25/03/2001	Nam		3	2019	15.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1177	01046675	Ngô Nguyễn Khắc Minh	19/04/2001	Nam		2	2019	16.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1178	27002700	Nguyễn Khánh Minh	12/10/2001	Nam		2NT	2019	15.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1179	23004612	Nguyễn Trường Minh	27/12/2001	Nam		1	2019	17.10	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1180	17012362	Phạm Ngọc Minh	10/12/2001	Nam		1	2019	18	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1181	01006213	Phạm Quang Minh	13/09/2001	Nam		3	2019	17.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1182	01069476	Trần Công Minh	18/07/2001	Nam		2	2019	14.55	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1183	25002014	Phạm Danh Mỹ	01/01/2001	Nam		2	2019	17.15	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1184	17007138	Bùi Phương Nam	24/06/2001	Nam		2	2019	17.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1185	15002755	Cao Phương Nam	01/05/2001	Nam		2	2019	18.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1186	25002016	Dương Huỳnh Quảng Nam	24/08/2001	Nam		2	2019	16.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1187	01029183	Đinh Hoài Nam	17/01/2001	Nam		2	2019	14.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1188	21001622	Đinh Hoàng Nam	27/04/2001	Nam		2NT	2019	18	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1189	17001360	Hoàng Văn Nam	23/10/2001	Nam		2NT	2019	14.65	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1190	01020609	Nguyễn Hoài Nam	13/06/2000	Nam		3	2019	14.70	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1191	01067239	Nguyễn Hoài Nam	12/10/2001	Nam		2	2019	15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1192	01051496	Nguyễn Hoàng Nam	08/04/2001	Nam		2	2019	18.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1193	01025042	Nguyễn Thanh Nam	11/06/2001	Nam		3	2019	18.75	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1194	16008205	Trần Hoài Nam	26/11/2001	Nam		2NT	2019	15.90	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1195	01072117	Nguyễn Đức Ninh	17/09/2001	Nam		2	2019	14.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1196	22009654	Phạm Nhật Ninh	23/06/2001	Nam		2NT	2019	15.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1197	01044252	Chu Thúy Nga	29/08/2001	Nữ		2	2019	16.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1198	01036393	Nguyễn Thị Thúy Nga	30/01/2001	Nữ		2	2019	15.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1199	28021274	Phùng Thị Nga	01/01/2001	Nữ		2NT	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1200	01002023	Nguyễn Ngọc Ngân	01/07/2001	Nữ		3	2019	16.90	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1201	01049331	Nguyễn Thanh Kim Ngân	21/10/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1202	15011203	Lương Thị Thúy Ngân	16/07/2001	Nữ		1	2019	17.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1203	01074378	Cao Hùng Nghĩa	27/07/2001	Nam		3	2019	14.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1204	01016431	Nguyễn Minh Nghĩa	28/09/2001	Nam		3	2019	17.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1205	01072024	Đào Bảo Ngọc	05/11/2001	Nam		2	2019	16.45	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1206	01060740	Nguyễn Như Ngọc	01/03/2001	Nam		2	2019	15.65	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1207	01038653	Nguyễn Thị Ngọc	21/08/2001	Nữ		3	2019	16.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1208	26008340	Phạm Bảo Ngọc	26/10/2001	Nữ		2NT	2019	20.40	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1209	01038656	Phan Viết Ngọc	29/10/2001	Nam		3	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1210	17008062	Hoàng Bá Trung Nguyên	11/04/2001	Nam		2	2019	15.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1211	01026379	Lã Hoàng Nguyên	16/04/2001	Nam		2	2019	17.10	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1212	01069740	Nguyễn Hoàng Nguyên	16/06/2001	Nam		2	2019	14.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1213	19008569	Dương Thị Nhân	18/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1214	29017170	Hoàng Danh Nhật	11/01/2001	Nam		2NT	2019	14.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1215	26018913	Nguyễn Hữu Nhuận	09/06/2001	Nam		2NT	2019	14.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1216	28010229	Đinh Thị Hồng Nhung	19/11/2001	Nữ	01	1	2019	14.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1217	01026401	Lê Thị Tuyết Nhung	03/04/2001	Nữ		2	2019	15.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1218	01002170	Nguyễn Tấn Phát	19/09/2001	Nam		3	2019	18.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1219	15012220	Nguyễn Hồng Phong	13/11/2001	Nam		1	2019	18.80	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1220	17013398	Phạm Thanh Phú	28/10/2001	Nam		2	2019	15.50	A00	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1221	28023437	Đoàn Hữu Phúc	06/09/1999	Nam		2NT	2017	16.40	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1222	01064887	Hoàng Duy Phúc	31/12/2001	Nam		2	2019	17.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1223	01006437	Nguyễn Minh Phúc	14/06/2001	Nam		3	2019	19.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1224	01038744	Trương Hồng Phúc	29/06/2001	Nam		3	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1225	01074527	Đào Tăng Phương	31/10/2001	Nam		3	2019	14.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1226	24001971	Đỗ Thị Phương	12/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1227	01044763	Nguyễn Thị Lan Phương	01/02/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1228	28026154	Vũ Thị Phương	05/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.95	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1229	01071587	Nguyễn Thị Ngọc Phương	28/01/2001	Nữ		2	2019	18.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1230	01024563	Nguyễn Khắc Quang	26/09/2001	Nam		3	2019	14.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1231	01026472	Nguyễn Thành Quang	29/03/2001	Nam		2	2019	16.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1232	01066898	Trần Văn Quang	01/09/2001	Nam		2	2019	14.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1233	01069908	Đào Hồng Quân	11/05/2001	Nam		2	2019	18.20	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1234	23000345	Đỗ Hồng Quân	22/07/2001	Nam		1	2019	17.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1235	01024572	Nguyễn Trọng Anh Quân	27/04/2001	Nam		3	2019	14.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1236	16003468	Phạm Đình Quý	28/08/2001	Nam		2NT	2019	16	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1237	01046967	Nguyễn Thị Quyên	05/05/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1238	01073941	Nguyễn Duy Quỳnh	07/05/2001	Nam		3	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1239	01062967	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	07/03/2001	Nữ		2	2019	19.95	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1240	26005954	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	04/08/2001	Nữ		2NT	2019	20	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1241	25010009	Vũ Thị Như Quỳnh	02/03/2001	Nữ		2NT	2019	18.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1242	29030940	Hoàng Công Sáng	10/08/2001	Nam		2NT	2019	14.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1243	19001355	Bùi Hồng Sơn	19/06/2001	Nam		2	2019	16	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1244	12012827	Đặng Hải Sơn	01/01/2001	Nam		2	2019	17.70	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1245	17003886	Hoàng Anh Sơn	09/08/2001	Nam		2	2019	18.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1246	09000887	Kiều Ngọc Sơn	25/08/2001	Nam		1	2019	15.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1247	01041082	Khuất Thái Sơn	24/08/2001	Nam		2	2019	14.40	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1248	27005141	Nguyễn Hồng Sơn	16/10/2001	Nam		2NT	2019	15.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1249	17012427	Nguyễn Hồng Sơn	18/02/2001	Nam		1	2019	14.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1250	18016927	Nguyễn Hữu Sơn	10/04/2001	Nam		1	2019	16.80	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1251	23004698	Nguyễn Thành Sơn	27/06/2001	Nam	01	1	2019	18.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1252	01039891	Phạm Thanh Phong Sơn	22/08/2001	Nam		3	2019	14.60	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1253	26013041	Phan Văn Sơn	14/02/2001	Nam		2NT	2019	14.55	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1254	26014729	Trần Văn Sơn	02/05/2001	Nam		2NT	2019	14.85	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1255	28013334	Lê Trọng Anh Tài	02/06/2001	Nam		2NT	2019	16.70	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1256	17014009	Nguyễn Phúc Tân	27/10/2001	Nam		1	2019	14.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1257	26015424	Nguyễn Văn Tân	10/03/2001	Nam		2NT	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1258	24004892	Nguyễn Thùy Tiên	13/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1259	03014372	Nguyễn Ngọc Tiến	12/03/2001	Nam		1	2019	18.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1260	01033034	Nguyễn Văn Tiến	22/01/2001	Nam		2	2019	14.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1261	21010101	Vũ Văn Tiến	19/06/2001	Nam		2	2019	15.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1262	24003897	Dương Văn Toàn	22/09/2001	Nam		2NT	2019	15.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1263	16010568	Đỗ Bá Toàn	12/01/2001	Nam		2	2019	18.95	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1264	12013253	Vũ Huy Toàn	05/01/2001	Nam		2	2019	17.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1265	19005845	Trần Văn Tôn	01/01/2001	Nam		2	2019	14.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1266	01074753	Bùi Anh Tú	21/01/2001	Nam		3	2019	17.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1267	01024065	Đỗ Tuấn Tú	30/01/2001	Nam		3	2019	16.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1268	01059852	Lê Đức Tú	11/08/2001	Nam		2	2019	15.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1269	01047228	Nguyễn Đại Tú	16/10/2001	Nam		2	2019	14.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1270	07002117	Trần Văn Tú	12/11/2001	Nam		1	2019	18.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1271	10000527	Bùi Anh Tuấn	03/10/2001	Nam		1	2019	15.50	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1272	24008597	Chu Đức Tuấn	26/09/2001	Nam		2NT	2019	14.95	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1273	24008598	Ngô Quốc Tuấn	20/07/2001	Nam		2NT	2019	16.30	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1274	01008781	Nguyễn Phúc Tuấn	27/03/2001	Nam		3	2019	16.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1275	01066998	Phạm Văn Tuấn	30/09/2001	Nam		2	2019	16.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1276	25007571	Vũ Anh Tuấn	29/07/2001	Nam		2NT	2019	16.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1277	01023689	Vũ Minh Tuấn	10/10/2001	Nam		3	2019	14.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1278	17007639	Đoàn Thanh Tùng	23/10/2001	Nam		2	2019	15.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1279	01050008	Đỗ Văn Tùng	08/12/2001	Nam		2	2019	17.45	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1280	01035182	Mai Thanh Tùng	20/07/2001	Nam		2	2019	15.05	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1281	09002910	Mai Thanh Tùng	08/08/2001	Nam	01	1	2019	17.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1282	63004471	Nguyễn Bích Tùng	10/08/2001	Nam		1	2019	18	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1283	01067016	Nguyễn Hoàng Tùng	18/12/2001	Nam		2	2019	14.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1284	26012631	Nguyễn Thanh Tùng	27/05/2001	Nam		2NT	2019	16.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1285	01026769	Trần Thanh Tùng	29/03/2001	Nam		2	2019	18.20	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1286	01067024	Trần Thanh Tùng	12/11/2001	Nam		2	2019	17.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1287	25002928	Trần Văn Tuyên	24/01/2001	Nam		2	2019	15.85	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1288	01048813	Chu Văn Thái	16/08/2001	Nam		2	2019	14.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1289	01009894	Trần Anh Thái	30/12/2001	Nam		3	2019	17.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1290	21010046	Vũ Duy Thái	27/12/2001	Nam		2	2019	16.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1291	01074000	Đào Tuấn Thành	07/06/2001	Nam		3	2019	17.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1292	26011654	Lương Ngọc Thành	23/12/2000	Nam		2NT	2019	18.25	B00	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1293	28026759	Nguyễn Hữu Thành	04/03/2001	Nam		2NT	2019	16.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1294	07000391	Nguyễn Xuân Thành	01/11/2001	Nam	01	1	2019	18.15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1295	29021526	Trương Thị Thành	16/08/2001	Nữ	01	1	2019	19	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1296	26013996	Đoàn Thị Phương Thảo	01/08/2001	Nữ		2NT	2019	17.40	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1297	15011305	Nguyễn Phương Thảo	13/05/2001	Nữ		1	2019	16.25	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1298	21004666	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/12/2001	Nữ		2NT	2019	14.10	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1299	01044946	Nguyễn Thu Thảo	15/10/2001	Nữ		2	2019	17.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1300	27000327	Vũ Thị Thu Thảo	11/11/2001	Nữ		1	2019	18.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1301	01049892	Bùi Thị Thao	01/10/2001	Nữ		2	2019	14.50	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1302	25005359	Nguyễn Thị Hồng Thắm	18/09/2001	Nữ		2NT	2019	15.95	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1303	01036234	Đỗ Văn Thắng	06/08/2001	Nam		2	2019	18.15	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1304	01051117	Hoàng Thị Thắng	05/01/2001	Nữ		2	2019	14.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1305	26013593	Ngô Toàn Thắng	15/12/2001	Nam		2NT	2019	14.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1306	24000779	Nguyễn Anh Thắng	30/08/2001	Nam		2	2019	14.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1307	19007431	Nguyễn Văn Thắng	30/11/2000	Nam		2NT	2019	14.95	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1308	17003641	Phạm Tấn Thắng	07/11/2001	Nam		1	2019	14.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1309	01066219	Trần Văn Thắng	17/02/2001	Nam		2	2019	14.35	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1310	01058430	Nguyễn Thị Thêm	07/01/2001	Nữ		2	2019	15.10	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1311	26013597	Nguyễn Văn Thi	04/07/2001	Nam		2NT	2019	14.35	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1312	19008708	Ngô Quang Thiện	26/01/2001	Nam		2NT	2019	16.30	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1313	01015997	Nguyễn Ngọc Thiện	22/12/2001	Nam		3	2019	15.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1314	27000332	Lương Quốc Thịnh	16/01/2001	Nam		1	2019	14.75	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1315	01026592	Nguyễn Sỹ Đức Thịnh	08/08/2001	Nam		2	2019	14.85	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1316	29020632	Lê Thị Thu	12/03/2001	Nữ	01	1	2019	16.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1317	28030257	Hoàng Ngọc Thuần	06/01/2001	Nam		1	2019	15.15	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1318	14009881	Nguyễn Thiện Thuật	07/12/2000	Nam		1	2018	14.80	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1319	01060953	Nguyễn Thị Thủy	07/09/2001	Nữ		2	2019	19	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1320	01025304	Bùi Thị Thúy	02/02/2001	Nữ		3	2019	14.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1321	22005339	Đặng Thị Thúy	21/08/2001	Nữ		2NT	2019	19.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1322	29023746	Lê Thị Thúy	26/02/2001	Nữ		1	2019	22.10	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1323	28016651	Phạm Như Thuyết	22/10/2001	Nam		2NT	2019	15.40	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1324	22001603	Lê Thị Thanh Thương	13/07/2001	Nữ		2NT	2019	14.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1325	18014402	Nguyễn Lương Trà	09/07/2001	Nam		2NT	2019	15.90	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1326	01024000	Nguyễn Công Trãi	17/03/2001	Nam		3	2019	16.65	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1327	18009048	Nguyễn Thị Kiều Trang	06/08/2001	Nữ		1	2019	19.30	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1328	01036855	Trịnh Thu Trang	09/06/2001	Nữ		2	2019	15.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1329	30000616	Đặng Minh Trí	26/07/2001	Nam		2	2019	16.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1330	01051941	Dương Kiều Trinh	07/03/2001	Nữ		2	2019	14.80	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1331	25006284	Nguyễn Thị Kiều Trinh	16/03/2001	Nữ		2NT	2019	17.95	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1332	28025782	Thiều Thị Kiều Trinh	20/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1333	17003655	Tạ Thế Trịnh	18/09/2001	Nam	01	1	2019	14	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1334	01074713	Nguyễn Đức Trọng	14/02/2001	Nam		3	2019	16.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1335	24001345	Lại Quốc Trung	08/10/2001	Nam		2	2019	17.15	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1336	01037657	Nguyễn Đình Trung	08/11/2001	Nam		3	2019	14.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1337	01024052	Nguyễn Đức Trung	19/12/2001	Nam		3	2019	16.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1338	01037658	Nguyễn Đức Trung	12/01/2001	Nam		3	2019	16.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1339	15001866	Nguyễn Hoàng Trung	17/08/2001	Nam		2	2019	16.10	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1340	01051962	Nguyễn Văn Trung	17/01/2001	Nam		2	2019	14.45	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1341	01059115	Vương Quốc Trung	14/10/2001	Nam		2	2019	18.50	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1342	01063779	Nguyễn Đan Trường	14/02/2001	Nam		2	2019	18.05	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1343	01024063	Nguyễn Đức Trường	05/06/2001	Nam		3	2019	14.05	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1344	01059119	Nguyễn Văn Trường	29/10/2001	Nam		2	2019	15.90	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1345	26001396	Nguyễn Xuân Trường	05/02/2001	Nam		2	2019	16.65	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1346	28000762	Trịnh Duy Trường	23/07/2001	Nam		2	2019	15.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1347	01032682	Đỗ Thị Thu Uyên	03/03/2001	Nữ		2	2019	19.30	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1348	26001439	Phạm Thị Thu Uyên	26/07/2001	Nữ		2	2019	17.20	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1349	28011361	Lê Xuân Văn	07/09/2001	Nam		1	2019	14.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1350	12005219	Đỗ Hoàng Việt	09/09/2001	Nam		1	2019	16.60	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1351	25001229	Đỗ Quốc Việt	28/05/2001	Nam		2	2019	14.25	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1352	48025855	Nguyễn Quốc Việt	07/03/2001	Nam		1	2019	18.85	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1353	01038257	Phùng Võ Hoàng Việt	27/02/2001	Nam		3	2019	16.35	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1354	01011319	Nguyễn Thế Vinh	02/09/2001	Nam		3	2019	16.50	B00	7480201	Công nghệ thông tin
1355	01017980	Phạm Thế Vinh	24/01/1998	Nam		3	2017	17.75	A01	7480201	Công nghệ thông tin
1356	27008298	Trần Quang Vĩnh	03/09/2001	Nam		2NT	2019	16.60	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1357	29029199	Võ Hồng Vương	16/02/2001	Nam		2	2019	15.45	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1358	01046497	Trương Văn Vượng	07/12/2001	Nam		2	2019	14.65	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1359	25008092	Bùi Thị Yến	17/03/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	A00	7480201	Công nghệ thông tin
1360	01044509	Nguyễn Hải Yến	25/03/2001	Nữ		2	2019	18.55	D01	7480201	Công nghệ thông tin
1361	28003219	Lê Hoàng Anh	19/06/2001	Nam		2	2019	20.40	A00	7480201PH	Công nghệ thông tin
1362	01072519	Nguyễn Thế Anh	18/05/2001	Nam		3	2019	17.25	A00	7480201PH	Công nghệ thông tin
1363	01070165	Nguyễn Việt Anh	13/10/2001	Nam		2	2019	14.50	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1364	01030666	Nguyễn Thùy Dung	04/11/2001	Nữ		2	2019	14	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1365	01037827	Đào Tùng Dương	26/12/2001	Nam		3	2019	14.10	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1366	25005985	Đinh Tiến Đạt	01/12/2001	Nam		2NT	2019	14.50	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1367	31002388	Trần Mai Hiếu	05/11/2001	Nam		2	2019	14.40	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1368	14000812	Nguyễn Huy Hoàng	05/10/2001	Nam		1	2019	15.40	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1369	29001027	Trần Đình Hoàng	22/02/2001	Nam		2NT	2019	16.05	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1370	01025932	Lưu Viết Hợp	08/08/2001	Nam		2	2019	14.70	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1371	01028321	Lê Phạm Hưng	29/08/2001	Nam		2	2019	14.20	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1372	29029077	Nguyễn Minh Kỳ	06/07/2001	Nam		2	2019	19.35	A00	7480201PH	Công nghệ thông tin
1373	29030486	Bùi Huy Khải	08/04/2001	Nam		2NT	2019	16	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1374	01005374	Nguyễn Trung Khang	08/11/2001	Nam		3	2019	16.45	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1375	01046102	Nguyễn Nho Khánh	27/04/2001	Nam		2	2019	15.70	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1376	25002605	Hoàng Trung Long	04/11/2001	Nam		2	2019	15.90	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1377	28017417	Nguyễn Hữu Long	12/11/2001	Nam		2NT	2019	16.60	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1378	01060865	Phạm Thọ Sơn	26/04/2001	Nam		2	2019	14.35	B00	7480201PH	Công nghệ thông tin
1379	01067557	Phan Xuân Tài	11/03/2001	Nam		2	2019	14.50	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1380	22001651	Nguyễn Đình Tuấn Tú	23/07/2001	Nam		2NT	2019	18.70	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1381	01041957	Nguyễn Phước Tùng	24/11/2001	Nam		2	2019	14	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1382	18011714	Nguyễn Thị Xuân Thảo	03/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.15	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1383	01049435	Đào Thị Thu Trang	14/03/2001	Nữ		2	2019	14.15	D01	7480201PH	Công nghệ thông tin
1384	01002476	Bùi Duy Anh	18/01/2001	Nam		3	2019	18.60	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1385	01006679	Bùi Việt Anh	16/10/2001	Nam		3	2019	16.95	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1386	24005940	Nguyễn Lan Anh	03/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.75	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1387	01021131	Nguyễn Nguyệt Anh	10/07/2001	Nữ		3	2019	17.60	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1388	18018422	Nguyễn Thị Hồng Anh	01/11/2001	Nữ		2	2019	15.75	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1389	19013118	Vũ Đức Ngọc Anh	11/03/2001	Nam		2NT	2019	15.85	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1390	25000630	Vũ Phương Anh	15/08/2000	Nữ		2	2018	17.35	A01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1391	26002301	Đặng Thị Hương Doan	20/02/2001	Nữ		2NT	2019	20.65	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1392	19010679	Đặng Thị Thùy Dung	25/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.95	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1393	16007609	Đỗ Thùy Dung	05/05/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1394	01017358	Nguyễn Tiến Dũng	03/01/2001	Nam		3	2019	15.50	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1395	38009177	Phan Tiến Dũng	19/08/2001	Nam		1	2019	14.15	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1396	03008063	Mai Trung Đức	09/10/2001	Nam		3	2019	14.10	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1397	01037978	Nguyễn Đại Hoàng Hà	07/01/2001	Nam		3	2019	19.55	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1398	26007382	Nguyễn Thị Hà	14/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.95	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1399	18007717	Bùi Ngọc Hân	08/04/2001	Nữ		1	2019	16.05	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1400	17013208	Ngô Quang Hậu	09/07/2001	Nam		2	2019	15.65	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1401	28014950	Hoàng Ngọc Hiền	29/12/2001	Nữ		2NT	2019	22.20	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1402	26002400	Hoàng Thu Hiền	01/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.20	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1403	18018572	Hoàng Trọng Hiếu	18/10/2001	Nam		2	2019	17.15	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1404	28003981	Lường Minh Hiếu	29/04/2001	Nam	04	2	2019	14.25	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1405	25008280	Nguyễn Huy Hiệu	29/07/2001	Nam		2NT	2019	18.50	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1406	21003576	Đặng Thị Hoa	13/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.40	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1407	21004330	Nguyễn Việt Hòa	01/07/2001	Nam		2NT	2019	15	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1408	23007266	Nguyễn Trọng Hùng	09/06/2001	Nam		1	2019	16.05	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1409	01068892	Nguyễn Thanh Huyền	28/07/2001	Nữ		2	2019	14.50	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1410	01035359	Trần Thị Khánh Huyền	15/01/2001	Nữ		2	2019	15.95	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1411	18002150	Thân Viết Khoa	08/08/2001	Nam		1	2019	16.45	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1412	19006138	Tạ Đức Lâm	20/12/2001	Nam		2	2019	15.90	A01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1413	01069059	Lương Hoài Linh	17/03/2001	Nam		2	2019	14.35	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1414	01060529	Nguyễn Phạm Linh Linh	26/12/2001	Nữ		2	2019	19.25	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1415	26017469	Phan Thị Thùy Linh	13/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.75	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1416	25000927	Trần Thị Phương Linh	05/10/2001	Nữ		2	2019	20.70	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1417	24006146	Lại Thị Mơ	25/02/2001	Nữ		2NT	2019	17.85	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1418	14009026	Nguyễn Hải Nam	27/09/2001	Nam		1	2019	16.45	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1419	21015793	Phạm Bá Nam	06/03/2001	Nam		2NT	2019	15.25	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1420	01056654	Đỗ Minh Ngọc	03/01/2001	Nam		2	2019	19.25	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1421	26018073	Lê Thị Trang Ngọc	06/05/2001	Nữ		2NT	2019	18.75	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1422	01029296	Lưu Chí Nguyên	03/03/2001	Nam		2	2019	15.30	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1423	01038687	Vũ Công Nhật	12/09/2001	Nam		3	2019	14.05	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1424	26005900	Lê Thị Oanh	07/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.30	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1425	01015109	Đào Ngọc Phát	20/02/2001	Nam		3	2019	15.15	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1426	26002675	Giang Văn Phúc	30/08/2000	Nam		2NT	2018	19.15	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1427	60000737	Nguyễn Thị Phương	07/05/2001	Nữ		1	2019	20.15	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1428	01073377	Nguyễn Anh Quân	09/09/2001	Nam		3	2019	17.35	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1429	22009086	An Đức Thắng	02/03/2001	Nam		2NT	2019	15.30	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1430	15010718	Nguyễn Thị Thơm	24/11/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1431	01065094	Nguyễn Thị Thùy	03/07/2001	Nữ		2	2019	15.20	A00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1432	28035014	Lê Thị Thương	14/10/2000	Nữ		2NT	2019	17.40	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1433	18010107	Lê Thu Trang	10/10/2001	Nữ		1	2019	22.70	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1434	27006464	Phạm Huyền Trang	21/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.30	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1435	02036392	Nguyễn Thành Vũ	28/03/2001	Nam		2	2019	14.55	B00	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1436	01020283	Phạm Thế Vũ	20/07/2001	Nam		3	2019	15.55	D01	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1437	28032765	Lê Văn Hoàng	04/07/2001	Nam		1	2019	14.40	A00	7510406 PH	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1438	28020352	Nguyễn Đức Huy	22/06/2001	Nam		2NT	2019	16.95	A00	7510406 PH	Công nghệ kỹ thuật môi trường
1439	15001235	Đào Đức Mạnh	18/03/2001	Nam		2	2019	14.20	D01	7520501	Kỹ thuật địa chất
1440	13002087	Đinh Phương Nam	02/11/2001	Nam		1	2019	14.20	D01	7520501	Kỹ thuật địa chất
1441	21015045	Bùi Đức Phong	01/11/2001	Nam		2NT	2019	15.75	D01	7520501	Kỹ thuật địa chất
1442	12003061	Đinh Thị Thu Huyền	10/11/2001	Nữ		1	2019	17.90	A00	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
1443	18001428	Bùi Thị Nhật Mai	28/09/2001	Nữ		1	2019	15.90	B00	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
1444	01069837	Đinh Kiều Phong	01/06/2001	Nam		2	2019	15.15	D01	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
1445	26012604	Nguyễn Tiến Trung	22/04/2001	Nam		2NT	2019	17.20	A00	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
1446	01074268	Nguyễn Bảo Minh	15/05/2001	Nam		3	2019	15.50	D01	7520503 PH	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
1447	01006634	Bùi Ngân An	02/02/2001	Nữ		3	2019	16.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1448	26005399	Đào Thùy An	07/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.25	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1449	01072391	Nguyễn Thành An	19/12/2001	Nam		3	2019	17.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1450	25004873	Nguyễn Thị Hồng An	19/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1451	01019040	Trần Quốc An	30/08/2001	Nam		3	2019	18	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1452	23003066	Bùi Nam Anh	30/10/2001	Nam		1	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1453	26017152	Bùi Thị Ngọc Anh	06/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1454	01036938	Cao Đại Anh	15/01/2001	Nam		3	2019	18	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1455	17005141	Cao Việt Anh	03/07/2001	Nam		1	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1456	17007672	Dương Tuấn Anh	16/03/2001	Nam		2	2019	17.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1457	08004717	Đại Ngọc Anh	25/01/2001	Nam		1	2019	17.25	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1458	01026872	Đào Đức Anh	16/05/2001	Nam		2	2019	15.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1459	15001359	Đào Ngọc Phương Anh	30/07/2001	Nữ		2	2019	18	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1460	01019061	Đinh Hoài Anh	18/12/2001	Nữ		3	2019	16.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1461	23004375	Hà Phương Anh	27/03/2001	Nữ		1	2019	14.65	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1462	24000317	Hoàng Mai Anh	19/10/2001	Nữ		2	2019	20.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1463	25000576	Hoàng Phương Anh	16/01/2001	Nữ		2	2019	16.90	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1464	17001080	Hoàng Tuấn Anh	09/08/2001	Nam		2NT	2019	19.10	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1465	25006947	Hoàng Thảo Anh	16/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.15	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1466	30006413	Hoàng Thị Hải Anh	02/05/2001	Nữ		2NT	2019	19.65	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1467	01016785	Hoàng Thu Anh	25/11/2001	Nữ		3	2019	19.55	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1468	29025306	Hồ Hoàng Anh	17/04/2001	Nam		2	2019	17.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1469	28003457	Lê Thị Châu Anh	24/09/2001	Nữ		2	2019	18.05	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1470	28016101	Lê Thị Lan Anh	01/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.30	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1471	01067693	Lê Văn Anh	25/06/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1472	24005938	Lưu Hải Anh	01/09/2001	Nữ		2NT	2019	20.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1473	28025830	Mai Thị Ngọc Anh	09/02/2001	Nữ		2NT	2019	14.85	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1474	25017918	Ngô Kiều Anh	02/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1475	01070106	Ngô Quang Anh	26/04/2001	Nam		2	2019	14.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1476	12002789	Ngô Thị Mai Anh	07/01/2001	Nữ		1	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1477	25000586	Ngô Xuân Anh	06/02/2001	Nữ		2	2019	16.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1478	01000158	Nguyễn Huy Anh	23/05/2001	Nam		3	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1479	01002600	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	04/09/2001	Nữ		3	2019	15.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1480	22004739	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	12/05/2001	Nữ		2NT	2019	19.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1481	08004719	Nguyễn Quang Tiến Anh	09/01/2001	Nam		1	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1482	01037111	Nguyễn Quỳnh Anh	07/09/2001	Nữ		3	2019	14.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1483	01004235	Nguyễn Quỳnh Anh	02/08/2001	Nữ		3	2019	16.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1484	26006627	Nguyễn Tấn Anh	28/10/2000	Nam		2NT	2018	17.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1485	22010942	Nguyễn Thế Anh	25/12/2001	Nam		2NT	2019	16.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1486	01065257	Nguyễn Thị Hồng Anh	04/12/2001	Nữ		2	2019	17.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1487	01059344	Nguyễn Thị Lan Anh	14/09/2001	Nữ		2	2019	20.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1488	22010943	Nguyễn Thị Lan Anh	16/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1489	25004898	Nguyễn Thị Lan Anh	01/03/2001	Nữ		2NT	2019	16.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1490	15008037	Nguyễn Thị Mai Anh	11/04/2001	Nữ		1	2019	15.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1491	01055340	Nguyễn Thị Phương Anh	10/08/2001	Nữ		2	2019	18.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1492	01057318	Nguyễn Thị Vân Anh	25/09/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1493	01033426	Nguyễn Thị Vân Anh	19/09/2001	Nữ		2	2019	14.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1494	28001518	Nguyễn Thị Vân Anh	10/09/2001	Nữ		2	2019	18	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1495	01021186	Nguyễn Việt Anh	28/07/2001	Nam		3	2019	15.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1496	19000900	Phạm Ngọc Quế Anh	01/07/2000	Nữ		2	2019	18.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1497	01063275	Phạm Thị Kim Anh	14/12/2001	Nữ		2	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1498	18009337	Phạm Thị Lan Anh	26/02/2001	Nữ		1	2019	14.55	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1499	28003483	Phạm Thị Phương Anh	05/11/2001	Nữ		2	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1500	01023343	Phạm Việt Anh	02/10/2001	Nam		3	2019	18.50	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1501	01072577	Trần Đình Nhật Anh	26/12/2001	Nam		3	2019	18.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1502	01006982	Trần Hoàng Anh	28/02/2001	Nữ		3	2019	16.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1503	17005152	Trần Lan Anh	15/09/2001	Nữ		1	2019	18.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1504	17011511	Trần Mai Anh	19/09/2001	Nữ		1	2019	16.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1505	01045183	Trần Thị Lan Anh	05/05/2001	Nữ		2	2019	21	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1506	25017924	Trần Thị Vân Anh	20/12/2001	Nữ		2NT	2019	19.45	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1507	12001556	Trịnh Kiều Anh	22/11/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1508	28003486	Vũ Ngọc Anh	03/01/2001	Nữ		2	2019	17.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1509	01023378	Vũ Việt Anh	27/11/2001	Nam		3	2019	16.35	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1510	01065339	Vương Minh Anh	07/10/2001	Nữ		2	2019	15.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1511	01027093	Nguyễn Hồng Ánh	08/05/2001	Nữ		2	2019	15.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1512	01055389	Nguyễn Minh Ánh	27/07/2001	Nữ		2	2019	19.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1513	18016091	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/01/2001	Nữ		1	2019	21.40	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1514	15011799	Phan Thị Ngọc Ánh	19/10/2001	Nữ		1	2019	19.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1515	15012062	Phan Thị Ngọc Ánh	24/01/2001	Nữ		1	2019	19.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1516	25009617	Phạm Hữu Bằng	09/08/2001	Nam		2NT	2019	14.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1517	16007958	Nguyễn Thị Ngọc Bích	27/07/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1518	18011921	La Thị Bình	12/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1519	14008731	Lê Hoàng Đức Bình	13/11/2001	Nam	01	1	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1520	25005507	Nguyễn Thị Thanh Bình	23/09/2001	Nữ		2NT	2019	17.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1521	01037292	Lê Văn Cảnh	05/07/2001	Nam		3	2019	14.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1522	01021295	Lê Tuấn Cường	13/02/2001	Nam		3	2019	15.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1523	17004076	Lưu Chí Cường	31/03/2001	Nam		2	2019	14.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1524	28003514	Nguyễn Hữu Cường	20/08/2001	Nam		2	2019	14.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1525	17008323	Ngô Hương Chanh	12/03/2001	Nữ		1	2019	15.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1526	01061275	Nguyễn Thị Châm	12/03/2001	Nữ		2	2019	14.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1527	16010665	Vương Thị Châm	08/11/2001	Nữ		2	2019	19.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1528	01070290	Hoàng Kim Chi	16/03/2001	Nữ		2	2019	17.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1529	28020154	Lê Thị Linh Chi	21/09/2001	Nữ		2NT	2019	17.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1530	01023424	Nguyễn Khánh Chi	02/09/2001	Nữ		3	2019	17.75	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1531	24005966	Nguyễn Thị Ngọc Chi	17/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1532	25006993	Trần Thị Kim Chi	07/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1533	01037336	Mai Việt Chiến	18/05/2001	Nam		3	2019	15.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1534	25006383	Trần Minh Chiến	19/08/2001	Nam		2NT	2019	19.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1535	01070310	Nguyễn Thị Chinh	02/04/2001	Nữ		2	2019	14.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1536	28001542	Trịnh Chung Chính	17/09/2001	Nam		2	2019	15.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1537	22010439	Nguyễn Thị Chúc	30/10/2001	Nữ		2NT	2019	20.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1538	23001158	Bùi Thị Kiều Diễm	21/12/2001	Nữ	01	1	2019	15.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1539	26012740	Nguyễn Thị Huyền Diệp	24/12/2001	Nữ		2NT	2019	17	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1540	01055491	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	06/01/2001	Nữ		2	2019	16.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1541	01045343	Hoàng Thị Ly Diệu	27/02/2001	Nữ	01	1	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1542	01047594	Nguyễn Thị Dung	30/01/2001	Nữ		2	2019	17.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1543	01023772	Nguyễn Thuỳ Dung	07/01/2001	Nữ		3	2019	21.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1544	26010553	Nguyễn Thùy Dung	14/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.95	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1545	25001319	Trần Minh Thùy Dung	03/08/2001	Nữ		2	2019	19.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1546	29016137	Trương Thùy Dung	08/10/2001	Nữ		2	2019	18.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1547	17005441	Vũ Thùy Dung	14/05/2001	Nữ		2	2019	20.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1548	15010246	Bùi Tiến Dũng	06/03/2001	Nam		2NT	2019	15.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1549	01059531	Đỗ Lê Dũng	17/05/2001	Nam		2	2019	15.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1550	25009662	Lê Anh Dũng	23/10/2001	Nam		2NT	2019	14.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1551	26016360	Trần Tiến Dũng	12/04/2001	Nam		2NT	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1552	01072751	Đàm Thế Duy	02/10/2001	Nam		3	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1553	19006911	Nguyễn Đăng Duy	18/11/2001	Nam		2NT	2019	14.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1554	21010273	Nguyễn Đức Duy	02/10/2001	Nam		2	2019	16.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1555	26014256	Nguyễn Ngọc Duy	16/10/2001	Nam		2NT	2019	14	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1556	18018485	Vũ Văn Duy	22/05/2001	Nam	06	2	2019	18.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1557	01045396	Đỗ Thị Duyên	04/09/2001	Nữ		2	2019	20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1558	28032666	Nguyễn Thị Duyên	03/03/2001	Nữ		1	2019	17.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1559	08002590	Nguyễn Thùy Duyên	04/09/2001	Nữ		1	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1560	01067950	Phùng Thị Duyên	13/12/2001	Nữ		2	2019	16.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1561	26015055	Trần Thị Duyên	15/11/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1562	28018306	Trịnh Thị Hồng Duyên	21/05/2001	Nữ		2NT	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1563	21012347	Trương Thị Duyên	03/04/2001	Nữ		1	2019	19	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1564	01047631	Võ Thị Thu Duyên	19/06/2001	Nữ		2	2019	16.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1565	25005542	Đinh Tuyết Dương	15/07/2001	Nữ		2NT	2019	18.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1566	17004742	Đỗ Văn Dương	06/07/2001	Nam		2	2019	14.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1567	21013026	Lương Thị Thùy Dương	27/07/2001	Nữ		2	2019	17.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1568	01072778	Nguyễn Đình Dương	20/07/2001	Nam		3	2019	14.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1569	01050327	Nguyễn Thị Dương	29/09/2001	Nữ		2	2019	16.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1570	28003540	Nguyễn Văn Dương	21/02/2001	Nam		1	2019	19.95	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1571	17003727	Trịnh Thùy Dương	18/10/2001	Nữ		2	2019	17.80	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1572	01059605	Nguyễn Công Đạt	14/05/2001	Nam		2	2019	19.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1573	01033990	Nguyễn Thành Đạt	05/12/2001	Nam		2	2019	17.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1574	01010779	Nguyễn Thành Đạt	24/05/2001	Nam		3	2019	15.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1575	01027591	Trần Tiến Đạt	29/01/2001	Nam		2	2019	17.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1576	01019477	Phạm Hải Đăng	26/09/2001	Nam		3	2019	16.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1577	01065554	Nguyễn Anh Đức	10/08/2001	Nam		2	2019	16.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1578	12013054	Nguyễn Huy Đức	05/10/2001	Nam		2	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1579	01000796	Vũ Minh Đức	24/02/2001	Nam		3	2019	15.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1580	17007393	Cù Quỳnh Giang	21/10/2001	Nữ		2	2019	17.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1581	15000849	Hà Thị Hồng Giang	19/11/2001	Nữ		2	2019	17.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1582	01023896	Phạm Hương Giang	05/08/2001	Nữ		3	2019	21.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1583	27001882	Phạm Nguyễn Hương Giang	20/03/2001	Nữ		2NT	2019	16.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1584	01068310	Phùng Huyền Giang	29/03/2001	Nữ		2	2019	19.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1585	01034386	Đặng Thị Thu Hà	16/06/2001	Nữ		2	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1586	01065580	Đinh Thu Hà	10/10/2001	Nữ		2	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1587	01037969	Hoàng Khánh Hà	07/05/2001	Nữ		3	2019	16.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1588	15012105	Hoàng Thị Thu Hà	27/09/2001	Nữ		1	2019	19.25	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1589	01019516	Nguyễn Ngọc Minh Hà	01/01/2001	Nữ		3	2019	17.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1590	01068338	Nguyễn Thu Hà	01/08/2001	Nữ		2	2019	17.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1591	01059926	Nguyễn Thu Hà	22/08/2001	Nữ		2	2019	14.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1592	26016447	Phạm Thu Hà	06/10/2001	Nữ		2NT	2019	22.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1593	27008396	Trần Thu Hà	17/10/2001	Nữ		1	2019	19.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1594	17008811	Nguyễn Nhật Hạ	12/07/2001	Nữ		2	2019	19.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1595	26000933	Nguyễn Đức Hải	23/12/2001	Nam		2	2019	18.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1596	16002202	Chu Thị Hạnh	25/01/2001	Nữ		2NT	2019	20.80	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1597	28006599	Đỗ Thị Hạnh	29/04/2001	Nữ		1	2019	15.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1598	28027651	Hoàng Thị Hạnh	08/03/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1599	01073204	Lương Thế Hào	13/08/2001	Nam		3	2019	17.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1600	19007011	Nguyễn Thị Hào	21/03/2001	Nữ		2NT	2019	14.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1601	30008929	Dương Thị Hằng	06/05/2001	Nữ		2NT	2019	15.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1602	17013202	Nguyễn Thanh Hằng	18/12/2001	Nữ		2	2019	16.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1603	01050684	Nguyễn Thị Hằng	25/12/2001	Nữ		2	2019	14.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1604	18018554	Thân Thị Hằng	04/02/2001	Nữ		2	2019	15.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1605	01034773	Lê Thị Hậu	21/12/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1606	01061938	Nguyễn Thị Hậu	02/09/2001	Nữ		2	2019	14.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1607	24007697	Bùi Thị Hiền	08/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1608	01068432	Đặng Thị Hiền	28/08/2001	Nữ		2	2019	14.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1609	01059986	Đoàn Thúy Hiền	17/05/2001	Nữ		2	2019	15.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1610	01070908	Nguyễn Thị Hiền	26/09/2001	Nữ		2	2019	14.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1611	18010352	Nguyễn Thị Hiền	13/12/2001	Nữ		1	2019	18.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1612	25016847	Nguyễn Thị Hiền	07/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1613	28022105	Nguyễn Thị Thúy Hiền	24/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1614	01055731	Nguyễn Thu Hiền	20/10/2001	Nữ		2	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1615	25016851	Phạm Thị Thanh Hiền	13/09/2001	Nữ		2NT	2019	21.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1616	28027673	Phạm Thúy Hiền	04/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1617	18009549	Nguyễn Văn Hiền	16/11/2001	Nam		1	2019	15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1618	01005251	Nguyễn Thế Hiệp	21/07/2000	Nam		3	2019	14.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1619	01066058	Đàm Thị Hiếu	01/11/2001	Nữ		2	2019	17.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1620	01038452	Lê Xuân Hiếu	08/03/2001	Nam		3	2019	16.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1621	01050738	Nguyễn Minh Hiếu	19/10/2001	Nam		2	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1622	01068478	Lê Thị Hoa	03/05/2001	Nữ		2	2019	19.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1623	25007762	Nguyễn Thị Hoa	05/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1624	25012051	Vũ Thanh Hoa	05/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.15	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1625	01068487	Đào Thị Hòa	15/10/2000	Nữ		2	2019	14.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1626	26004880	Hoàng Thị Thu Hòa	02/07/2001	Nữ		2NT	2019	19.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1627	29024394	Trịnh Thị Hòa	18/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1628	38003648	Đinh Thị Hoài	20/12/2000	Nữ		1	2019	18.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1629	22011652	Lê Thị Thu Hoài	30/05/2001	Nữ		2NT	2019	15.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1630	26013827	Ngô Thị Hoài	31/12/2001	Nữ		2NT	2019	19.40	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1631	25013191	Trần Thu Hoài	18/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1632	01017992	Nguyễn Minh Hoàng	22/07/2001	Nam		3	2019	14.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1633	17007448	Phạm Huy Hoàng	09/12/2001	Nam		2	2019	16.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1634	01064095	Nguyễn Thị Hồng	01/03/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1635	12006772	Nguyễn Thị Ánh Hồng	18/12/2001	Nữ		1	2019	17.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1636	24002881	Nguyễn Thị Huế	06/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1637	28026000	Nguyễn Thị Huệ	24/07/2001	Nữ		1	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1638	10001305	Phạm Thị Huệ	24/03/2001	Nữ	01	1	2019	18.45	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1639	01014649	Lê Tuấn Hùng	13/12/2001	Nam		3	2019	19.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1640	01005643	Đặng Quốc Huy	21/04/2001	Nam		3	2019	20.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1641	01037447	Đặng Văn Huy	07/01/2000	Nam		3	2018	17.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1642	13000855	Hoàng Đình Huy	29/01/2001	Nam	01	1	2019	14.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1643	01073626	Lưu Đức Huy	22/06/2001	Nam		3	2019	18.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1644	25002517	Ngô Ngọc Huy	22/05/2001	Nam		2	2019	19.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1645	01038576	Nguyễn Đức Huy	24/09/2001	Nam		3	2019	16.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1646	26006820	Nguyễn Quang Huy	07/03/2001	Nam		2NT	2019	16.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1647	01064164	Dương Khánh Huyền	10/12/2001	Nữ		2	2019	15.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1648	28027736	Hồ Thị Thu Huyền	02/12/2001	Nữ		2NT	2019	15.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1649	01022293	Nguyễn Thanh Huyền	08/01/2001	Nữ		3	2019	14.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1650	15013203	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/12/2001	Nữ		1	2019	18.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1651	25001931	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/03/2001	Nữ		2	2019	18.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1652	17012279	Phạm Thị Minh Huyền	25/08/2001	Nữ		1	2019	19.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1653	26017985	Phạm Thương Huyền	02/01/2001	Nữ		2NT	2019	21.10	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1654	28003636	Trần Thanh Huyền	05/06/2001	Nữ		2	2019	14.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1655	28003638	Trần Thị Huyền	12/08/2001	Nữ		2	2019	17.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1656	24008460	Trần Thu Huyền	14/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1657	05001757	Nguyễn Văn Huỳnh	23/10/2001	Nam		1	2019	17.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1658	15005464	Chu Kiều Hưng	29/11/2001	Nam		1	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1659	01038630	Nguyễn Đình Hưng	15/08/2001	Nam		3	2019	14.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1660	01022327	Đỗ Thu Hương	02/08/2001	Nữ		3	2019	18.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1661	26006378	Lê Thị Hương	01/11/2001	Nữ		2NT	2019	19.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1662	26009228	Mai Thị Hương	22/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.20	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1663	01024427	Nguyễn Quỳnh Hương	06/10/2001	Nữ		3	2019	18.35	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1664	01060163	Nguyễn Thị Hương	11/04/2001	Nữ		2	2019	19.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1665	19000345	Nguyễn Thị Mai Hương	07/02/2001	Nữ		2	2019	15.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1666	01058169	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	18/10/2001	Nữ		2	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1667	17010482	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/06/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1668	23004558	Trịnh Thị Mai Hương	25/01/2001	Nữ		1	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1669	01008604	Võ Mai Hương	30/06/2001	Nữ		3	2019	15.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1670	01073717	Vũ Lan Hương	18/08/2001	Nữ		3	2019	15.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1671	12013119	Vũ Thị Thu Hương	06/07/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1672	01046064	Vương Thị Thu Hương	22/07/2001	Nữ		2	2019	15.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1673	01064225	Đào Thị Thu Hường	24/03/2001	Nữ		2	2019	14.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1674	01024739	Đỗ Thị Minh Hường	07/01/2001	Nữ		3	2019	17.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1675	26016615	Trần Thị Thu Hường	10/05/2001	Nữ		2NT	2019	15.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1676	25008363	Cao Trung Kiêm	03/11/2001	Nam		2NT	2019	14.45	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1677	19005647	Ngô Sỹ Kiên	16/06/2001	Nam		2	2019	15.85	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1678	48016797	Nguyễn Trung Kiên	02/01/2001	Nam		1	2019	19.50	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1679	01040969	Trương Mạnh Kiên	30/09/2001	Nam		2	2019	15.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1680	25000890	Hà Hồng Kông	10/04/2001	Nam		2	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1681	25007825	Lê Ngọc Khang	26/01/2001	Nam		2NT	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1682	01038991	Nguyễn Duy Khánh	20/03/2001	Nam		3	2019	19.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1683	22004504	Vũ Trọng Khánh	15/08/2001	Nam		2NT	2019	19	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1684	01062559	Hoàng Thanh Lan	29/03/2001	Nữ		2	2019	17	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1685	01066673	Nguyễn Thị Hương Lan	08/02/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1686	21003692	Phùng Thị Lanh	25/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1687	01073800	Hoàng Đức Lâm	22/01/2001	Nam		3	2019	17.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1688	01066683	Nguyễn Thị Phương Lâm	31/08/2001	Nữ		2	2019	14.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1689	17007492	Tạ Ngọc Tùng Lâm	15/04/2001	Nam		2	2019	15.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1690	28006702	Phạm Thị Ngọc Lê	23/10/2001	Nữ		1	2019	18.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1691	01071503	Nguyễn Thị Kim Lê	18/10/2001	Nữ		2	2019	15.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1692	27004016	Phạm Thị Liên	07/05/2001	Nữ		2	2019	17.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1693	19013454	Tăng Thị Bích Liên	12/06/2001	Nữ		2NT	2019	18.85	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1694	28015045	Trịnh Thị Liên	02/05/2000	Nữ		1	2018	19.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1695	01056168	Nguyễn Tú Lin	14/02/2001	Nam		2	2019	14.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1696	29002605	Chu Hoài Linh	14/02/2001	Nữ		1	2019	22.30	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1697	17013310	Đặng Thùy Linh	20/04/2001	Nữ		2	2019	17.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1698	01014946	Đỗ Khánh Linh	03/01/2001	Nữ		3	2019	16.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1699	01043630	Đỗ Thị Y Linh	20/11/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1700	62005109	Hoàng Khánh Linh	05/02/2001	Nữ		1	2019	17.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1701	15002662	Hồ Thị Thùy Linh	29/05/2001	Nữ		2	2019	14.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1702	01020387	Lê Ngọc Linh	20/11/2001	Nữ		3	2019	18.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1703	27004025	Lê Thùy Linh	30/05/2001	Nữ		2	2019	16	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1704	19009131	Mai Thị Thùy Linh	31/01/2001	Nữ		2NT	2019	23.10	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1705	18005323	Nông Thị Linh	02/04/2001	Nữ	01	1	2019	18.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1706	28027809	Nguyễn Thị Linh	23/05/2001	Nữ		2NT	2019	16.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1707	01060532	Nguyễn Thị Diệu Linh	27/06/2001	Nữ		2	2019	18.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1708	01022449	Nguyễn Thị Khánh Linh	16/10/2001	Nữ		3	2019	18.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1709	19001741	Nguyễn Thị Khánh Linh	21/12/2001	Nữ		2	2019	17.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1710	34013948	Nguyễn Thị Mỹ Linh	13/04/2001	Nữ		1	2019	17.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1711	19001163	Nguyễn Thị Phương Linh	19/08/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1712	17008914	Nguyễn Thị Thúy Linh	08/11/2001	Nữ		2	2019	16.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1713	01015048	Nguyễn Thùy Linh	12/10/2001	Nữ		3	2019	16.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1714	16001269	Nguyễn Thùy Linh	13/05/2001	Nữ		2	2019	17.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1715	01069087	Phạm Nguyễn Gia Linh	10/07/2001	Nam		2	2019	16.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1716	17005237	Phạm Thị Huyền Linh	27/08/2001	Nữ		1	2019	14.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1717	15010494	Phạm Thùy Linh	16/07/2001	Nữ		2NT	2019	19.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1718	15001635	Tạ Thùy Linh	13/11/2001	Nữ		2	2019	20.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1719	13002564	Trần Thùy Linh	06/12/2001	Nữ		1	2019	14.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1720	01046581	Khuất Thị Bích Loan	01/04/2001	Nữ		2	2019	18.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1721	01056231	Phạm Thị Loan	29/05/2001	Nữ		2	2019	14.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1722	01073893	Tạ Minh Loan	20/05/2001	Nữ		3	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1723	01041374	Trần Hồng Loan	08/08/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1724	26001104	Vũ Thị Mai Loan	19/01/2001	Nữ		2	2019	16.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1725	26016683	Nguyễn Duy Long	29/10/2001	Nam		2NT	2019	16.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1726	21017647	Nguyễn Kim Long	03/01/2001	Nam		2NT	2019	17.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1727	01035914	Nguyễn Thành Long	19/01/2001	Nam		2	2019	15.60	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1728	18017366	Phạm Bảo Long	02/02/2001	Nam		2	2019	15.10	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1729	01066806	Đỗ Thành Lộc	20/12/2001	Nam		2	2019	17.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1730	18018051	Ngô Thành Luân	24/02/2001	Nam		2	2019	17.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1731	01044115	Nguyễn Thị Lương	05/06/2001	Nữ		2	2019	16.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1732	18014168	Nguyễn Thị Lương	10/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1733	01039499	Bùi Phương Ly	25/03/2001	Nữ		3	2019	16	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1734	19005689	Đào Hồng Ly	07/10/2001	Nữ		2	2019	15.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1735	01056279	Đặng Thị Ly	03/11/2001	Nữ		2	2019	16.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1736	01011437	Hoàng Hương Ly	05/09/2001	Nữ		3	2019	19.35	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1737	13001821	Phạm Khánh Ly	12/09/2001	Nữ		1	2019	18.65	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1738	14008994	Trần Thị Khánh Ly	11/08/2001	Nữ		1	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1739	27003635	Trịnh Thị Khánh Ly	21/12/2001	Nữ		2	2019	19.15	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1740	29017068	Hồ Thị Lý	12/04/2001	Nữ		2NT	2019	19.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1741	19012803	Nguyễn Thị Lý	05/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1742	28006736	Bùi Như Ngọc Mai	17/06/2001	Nữ		1	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1743	03003484	Bùi Thị Mai	02/11/2001	Nữ		3	2019	17.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1744	01020508	Dương Nguyệt Mai	25/08/2001	Nữ		3	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1745	26005816	Nguyễn Thị Ngọc Mai	03/01/2001	Nữ		2NT	2019	17.60	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1746	25009341	Trần Thị Quỳnh Mai	20/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1747	28027855	Trương Thanh Mai	13/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1748	17013342	Vũ Thị Thanh Mai	02/10/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1749	01051442	Vương Sỹ Thị Mai	30/07/2001	Nữ		2	2019	17.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1750	25000959	Đình Đức Mạnh	21/08/2001	Nam		2	2019	17.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1751	17012823	Lê Văn Mạnh	15/07/2001	Nam		1	2019	17.10	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1752	26014587	Nông Văn Mạnh	13/09/2001	Nam	06	2NT	2019	15.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1753	01006187	Lê Công Minh	24/12/2000	Nam		3	2019	17.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1754	22010670	Tạ Thị Minh	02/06/2001	Nữ		2NT	2019	18.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1755	01016253	Trần Bình Minh	28/11/2001	Nam		3	2019	17.80	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1756	01020568	Vũ Nguyễn Ngọc Minh	17/06/2001	Nữ		3	2019	17.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1757	01015803	Chu Hà My	11/08/2001	Nữ		3	2019	19.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1758	01060665	Đỗ Trà My	13/04/2001	Nữ		2	2019	18.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1759	19000482	Nguyễn Thị Phương My	16/11/2001	Nữ		2	2019	14.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1760	01067214	Nguyễn Thị Thảo My	21/09/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1761	01067219	Trần Thị My	06/06/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1762	28004083	Lường Thị Na	18/04/2000	Nữ		2	2019	14.20	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1763	01036345	Đồng Hoài Nam	24/11/2001	Nam		2	2019	15.30	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1764	15011635	Nguyễn Phương Nam	27/08/2001	Nam		1	2019	14.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1765	28027890	Nguyễn Thành Nam	22/06/2001	Nam		2NT	2019	16.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1766	26008923	Nguyễn Thị My Nương	14/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1767	01051520	Nguyễn Thúy Nga	01/03/2001	Nữ		2	2019	16.95	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1768	26003354	Hoàng Thị Ngân	08/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1769	01010099	Lưu Hải Ngân	02/07/2001	Nữ		3	2019	14.45	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1770	01074369	Ngô Thanh Ngân	03/01/2001	Nữ		3	2019	17.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1771	25002023	Trần Kim Ngân	18/11/2001	Nữ		2	2019	19.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1772	01032195	Nguyễn Trung Nghĩa	06/10/2001	Nam		2	2019	19.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1773	12009450	Nguyễn Thị Thúy Ngoan	13/05/2001	Nữ		2	2019	16.45	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1774	26016769	Đoàn Thị Như Ngọc	08/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1775	01049345	Đỗ Thị Kim Ngọc	14/09/2001	Nữ		2	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1776	01016460	Lê Hồng Ngọc	11/09/2001	Nữ		3	2019	19.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1777	19013568	Nguyễn Thị Ngọc	05/07/2001	Nữ		2NT	2019	18.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1778	01056665	Nguyễn Thị Ngọc	04/10/2001	Nữ		2	2019	14.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1779	12007952	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24/09/2001	Nữ		2	2019	14	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1780	16008767	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	19/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.40	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1781	01039797	Nguyễn Thị Minh Ngọc	01/09/2001	Nữ		3	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1782	28026109	Phạm Thị Ngọc	28/04/2001	Nữ		2NT	2019	14.75	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1783	18002813	Phan Như Ngọc	13/04/2001	Nữ		1	2019	18.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1784	05000265	Viên Hồng Ngọc	28/05/2001	Nữ	01	1	2019	19.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1785	28003722	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	10/01/2001	Nữ		1	2019	15.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1786	28024507	Lê Thị Nguyệt	22/04/2001	Nữ		1	2019	20.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1787	19003385	Nguyễn Thị Thu Nhân	25/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1788	19007309	Trần Thị Thanh Nhân	24/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1789	30010931	Nguyễn Thống Nhất	26/03/2001	Nam		2	2019	17.60	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1790	27008522	Chu Thị Yến Nhi	27/09/2001	Nữ		1	2019	18.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1791	21015839	Hoàng Thị Yến Nhi	19/07/2001	Nữ		2NT	2019	15.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1792	01005875	Nguyễn Lê Phương Nhi	15/11/2001	Nữ		3	2019	18.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1793	09000839	Nguyễn Phương Nhi	01/09/2001	Nữ		1	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1794	29013383	Nguyễn Thị Nhi	10/06/2001	Nữ	01	2	2019	17.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1795	01074458	Nguyễn Thị Vân Nhi	26/09/2001	Nữ		3	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1796	03003540	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/08/2001	Nữ		3	2019	17.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1797	19001819	Phạm Vân Nhi	05/08/2001	Nữ		2	2019	15.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1798	25017039	Bùi Thị Hồng Nhung	13/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.55	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1799	25002042	Hoàng Thị Nhung	06/04/2001	Nữ		2	2019	18.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1800	24001218	Lại Thị Tuyết Nhung	06/10/2001	Nữ		2	2019	14.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1801	28032954	Lê Thị Nhung	22/06/2001	Nữ		1	2019	16.35	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1802	17008573	Nguyễn Thị Nhung	09/10/2001	Nữ		1	2019	16.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1803	01067408	Nguyễn Thị Nhung	20/03/2001	Nữ		2	2019	17.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1804	25002687	Trần Thị Hồng Nhung	24/11/2001	Nữ		2	2019	17	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1805	01046843	Trần Thị Hồng Nhung	10/11/2001	Nữ		2	2019	17.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1806	22003900	Vũ Hồng Nhung	18/12/2001	Nữ		2NT	2019	20.05	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1807	17011627	Nguyễn Quỳnh Như	09/11/2001	Nữ		1	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1808	17007549	Đỗ Duy Phong	18/04/2001	Nam		2	2019	20.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1809	01002193	Nguyễn Đăng Phúc	24/01/2001	Nam		3	2019	19.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1810	01006438	Nguyễn Thanh Khánh Phúc	14/05/2001	Nam		3	2019	18.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1811	01028397	Bùi Ngọc Phương	02/11/2001	Nữ		2	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1812	25002709	Bùi Thị Thanh Phương	11/11/2001	Nữ		2	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1813	23004664	Ngô Thu Phương	11/08/2001	Nữ		1	2019	16	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1814	26001216	Nguyễn Thị Phương	05/03/2001	Nữ		2	2019	15.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1815	28003745	Nguyễn Thị Phương	12/01/2001	Nữ		2	2019	15.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1816	01054729	Nguyễn Thị Phương	07/08/2001	Nữ		2	2019	17.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1817	01060830	Nguyễn Thị Phương	01/03/2001	Nữ		2	2019	15.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1818	26003409	Phạm Thị Thu Phương	30/11/2001	Nữ		2NT	2019	14.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1819	01036681	Trần Thị Minh Phương	19/05/2001	Nữ		2	2019	15.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1820	01022544	Vũ Hoài Phương	20/05/2001	Nữ		3	2019	14.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1821	01020175	Phạm Thị Ngọc Phương	15/08/2001	Nữ		3	2019	17.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1822	01054763	Trịnh Thị Phương	26/07/2001	Nữ		2	2019	19.95	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1823	27006403	Phan Hồng Quang	18/09/2001	Nam		2NT	2019	19.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1824	01046942	Đinh Văn Quảng	25/05/2001	Nam		2	2019	19.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1825	30011801	Hoàng Anh Quân	30/12/2001	Nam		2NT	2019	16.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1826	01006533	Hoàng Nhật Quân	29/11/2001	Nam		3	2019	14.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1827	17003874	Ngô Ngọc Quân	21/09/2001	Nam		2	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1828	25015842	Phạm Thị Quế	18/05/2001	Nữ		2NT	2019	20	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1829	01060845	Nguyễn Thị Quyên	14/02/2001	Nữ		2	2019	20.05	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1830	15011255	Quản Thị Thu Quyên	11/11/2001	Nữ		1	2019	15.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1831	25007412	Bùi Thúy Quỳnh	22/09/2001	Nữ		2NT	2019	16.05	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1832	01066925	Hà Thị Quỳnh	01/05/2001	Nữ		2	2019	16.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1833	01015308	Lương Ngọc Quỳnh	16/01/2001	Nữ		3	2019	15.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1834	19005778	Lưu Thị Quỳnh	28/12/2001	Nữ		2	2019	19.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1835	28029696	Mai Thị Quỳnh	24/04/2001	Nữ		2NT	2019	16.85	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1836	01038833	Nguyễn Phan Hương Quỳnh	24/10/2001	Nữ		3	2019	17.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1837	28003766	Nguyễn Thị Quỳnh	05/01/2001	Nữ		2	2019	18.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1838	01025197	Nguyễn Thị Lam Quỳnh	10/07/2001	Nữ		3	2019	19.70	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1839	19011744	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	03/07/2001	Nữ		2NT	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1840	25007961	Phan Thúy Quỳnh	08/01/2001	Nữ		2NT	2019	14.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1841	17007194	Vũ Thị Diễm Quỳnh	26/05/2001	Nữ		2	2019	16.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1842	22001557	Trần Văn Sĩ	13/03/2001	Nam		2NT	2019	15.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1843	31007227	Trần Tiên Sinh	07/05/2001	Nam		2	2019	19.15	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1844	29004299	Bùi Tiến Sơn	10/07/2001	Nam		1	2019	16.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1845	01015341	Nguyễn Quang Sơn	07/03/2001	Nam		3	2019	15.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1846	01039270	Trần Tùng Sơn	26/02/2001	Nam		3	2019	19.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1847	28031485	Lê Thị Tâm	04/04/2001	Nữ		1	2019	17.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1848	07000376	Nguyễn Thị Tâm	03/03/2001	Nữ		1	2019	15.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1849	14010321	Nguyễn Thị Thanh Tân	02/01/2001	Nữ		1	2019	20.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1850	01022608	Trịnh Xuân Tân	23/02/2001	Nam		3	2019	19.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1851	08003867	Nguyễn Thủy Tiên	15/10/2001	Nữ		1	2019	19.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1852	14006218	Đỗ Hoàng Tiến	09/12/2001	Nam		1	2019	16	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1853	23004767	Đặng Minh Toàn	23/10/2001	Nam		1	2019	16.25	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1854	17007612	Nguyễn Tuấn Toàn	09/10/2001	Nam		2	2019	20.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1855	08003443	Trần Hà Toàn	16/07/2001	Nam	01	1	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1856	13004085	Trần Quốc Toàn	25/08/2001	Nam		1	2019	18.55	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1857	01037672	Đặng Minh Tú	19/07/2001	Nữ		3	2019	16.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1858	01002373	Nguyễn Anh Tú	12/02/2001	Nam		3	2019	18.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1859	22010881	Văn Đức Tuấn	21/03/2001	Nam		2NT	2019	20.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1860	01038149	Nguyễn Minh Tuấn	17/10/2001	Nam		3	2019	15.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1861	25008058	Nguyễn Văn Tuấn	07/06/2000	Nam		2NT	2019	19.25	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1862	01038170	Nguyễn Duy Tùng	20/09/2001	Nam		3	2019	17.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1863	18018354	Nguyễn Xuân Tùng	06/02/2001	Nam		2	2019	17.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1864	16002012	Trần Thanh Tùng	14/10/2001	Nam		2	2019	14.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1865	01051196	Vương Duy Tuyên	14/09/2001	Nam		2	2019	17.95	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1866	22011459	Đào Danh Tuyển	05/04/2001	Nam		2NT	2019	16.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1867	01018982	Phạm Đình Tường	15/09/2001	Nam		3	2019	18.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1868	01051775	Nguyễn Thị Thanh	15/03/2001	Nữ		2	2019	17.40	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1869	12005078	Trần Thị Thanh	15/05/2001	Nữ	01	1	2019	19.65	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1870	21010057	Lê Thị Thao	15/10/2001	Nữ		2	2019	19.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1871	01046263	Đỗ Thị Thảo	27/05/2001	Nữ		2	2019	14.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1872	03010730	Đỗ Thị Phương Thảo	01/01/2001	Nữ		3	2019	19.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1873	01046266	Hoàng Thị Thảo	08/10/2001	Nữ		2	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1874	01025268	Nguyễn Phương Thảo	29/12/2001	Nữ		3	2019	18.45	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1875	28020012	Nguyễn Phương Thảo	21/06/2001	Nữ		2NT	2019	17.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1876	01016584	Nguyễn Phương Thảo	02/12/2001	Nữ		3	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1877	18016449	Nguyễn Thị Thảo	02/01/2001	Nữ		1	2019	17.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1878	25008590	Nguyễn Thị Thảo	21/10/2001	Nữ		2NT	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1879	17013467	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/04/2001	Nữ		2	2019	16.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1880	28003795	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/08/2001	Nữ		2	2019	17.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1881	21011645	Nguyễn Thị Thạch Thảo	29/07/2001	Nữ		1	2019	19.75	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1882	28026773	Trần Thị Thảo	12/03/2001	Nữ		1	2019	20.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1883	01046275	Trần Thị Phương Thảo	26/10/2001	Nữ		2	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1884	27006024	Trần Thị Phương Thảo	10/07/2001	Nữ		2NT	2019	17.70	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1885	23001758	Xa Phương Thảo	06/04/2001	Nữ	01	1	2019	18.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1886	01058410	Đặng Thị Hồng Thắm	29/11/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1887	19003528	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/04/2000	Nữ		2NT	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1888	01048876	Vương Thị Thắm	17/06/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1889	25009470	Phạm Thị Mai Thu	15/08/2001	Nữ		2NT	2019	19.80	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1890	26007781	Trần Thị Thu	31/05/2001	Nữ		2NT	2019	20.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1891	28004187	Nguyễn Xuân Thủy	23/12/2001	Nữ		2	2019	15.65	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1892	01060946	Đỗ Thị Thúy	08/04/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1893	17000970	Đỗ Minh Thủy	30/12/2001	Nữ		2	2019	18.55	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1894	19002474	Nguyễn Biên Thủy	10/09/2001	Nữ		2	2019	18.90	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1895	25005380	Trần Thị Thủy	20/04/2001	Nữ		2NT	2019	17.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1896	27002107	Bùi Thị Thủy	09/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1897	22011392	Đỗ Thị Thu Thủy	13/09/2001	Nữ		2NT	2019	18.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1898	01032992	Nguyễn Thu Thủy	11/10/2001	Nữ		2	2019	17.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1899	21006015	Phạm Thị Thu Thủy	06/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1900	01036294	Phạm Thu Thủy	20/12/2001	Nữ		2	2019	19.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1901	25008015	Đỗ Thị Thúy	09/06/2001	Nữ		2NT	2019	16.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1902	48004996	Hà Thị Minh Thúy	07/09/2001	Nữ	01	2	2019	21.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1903	26013624	Vũ Minh Thúy	06/01/2001	Nữ		2	2019	17.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1904	15012007	Đặng Như Thuyền	22/01/2001	Nữ		1	2019	17.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1905	25017811	Bùi Thị Thu	01/06/2001	Nữ		2NT	2019	16.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1906	17010598	Ngô Thị Thu	27/03/2001	Nữ		2NT	2019	16.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1907	17003919	Nguyễn Thị Thu	25/09/2001	Nữ		2	2019	21.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1908	01047084	Nguyễn Hoài Thương	08/05/2001	Nữ		2	2019	18.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1909	17008183	Vũ Thị Thương	07/11/2001	Nữ		2	2019	15.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1910	01056978	Đỗ Thị Trà	15/08/2001	Nữ		2	2019	18.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1911	01061002	Đỗ Thị Thu Trà	04/08/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1912	01036752	Ngô Thị Thu Trà	20/11/2001	Nữ		2	2019	17.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1913	15005707	Dương Thu Trang	01/02/2001	Nữ		1	2019	18.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1914	22011412	Đào Thị Quỳnh Trang	24/05/2001	Nữ		2NT	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1915	26011401	Đặng Thị Huyền Trang	23/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.40	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1916	27003788	Đỗ Thị Thu Trang	05/01/2001	Nữ		2	2019	15.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1917	05000829	Lê Kiều Trang	21/12/2001	Nữ		1	2019	18.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1918	10001658	Mạc Thùy Trang	05/01/2001	Nữ		1	2019	17.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1919	01001775	Nguyễn Huyền Trang	13/11/2001	Nữ		3	2019	15.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1920	25003341	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/05/2001	Nữ	04	2NT	2019	19.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1921	26007816	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1922	01070000	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/04/2001	Nữ		2	2019	14.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1923	01066370	Nguyễn Thị Thu Trang	12/01/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1924	01070005	Nguyễn Thị Thu Trang	04/07/2001	Nữ		2	2019	14.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1925	25016603	Nguyễn Thị Thu Trang	01/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1926	26004325	Nguyễn Thị Thu Trang	08/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1927	10001039	Phạm Đỗ Quỳnh Trang	21/11/2001	Nữ		1	2019	15.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1928	25002869	Phạm Thu Trang	07/11/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1929	01072375	Phùng Thị Huyền Trang	06/11/2001	Nữ		2	2019	15.70	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1930	01074694	Trần Thị Trang	16/04/2001	Nữ		3	2019	19.40	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1931	29023077	Văn Thị Quỳnh Trang	27/10/2001	Nữ		1	2019	15.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1932	01041875	Đặng Phương Bảo Trân	09/12/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1933	22009820	Phan Minh Trí	04/11/2001	Nam		2NT	2019	16.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1934	13000672	Triệu Minh Trí	19/06/2001	Nam	01	1	2019	19.55	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1935	26013137	Lê Thị Phương Trinh	24/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1936	19003646	Mẫn Thị Tuyết Trinh	15/11/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1937	01002345	Nguyễn Tú Trinh	09/06/2001	Nữ		3	2019	19.55	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1938	28028129	Trương Thị Trinh	03/01/2001	Nữ		2NT	2019	17.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1939	26017069	Lê Công Trọng	15/02/2001	Nam		2NT	2019	15.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1940	29002173	Vũ Thị Trúc	15/04/2001	Nữ		2NT	2019	18	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1941	01010438	Hoa Đức Trung	14/05/2001	Nam		3	2019	14.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1942	01027855	Ngô Quốc Trung	29/08/2001	Nam		2	2019	16.40	A01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1943	17011437	Nguyễn Danh Trung	07/12/2001	Nam		2	2019	17.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1944	01014437	Phạm Quang Trung	21/03/2001	Nam		3	2019	16.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1945	17013556	Đỗ Nguyên Trường	21/05/2001	Nam		2	2019	14.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1946	01032589	Nguyễn Văn Trường	23/09/2001	Nam		2	2019	18	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1947	01002369	Nguyễn Việt Trường	31/07/2001	Nam		3	2019	18.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1948	17007279	Đặng Thị Uyên	16/04/2001	Nữ	01	1	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1949	26018219	Đỗ Thị Uyên	26/02/2001	Nữ		2NT	2019	14.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1950	01071122	Nguyễn Thị Thu Uyên	26/11/2001	Nữ		2	2019	17.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1951	21007747	Nguyễn Thị Thu Uyên	13/01/2001	Nữ		2NT	2019	21.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1952	12008252	Nguyễn Thu Uyên	20/07/2001	Nữ		2	2019	21	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1953	26017123	Bùi Thị Hà Vân	02/11/2001	Nữ		2NT	2019	18.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1954	01024116	Chu Thị Vân	21/05/2001	Nữ		3	2019	18.75	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1955	01071128	Đặng Thị Hồng Vân	07/07/2001	Nữ		2	2019	17.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1956	01059208	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/11/2001	Nữ		2	2019	16.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1957	01062447	Trần Thảo Vân	15/02/2001	Nữ		2	2019	15.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1958	17008268	Trần Thị Bích Vân	21/06/2001	Nữ		2	2019	14.40	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1959	26009435	Vũ Thị Vân	01/12/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1960	17005323	Vũ Thị Thảo Vân	07/03/2001	Nữ		1	2019	18.30	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1961	01038242	Ngô Thảo Vi	07/01/2001	Nữ		3	2019	15.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1962	25006917	Nguyễn Thị Yến Vi	22/01/2001	Nữ		2NT	2019	18.35	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1963	01022132	Đinh Quốc Việt	19/10/2001	Nam		3	2019	14.20	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1964	01073541	Trần Đại Việt	06/10/2001	Nam		3	2019	16.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1965	01008863	Mai Thế Vũ	16/10/2001	Nam		3	2019	19.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1966	18006981	Phạm Trọng Vương	25/05/2001	Nam		1	2019	17.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1967	01038862	Mai Hà Vy	26/10/2001	Nữ		3	2019	14.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1968	28001483	Nguyễn Thị Tường Vy	06/06/2001	Nữ		2	2019	18.85	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1969	28028687	Nguyễn Thị Yên	01/12/2001	Nữ		1	2019	18.15	B00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1970	01022172	Bùi Hải Yến	24/07/2001	Nữ		3	2019	14.80	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1971	01035246	Đỗ Thị Hải Yến	18/12/2001	Nữ		2	2019	17.50	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1972	28003875	Hà Thị Yến	29/03/2001	Nữ		2	2019	19.25	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1973	18010190	Hoàng Kim Yến	12/02/2001	Nữ		1	2019	18.90	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1974	26009446	Nguyễn Thị Yến	07/03/2001	Nữ		2NT	2019	17.15	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1975	19003724	Nguyễn Thị Yến	10/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.45	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1976	17013605	Nguyễn Thị Hải Yến	26/01/2001	Nữ		2	2019	14.05	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1977	26014939	Nguyễn Thị Hải Yến	30/04/2001	Nữ		2NT	2019	17	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1978	01041354	Phùng Hải Yến	06/05/2001	Nữ		2	2019	16.80	A00	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1979	01067122	Trần Hải Yến	02/01/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1980	01060470	Trần Hải Yến	21/11/2001	Nữ		2	2019	20.10	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1981	23006867	Trần Thị Hải Yến	19/02/2001	Nữ		1	2019	16.65	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1982	17005339	Vũ Thu Yến	26/06/2001	Nữ		1	2019	16.60	D01	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1983	08003032	Bùi Việt Anh	20/05/2001	Nam		1	2019	17	A00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1984	15001917	Cao Lan Anh	06/10/2001	Nữ		2	2019	18.55	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1985	01004103	Đào Duy Anh	20/02/2001	Nam		3	2019	16.70	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1986	15012324	Hà Phương Anh	28/02/2001	Nữ	01	1	2019	18.55	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1987	22010390	Nguyễn Thị Cẩm Anh	08/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.95	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1988	01019199	Phạm Kiều Anh	21/09/2001	Nữ		3	2019	15.90	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1989	25016101	Vũ Thị Ngọc Ánh	25/12/2001	Nữ		2NT	2019	16.45	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1990	12000239	Đồng Phúc Bình	13/05/2001	Nam	01	1	2019	16.80	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1991	01047507	Nguyễn Thị Mỹ Chi	19/10/2001	Nữ		2	2019	16.50	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1992	26018721	Giang Thị Chúc	12/07/2001	Nữ		2NT	2019	18.55	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1993	18003795	Nguyễn Bạch Diệp	01/11/2001	Nữ		1	2019	19.05	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1994	01004693	Đặng Thùy Dung	01/08/2001	Nữ		3	2019	16.10	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1995	01072721	Nguyễn Ngọc Dung	30/04/2001	Nữ		3	2019	16.50	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1996	30015272	Trần Thị Mỹ Dung	24/05/2001	Nữ		1	2019	14.50	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1997	01070386	Nguyễn Anh Dũng	19/08/2001	Nam		2	2019	15.65	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1998	28026413	Trần Thị Đặng	07/10/2001	Nữ		2NT	2019	14.80	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1999	08003140	Nguyễn Tiến Đạt	14/08/2001	Nam		1	2019	16.85	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2000	01061487	Đỗ Nguyễn Diệp	11/12/2001	Nam		2	2019	14.85	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2001	22006996	Đỗ Lê Minh Đức	18/06/2001	Nam		2NT	2019	18.55	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2002	01073081	Lê Hoàng Đức	18/02/2001	Nam		3	2019	16.10	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2003	01073123	Đào Nhật Giang	06/08/2001	Nam		3	2019	21.85	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2004	01019855	Đỗ Thu Giang	02/11/2001	Nữ		3	2019	17.65	A00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2005	01048027	Nguyễn Thị Thanh Hà	14/04/2001	Nữ		2	2019	14.75	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2006	01019890	Vũ Bảo Hân	16/06/2001	Nữ		3	2019	16.40	A01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2007	01042890	Nguyễn Thúy Hiền	18/11/2001	Nữ		2	2019	17.25	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2008	17005582	Nguyễn Minh Hiếu	29/09/2001	Nam		2	2019	16.75	B00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2009	21011331	Nguyễn Trung Hiếu	16/09/2001	Nam		1	2019	16.75	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2010	01021901	Trần Đình Hiếu	25/07/2001	Nam		3	2019	18.45	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2011	28022123	Nguyễn Thị Hòa	13/09/2001	Nữ		2NT	2019	19.30	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2012	01005292	Phạm Thái Hoàng	30/09/2001	Nam		3	2019	18.15	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2013	01008516	Trần Minh Hoàng	04/06/2001	Nam		3	2019	19.15	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2014	27005847	Đoàn Thị Thu Huyền	21/03/2001	Nữ		2NT	2019	21.05	B00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2015	19004934	Nguyễn Minh Huyền	08/11/2001	Nữ		2	2019	17.80	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2016	28031216	Lê Thị Hương	18/05/2001	Nữ		1	2019	15.40	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2017	15002084	Tạ Thị Lan	20/07/2001	Nữ		2	2019	20.50	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2018	01018117	Phạm Ngọc Lâm	29/06/2001	Nam		3	2019	18.70	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2019	24004648	Nguyễn Thị Mỹ Lê	10/12/2001	Nữ		2NT	2019	15.35	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2020	01013377	Phạm Mỹ Linh	16/12/1998	Nữ		3	2019	15.05	A00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2021	28003673	Phạm Thị Hương Linh	10/09/2001	Nữ		2	2019	20.05	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2022	28027189	Tạ Vũ Huyền Linh	27/05/2001	Nữ		2NT	2019	17.45	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2023	01022471	Âu Hải Long	25/12/2001	Nam		3	2019	17.60	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2024	30009046	Đặng Khánh Ly	22/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.20	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2025	27005925	Đỗ Thị Nga	02/11/2001	Nữ		2NT	2019	17	B00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2026	28026712	Trịnh Hồng Quỳn	16/07/2001	Nữ		2NT	2019	18.15	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2027	28026167	Mai Thị Quỳn	20/01/2001	Nữ		1	2019	16.90	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2028	16008263	Tạ Thị Diễm Quỳn	27/10/2001	Nữ		2NT	2019	17	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2029	28011588	Bùi Thảo Tâm	24/01/2001	Nữ	01	1	2019	19.20	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2030	01046406	Vũ Xuân Tùng	19/02/2001	Nam		2	2019	14.05	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2031	01024107	Trần Thị Thanh Tuyền	14/04/2001	Nữ		3	2019	17.80	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2032	28010781	Hà Thị Phương Thảo	13/01/2001	Nữ		1	2019	14.50	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2033	28001815	Lê Thị Thảo	30/05/2001	Nữ		2	2019	18.45	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2034	01048858	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/03/2001	Nữ		1	2019	14.75	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2035	28003398	Quách Thị Phương Thảo	24/01/2001	Nữ	06	2	2019	16.85	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2036	28030253	Nguyễn Thị Thơm	08/04/2001	Nữ		2NT	2019	20.45	A01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2037	28018688	Lê Thị Thu	04/12/2001	Nữ		2NT	2019	18.60	A00	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2038	29024060	Nguyễn Thị Hoài Thu	22/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.70	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2039	28010806	Bùi Thị Thùy	06/06/2001	Nữ	01	1	2019	17.85	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2040	28010813	Lê Thị Thúy	19/05/2001	Nữ		1	2019	15.55	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2041	25016572	Phạm Thị Thúy	04/12/2000	Nữ		2NT	2019	17.50	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2042	28031592	Lê Thị Thương	29/11/2001	Nữ		1	2019	15.65	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2043	29017782	Thái Thị Thảo Trà	10/12/2001	Nữ		2NT	2019	17.95	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2044	05002911	Đỗ Quỳn Trang	05/04/2001	Nữ		1	2019	17.05	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2045	23006842	Nguyễn Thị Trang	04/03/2001	Nữ		1	2019	16.85	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2046	01074675	Nguyễn Thu Trang	07/12/2001	Nữ		3	2019	16.70	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2047	13006300	Nguyễn Thùy Trang	20/01/2001	Nữ		1	2019	20.45	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2048	30014529	Lê Trần Kiều Trinh	03/04/2001	Nữ		1	2019	19.70	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2049	28006995	Vi Lê Trường	08/06/2001	Nam	01	1	2019	18.35	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2050	01044438	Nguyễn Thị Hải Vân	12/02/2001	Nữ		2	2019	15.05	A01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2051	22006514	Phùng Thảo Vân	16/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.40	D01	7810103 PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2052	61005129	Huỳnh Thùy An	26/03/2001	Nữ	06	1	2019	17.35	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2053	28001499	Lê Hùng Anh	29/06/2001	Nam		2	2019	17.65	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2054	01052058	Lê Thị Phương Anh	10/07/2001	Nữ		2	2019	15.70	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2055	01072490	Nguyễn Đức Anh	04/04/2001	Nam		3	2019	20.40	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2056	01037106	Nguyễn Phương Anh	30/10/2001	Nữ		3	2019	16.90	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2057	01061162	Nguyễn Thị Lan Anh	27/01/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2058	28002492	Phạm Minh Anh	30/07/2001	Nữ		2	2019	15.05	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2059	17003695	Phạm Ngọc Anh	12/08/2001	Nữ		2	2019	17.65	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2060	26000767	Phạm Thảo Anh	25/11/2001	Nữ		2	2019	16.45	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2061	22004356	Vũ Thị Ngọc Anh	24/11/2001	Nữ		2NT	2019	19.20	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2062	19008899	Vũ Thị Quỳnh Anh	18/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.90	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2063	01059414	Nguyễn Thị Ánh	27/08/2001	Nữ		2	2019	18.25	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2064	12011006	Đồng Thị Cúc	18/04/2001	Nữ		2NT	2019	19.70	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2065	17002414	Hoàng Phú Cường	10/02/2001	Nam	01	1	2019	14.60	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2066	01007753	Nguyễn Linh Chi	13/09/2001	Nữ		3	2019	19.15	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2067	01037333	Trần Phương Chi	11/08/2001	Nữ		3	2019	14.35	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2068	12007474	Phạm Minh Chí	18/04/2001	Nam		2	2019	16.75	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2069	18006100	Bạch Kiều Chinh	24/12/2001	Nữ		1	2019	19.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2070	18015504	Vũ Ngọc Chuẩn	20/10/2001	Nam		1	2019	15.35	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2071	27008361	Lê Thị Dung	12/10/2001	Nữ		1	2019	17.90	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2072	01063438	Nguyễn Thị Dung	01/05/2001	Nữ		2	2019	17.15	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2073	01042352	Phan Thị Thu Dung	18/05/2001	Nữ		1	2019	16.60	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2074	17012619	Hoàng Anh Dũng	30/07/2001	Nam		1	2019	20.40	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2075	31000037	Phạm Bùi Trung Dũng	18/04/2001	Nam		1	2019	14.95	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2076	01073018	Vũ Kỳ Mỹ Duyên	06/11/2001	Nữ		3	2019	16.80	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2077	01034303	Lê Trần Dương	12/07/2000	Nam		2	2019	14.30	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2078	03000095	Nguyễn Anh Dương	10/06/2001	Nam		2	2019	17	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2079	23000803	Nguyễn Minh Dương	15/09/2001	Nam	01	1	2019	16.85	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2080	21013030	Nguyễn Tùng Dương	12/09/2001	Nam		2	2019	15.75	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2081	30014633	Nguyễn Thị Thùy Dương	10/06/2001	Nữ		1	2019	19.90	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2082	17012643	Lưu Minh Đạt	18/01/2001	Nam		1	2019	15.95	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2083	01023823	Nguyễn Tấn Đạt	17/06/2001	Nam		3	2019	16.80	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2084	12001614	Nguyễn Tiến Đạt	03/12/2001	Nam		2	2019	18	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2085	25008229	Phạm Tiến Đức	19/02/2001	Nam		2NT	2019	14.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2086	01073117	Vương Tiến Thái Đức	26/09/2001	Nam		3	2019	19.55	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2087	14001117	Nguyễn Hương Giang	17/05/2001	Nữ		1	2019	16.23	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2088	23004102	Nguyễn Linh Giang	05/12/2001	Nữ		1	2019	14.65	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2089	28030442	Triệu Thị Hà Giang	13/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.10	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2090	25015556	Vũ Minh Giáp	22/06/2001	Nam		2NT	2019	19.60	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2091	30015018	Trần Thu Hà	25/10/2001	Nữ		1	2019	19.70	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2092	01042780	Trịnh Thu Hà	14/03/2001	Nữ		1	2019	19.65	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2093	28006597	Phùng Nhật Hạ	20/06/2001	Nữ		1	2019	15.65	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2094	01013861	Nguyễn Đức Hải	10/04/2001	Nam		3	2019	14.50	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2095	01004889	Phạm Quỳnh Hạnh	06/12/2001	Nữ		3	2019	15.70	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2096	01064022	Nguyễn Minh Hiếu	28/01/2001	Nam		2	2019	14.15	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2097	31006370	Nguyễn Quang Hiếu	13/02/2001	Nam		2	2019	18.15	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2098	25011500	Hoàng Thị Hoa	01/09/2001	Nữ		2NT	2019	17.35	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2099	28029461	Nguyễn Thị Hoa	16/03/2001	Nữ		2NT	2019	14.55	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2100	18013274	Nguyễn Thị Hoài	29/10/2001	Nữ		1	2019	17.15	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2101	12007689	Nguyễn Huy Hoàng	16/09/2001	Nam	06	2	2019	14.45	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2102	28014990	Trịnh Thị Ánh Hồng	05/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.95	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2103	05000160	Đào Mạnh Hùng	30/09/2001	Nam		1	2019	16.40	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2104	15009394	Dương Quang Huy	06/08/2001	Nam		1	2019	18.70	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2105	18010410	Hoàng Dương Huy	31/01/2001	Nam		1	2019	16.80	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2106	01043400	Nguyễn Quang Huy	23/09/2001	Nam		2	2019	20.25	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2107	25000220	Vũ Trường Huy	09/04/2001	Nam		2	2019	19.30	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2108	15001190	Đỗ Thị Thu Huyền	08/07/2001	Nữ		2	2019	16.75	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2109	29029038	Nguyễn Thị Huyền	25/08/2001	Nữ		2	2019	16.80	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2110	17007918	Phạm Minh Huyền	13/09/2001	Nữ		2	2019	14.55	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2111	53013447	Phan Thị Ngọc Huyền	25/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.35	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2112	18012200	Phùng Thị Huyền	30/07/2001	Nữ		1	2019	16.45	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2113	32002479	Võ Khánh Huyền	27/03/2001	Nữ		2	2019	21.05	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2114	01060155	Lê Thanh Hương	18/12/2001	Nữ		2	2019	18.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2115	29007104	Nguyễn Thị Hương	29/10/2001	Nữ		2NT	2019	15.75	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2116	01011029	Trần Xuân Khang	22/07/2001	Nam		3	2019	18.80	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2117	03006771	Lê Vũ Phương Lam	02/07/2001	Nữ		3	2019	16.70	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2118	18010457	Nguyễn Thị Ngọc Lan	19/01/2001	Nữ		1	2019	16.25	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2119	18011475	Trần Thị Hương Lan	13/07/2001	Nữ		2NT	2019	21.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2120	15004718	Nguyễn Thiện Lâm	28/08/2001	Nam		1	2019	15.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2121	13002994	Hoàng Kim Linh	27/01/2001	Nữ	01	1	2019	17.95	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2122	12013413	Hoàng Thị Diệu Linh	11/08/2001	Nữ	01	1	2019	19.55	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2123	42006697	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	21/09/2001	Nữ		1	2019	19.65	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2124	01005807	Phạm Hoàng Linh	02/08/2001	Nam		3	2019	19.85	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2125	18018688	Thân Hoàng Long	21/12/2001	Nam		2	2019	16.45	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2126	21000314	Vũ Tuấn Lộc	24/07/2001	Nam		2NT	2019	19	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2127	19010911	Đỗ Thị Hiền Lương	24/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.10	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2128	26001922	Phạm Xuân Nam	23/01/2001	Nam		2	2019	14.95	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2129	19012294	Nguyễn Công Ninh	09/10/2001	Nam		2NT	2019	14.70	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2130	13003714	Nguyễn Thúy Nga	27/10/2001	Nữ		1	2019	20.75	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2131	26014632	Đỗ Gia Nghĩa	26/11/2001	Nam		2NT	2019	17.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2132	28023974	Nguyễn Thị Ngoan	11/01/2001	Nữ		2NT	2019	16.10	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2133	23001276	Bùi Kim Ngọc	28/02/2001	Nữ	01	1	2019	18.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2134	16005546	Hoàng Thị Bích Ngọc	26/09/2001	Nữ		1	2019	21.05	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2135	01049348	Kiều Như Ngọc	11/09/2001	Nữ		2	2019	15.75	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2136	26016770	Nguyễn Ngọc Ngọc	22/02/2001	Nữ		2NT	2019	17.45	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2137	09005634	Trần Thị Bích Ngọc	07/07/2001	Nữ		1	2019	20.50	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2138	25001564	Đinh Bùi Ánh Nguyệt	27/07/2001	Nữ		2	2019	18.60	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2139	25015088	Đinh Thị Nguyệt	20/07/2001	Nữ		2NT	2019	19.05	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2140	14009053	Nguyễn Hằng Nha	27/04/2001	Nữ		1	2019	18.05	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2141	16010479	Đỗ Thị Nhung	01/01/2001	Nữ		2	2019	15	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2142	01001539	Lê Hà Phương	20/11/2001	Nữ		3	2019	14.90	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2143	30010968	Phạm Thị Diễm Phương	11/07/2001	Nữ		2	2019	20.75	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2144	26018947	Trần Lê Phương	19/10/2001	Nữ		2NT	2019	14	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2145	24007477	Nguyễn Hữu Quang	24/08/2000	Nam		2NT	2019	16.75	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2146	22011327	Đào Thị Như Quỳnh	03/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.30	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2147	09007855	Hoàng Như Quỳnh	08/10/2000	Nữ	01	1	2018	18	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2148	01032741	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	27/09/2001	Nữ		2	2019	19.40	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2149	17009562	Trần Thị Như Quỳnh	22/01/2001	Nữ		2	2019	14.90	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2150	03008566	Đồng Tấn Sang	18/11/2001	Nam		3	2019	17.85	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2151	01025205	Nguyễn Quang Sâm	04/05/2001	Nam		3	2019	17.40	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2152	03009610	Phạm Hải Sơn	11/07/2001	Nam		3	2019	16.70	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2153	25006779	Đỗ Quang Tâm	29/05/2001	Nam		2NT	2019	17.60	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2154	19009287	Vũ Thanh Tâm	17/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.95	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2155	01037563	Nguyễn Quốc Toàn	06/01/2001	Nam		3	2019	14.60	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2156	01047253	Đặng Thanh Tùng	27/07/2001	Nam		2	2019	14	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2157	19012488	Nguyễn Thị Tươi	23/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.50	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2158	17003900	Nguyễn Đỗ Phương Thảo	18/06/2001	Nữ		2	2019	16.20	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2159	01032869	Nguyễn Phương Thảo	08/04/2001	Nữ		2	2019	14.25	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2160	25018251	Phạm Phương Thảo	27/07/2001	Nữ		2NT	2019	14.75	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2161	17005946	Đặng Quang Thắng	21/10/2001	Nam		2	2019	16.25	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2162	15009626	Nguyễn Thị Thịnh	23/01/2001	Nữ		1	2019	16.55	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2163	22011917	Nguyễn Thị Kim Thoa	31/08/2001	Nữ		2NT	2019	14.75	A00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2164	19011121	Nguyễn Thị Thơm	21/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.45	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2165	01056913	Nguyễn Thị Thu	18/04/2001	Nữ		2	2019	16.35	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2166	01016035	Lê Quỳnh Thư	20/12/2001	Nữ		3	2019	16.50	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2167	18014403	Nguyễn Thị Việt Trà	15/07/2001	Nữ		2NT	2019	16.35	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2168	22011957	Đặng Thị Trang	27/08/2001	Nữ		2NT	2019	18.20	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2169	26018623	Phạm Thị Huyền Trang	07/11/2001	Nữ		2NT	2019	17.85	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2170	01027824	Phạm Thu Trang	20/03/2001	Nữ		2	2019	14.95	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2171	28035040	Trần Thu Trang	05/07/2001	Nữ		1	2019	17.25	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2172	25011289	Trần Thùy Trang	27/11/2001	Nữ		2NT	2019	19.65	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2173	01010003	Bùi Xuân Trí	22/05/2001	Nam		3	2019	18.35	A01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2174	19007510	Đỗ Khắc Triệu	29/08/2001	Nam		2NT	2019	16.25	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2175	11000976	Đặng Thị Kiều Trinh	11/06/2001	Nữ	01	1	2019	17.85	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2176	01010448	Nguyễn Mạnh Trung	14/06/2001	Nam		3	2019	15.40	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2177	27004419	Đặng Văn Trường	04/04/2001	Nam		2	2019	14.15	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2178	24000883	Đan Phương Uyên	28/05/2001	Nữ		2	2019	20.75	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2179	15011777	Phạm Tú Uyên	10/02/2001	Nữ		1	2019	15.95	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2180	14001620	Quảng Thị Vân	20/11/2001	Nữ	01	1	2019	18.10	B00	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2181	19002291	Dương Quang Vượng	01/11/2001	Nam		2	2019	16.35	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2182	01060461	Nguyễn Kim Yên	19/08/2001	Nữ		2	2019	17.05	D01	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
2183	28034719	Lê Văn Định	02/01/2001	Nam		1	2019	15.15	A00	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2184	03011610	Nguyễn Thị Mai Huyền	13/08/2001	Nữ		2	2019	15.65	D01	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2185	62001231	Lò Văn Linh	22/07/2001	Nam	01	1	2019	19.65	D01	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2186	14009430	Nguyễn Thảo Nguyên	02/12/2001	Nữ		1	2019	18.90	D01	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2187	22009634	Nguyễn Thị Hoài Nhi	12/02/2001	Nữ		2NT	2019	16.05	D01	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2188	29021372	Nguyễn Anh Phúc	17/05/2001	Nam		1	2019	15.65	A00	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2189	01065064	Nguyễn Thị Thu	11/01/2001	Nữ		2	2019	16.25	D01	7850101 PH	Quản lý tài nguyên và môi trường
2190	23004054	Đinh Thế Anh	15/07/2001	Nam	01	1	2019	15.90	D01	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
2191	01033490	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/10/2001	Nữ		2	2019	15.30	D01	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
2192	01000665	Nguyễn Phương Dung	13/08/2001	Nữ		3	2019	20.45	D01	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2193	12001841	Vũ Thanh Nga	24/06/2001	Nữ		2	2019	19.55	D01	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
2194	28023414	Vũ Văn Nhân	14/06/2001	Nam		2NT	2019	16.05	A00	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
2195	01016536	Hoàng Minh Thái	14/12/2001	Nam		3	2019	18.65	D01	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
2196	22006777	Lê Hữu Thắng	10/09/2001	Nam		2NT	2019	15.10	D01	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
2197	06000681	Hoàng Khánh An	07/09/2001	Nam	01	1	2019	22.18	D01	7850103	Quản lý đất đai
2198	01019036	Nguyễn Thúy An	10/08/2001	Nữ		3	2019	19.50	D01	7850103	Quản lý đất đai
2199	01011948	Đào Thị Vân Anh	26/02/2001	Nữ		3	2019	15.55	D01	7850103	Quản lý đất đai
2200	25016688	Đặng Thị Trung Anh	05/03/2001	Nữ		2NT	2019	18.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2201	16000359	Lê Thị Vân Anh	25/04/2001	Nữ		2	2019	18.05	D01	7850103	Quản lý đất đai
2202	18010744	Mai Duy Anh	19/01/2001	Nam		1	2019	14.30	D01	7850103	Quản lý đất đai
2203	28000862	Mai Đức Anh	18/10/2001	Nam		2	2019	16.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2204	21011166	Nguyễn Phương Anh	12/10/2001	Nữ		1	2019	18.80	A00	7850103	Quản lý đất đai
2205	08002513	Nguyễn Quỳnh Anh	02/12/2001	Nữ		1	2019	14.80	D01	7850103	Quản lý đất đai
2206	01016880	Nguyễn Thị Lan Anh	11/04/2001	Nữ		3	2019	15.60	D01	7850103	Quản lý đất đai
2207	25011341	Nguyễn Trang Anh	26/11/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7850103	Quản lý đất đai
2208	25000622	Trần Thị Lan Anh	27/01/2001	Nữ		2	2019	19.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2209	01000303	Trịnh Minh Anh	04/01/2001	Nữ		3	2019	16.10	D01	7850103	Quản lý đất đai
2210	01070206	Lê Thị Ngọc Ánh	25/12/2001	Nữ		2	2019	15.80	D01	7850103	Quản lý đất đai
2211	01057469	Vương Bá Cường	14/01/2001	Nam		2	2019	16.90	B00	7850103	Quản lý đất đai
2212	18004653	Vũ Trí Chiến	06/12/2000	Nam		1	2019	15	D01	7850103	Quản lý đất đai
2213	15007561	Trần Văn Chính	28/06/2001	Nam		1	2019	15.20	D01	7850103	Quản lý đất đai
2214	25004419	Trương Thị Ngọc Diệu	10/10/2001	Nữ		2NT	2019	17.35	A00	7850103	Quản lý đất đai
2215	01023776	Đỗ Tuấn Dũng	24/09/2001	Nam		3	2019	14.40	D01	7850103	Quản lý đất đai
2216	12007505	Nguyễn Tiến Dũng	02/07/2001	Nam		2	2019	21.10	A00	7850103	Quản lý đất đai
2217	17003723	Nguyễn Thùy Duyên	06/04/2001	Nữ		2	2019	16	D01	7850103	Quản lý đất đai
2218	19002952	Đinh Đăng Dương	10/09/2001	Nam		2NT	2019	21	A00	7850103	Quản lý đất đai
2219	01072784	Nguyễn Thùy Dương	30/11/2001	Nữ		3	2019	15.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2220	01040323	Nguyễn Thùy Dương	31/05/2001	Nữ		2	2019	15.40	D01	7850103	Quản lý đất đai
2221	08003136	Nguyễn Thị Linh Đan	11/07/2001	Nữ		1	2019	18.70	A00	7850103	Quản lý đất đai
2222	03007289	Lê Quang Đạo	28/07/2001	Nam		3	2019	17.10	A00	7850103	Quản lý đất đai
2223	01038280	Đỗ Tiến Đạt	16/09/2001	Nam		3	2019	17.85	A01	7850103	Quản lý đất đai
2224	01042640	Nguyễn Công Đạt	24/10/2001	Nam		2	2019	18.35	D01	7850103	Quản lý đất đai
2225	22004406	Nguyễn Đình Đạt	04/02/2001	Nam		2NT	2019	14.75	D01	7850103	Quản lý đất đai
2226	25009211	Bùi Trung Đức	12/02/2001	Nam		2NT	2019	17.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2227	01042694	Nguyễn Duy Đức	02/04/2001	Nam		1	2019	15.70	D01	7850103	Quản lý đất đai
2228	21009326	Nguyễn Ngọc Đức	08/05/2001	Nam		2	2019	19.55	D01	7850103	Quản lý đất đai

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2229	13005034	Phạm Ngọc Đức	03/04/1998	Nam		1	2019	14.85	D01	7850103	Quản lý đất đai
2230	01073110	Trần Anh Đức	27/10/2001	Nam		3	2019	14.90	A01	7850103	Quản lý đất đai
2231	01023871	Đỗ Hương Giang	20/09/2001	Nữ		3	2019	17.05	D01	7850103	Quản lý đất đai
2232	14008811	Nguyễn Hương Giang	14/05/2001	Nữ		1	2019	16.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2233	19007720	Nguyễn Như Giang	10/08/2001	Nam	06	2NT	2019	16.35	A00	7850103	Quản lý đất đai
2234	03012084	Vũ Thùy Giang	14/04/2001	Nữ		2	2019	19.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2235	12000352	La Quang Hà	26/04/2001	Nam	01	1	2019	16.05	A00	7850103	Quản lý đất đai
2236	06003561	Trần Hoàng Hà	23/09/2001	Nam		1	2019	18.90	B00	7850103	Quản lý đất đai
2237	01065953	Nguyễn Minh Hải	12/09/2001	Nam		2	2019	18.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2238	25018018	Nguyễn Trung Hải	31/05/2000	Nam		2NT	2019	17.35	A00	7850103	Quản lý đất đai
2239	01021818	Đoàn Thị Hạnh	14/09/2001	Nữ		3	2019	19.10	D01	7850103	Quản lý đất đai
2240	26017941	Giang Thị Hiền	10/04/2001	Nữ		2NT	2019	14.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2241	01057708	Nguyễn Thị Hiền	20/03/2001	Nữ		2	2019	15.50	B00	7850103	Quản lý đất đai
2242	23002074	Khà Trung Hiếu	21/11/2001	Nam	01	1	2019	17.70	D01	7850103	Quản lý đất đai
2243	29001220	Phan Văn Hiếu	12/07/2001	Nam		2NT	2019	18.15	A00	7850103	Quản lý đất đai
2244	28029458	Trần Văn Hiệu	18/06/2000	Nam		2NT	2019	14.25	A00	7850103	Quản lý đất đai
2245	01073291	Nguyễn Phương Hoa	14/05/2001	Nữ		3	2019	19.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2246	01019979	Dương Việt Hoàn	07/10/2001	Nam		3	2019	14.35	D01	7850103	Quản lý đất đai
2247	25016268	Nguyễn Quốc Hội	19/04/2001	Nam		2NT	2019	18.50	A00	7850103	Quản lý đất đai
2248	28024922	Nguyễn Thị Hồng	06/06/2001	Nữ		2NT	2019	20.20	A00	7850103	Quản lý đất đai
2249	49013012	Nguyễn Thị Kim Hồng	27/07/2001	Nữ		2NT	2019	15.35	A00	7850103	Quản lý đất đai
2250	26018788	Tạ Thị Hồng	23/07/2001	Nữ		2NT	2019	14.85	A00	7850103	Quản lý đất đai
2251	21014269	Mạc Tiến Huy	27/02/2001	Nam		2	2019	18.35	A00	7850103	Quản lý đất đai
2252	08003661	Triệu Thu Huyền	05/08/2001	Nữ		1	2019	17.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2253	28028393	Bùi Quỳnh Hương	15/10/2001	Nữ		1	2019	18.05	A00	7850103	Quản lý đất đai
2254	01043471	Chu Thị Lan Hương	21/02/2001	Nữ		2	2019	17.85	D01	7850103	Quản lý đất đai
2255	10001345	Tổng Đình Hương	11/07/2001	Nữ		1	2019	16.95	D01	7850103	Quản lý đất đai
2256	01031326	Phan Thị Thúy Hường	01/06/2001	Nữ		2	2019	16.40	D01	7850103	Quản lý đất đai
2257	38002195	Nguyễn Thị Thúy Kiều	10/12/2001	Nữ		1	2019	19.60	A00	7850103	Quản lý đất đai
2258	28016376	Đinh Nhật Khang	19/10/2001	Nam	06	2NT	2019	18.30	D01	7850103	Quản lý đất đai
2259	12007759	Phạm Duy Khánh	08/01/2001	Nam		2	2019	14.80	A00	7850103	Quản lý đất đai
2260	01026067	Đỗ Khánh Linh	12/11/2001	Nữ		2	2019	18.40	A00	7850103	Quản lý đất đai
2261	28034854	Lê Thị Khánh Linh	14/02/2001	Nữ		2NT	2019	14.60	D01	7850103	Quản lý đất đai
2262	03010594	Nguyễn Phương Linh	14/01/2001	Nữ		3	2019	16.90	D01	7850103	Quản lý đất đai
2263	15004072	Lê Phương Loan	19/10/2001	Nữ		1	2019	14.80	D01	7850103	Quản lý đất đai
2264	37003684	Lê Hoàng Long	24/12/2001	Nam		2NT	2019	16.45	D01	7850103	Quản lý đất đai

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2265	12013144	Phạm Duy Long	01/01/2001	Nam		2	2019	16.75	A00	7850103	Quản lý đất đai
2266	01020484	Lưu Hải Lương	18/11/2001	Nam		3	2019	16.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2267	26009554	Nguyễn Đức Lương	13/02/2001	Nam		2NT	2019	15	D01	7850103	Quản lý đất đai
2268	16008172	Nguyễn Diệu Ly	20/02/2001	Nữ		2NT	2019	20.60	D01	7850103	Quản lý đất đai
2269	25007873	Vũ Thị Ly	27/03/2001	Nữ		1	2019	17.50	D01	7850103	Quản lý đất đai
2270	21013315	Đinh Thị Sao Mai	07/10/2001	Nữ		2	2019	20.20	D01	7850103	Quản lý đất đai
2271	18007352	Nguyễn Quang Minh	11/07/2001	Nam		1	2019	17.10	A00	7850103	Quản lý đất đai
2272	18011557	Nguyễn Thị Hồng Minh	22/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.20	D01	7850103	Quản lý đất đai
2273	01011504	Phạm Ngọc Mỹ	12/02/2001	Nữ		3	2019	19.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2274	15002771	Cao Trọng Ngân	23/08/2001	Nam		2	2019	18.45	B00	7850103	Quản lý đất đai
2275	25008470	Vũ Thị Ngân	26/01/2001	Nữ		2NT	2019	17.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2276	28027251	Lê Thị Ngọc	27/07/2001	Nữ	06	2NT	2019	18.60	D01	7850103	Quản lý đất đai
2277	01016483	Nguyễn Như Ngọc	15/07/2001	Nữ		3	2019	17.10	D01	7850103	Quản lý đất đai
2278	16008216	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	26/03/2001	Nữ		2NT	2019	18.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2279	16001336	Bùi Thị Yến Nhi	30/06/2001	Nữ		2	2019	17.85	D01	7850103	Quản lý đất đai
2280	02019998	Ngô Thành Nhơn	15/06/2001	Nam		3	2019	14.35	A00	7850103	Quản lý đất đai
2281	01067409	Nguyễn Thị Nhung	24/09/2001	Nữ		2	2019	16.75	D01	7850103	Quản lý đất đai
2282	27005951	Trần Thị Hồng Nhung	17/02/2001	Nữ		2NT	2019	17.80	A00	7850103	Quản lý đất đai
2283	10001504	Đào Hồng Phong	29/06/2001	Nam		1	2019	17.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2284	19000571	Trần Văn Phong	11/03/2001	Nam		2	2019	15.95	D01	7850103	Quản lý đất đai
2285	01014354	Đỗ Huyền Phương	06/08/2001	Nữ		3	2019	15.35	D01	7850103	Quản lý đất đai
2286	09001208	Nguyễn Duy Phương	01/09/2001	Nam	01	1	2019	17.55	A00	7850103	Quản lý đất đai
2287	25017068	Nguyễn Thị Phương	06/10/2001	Nữ		2NT	2019	18.40	D01	7850103	Quản lý đất đai
2288	62005131	Nguyễn Thị Minh Phương	27/07/2001	Nữ		1	2019	15.55	A00	7850103	Quản lý đất đai
2289	01038776	Nguyễn Thị Thu Phương	02/12/2001	Nữ		3	2019	15.15	D01	7850103	Quản lý đất đai
2290	01074544	Nguyễn Thị Thu Phương	09/03/2001	Nữ		3	2019	16.70	B00	7850103	Quản lý đất đai
2291	16011937	Nguyễn Thu Phương	28/11/2001	Nữ		1	2019	19.35	D01	7850103	Quản lý đất đai
2292	01007164	Lê Minh Quang	07/09/1997	Nam		3	2015	15.35	A01	7850103	Quản lý đất đai
2293	17013413	Phạm Hồng Quân	20/07/2001	Nam		2	2019	14.90	A00	7850103	Quản lý đất đai
2294	03003599	Tô Trúc Quỳnh	17/07/2001	Nữ		3	2019	20	D01	7850103	Quản lý đất đai
2295	15011282	Hà Đỗ Xuân Sơn	24/07/2001	Nam		1	2019	14.95	D01	7850103	Quản lý đất đai
2296	17005278	Nguyễn Hoàng Sơn	07/08/2001	Nam		1	2019	14.10	D01	7850103	Quản lý đất đai
2297	25008561	Phạm Văn Sơn	22/06/2001	Nam		2NT	2019	14.85	A00	7850103	Quản lý đất đai
2298	17009028	Đinh Văn Sỹ	05/07/2001	Nam		2	2019	14.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2299	12001930	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	03/03/2001	Nữ		2	2019	16.15	D01	7850103	Quản lý đất đai
2300	01073975	Phạm Bảo Tâm	02/06/2001	Nữ		3	2019	19.45	D01	7850103	Quản lý đất đai

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KVU' T	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2301	27007487	Vũ Đức Tâm	12/08/2001	Nam		1	2019	14.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2302	13001392	Tô Duy Toàn	07/12/2001	Nam		1	2019	15.75	D01	7850103	Quản lý đất đai
2303	01059133	Trần Anh Tú	22/11/2001	Nam		2	2019	14	D01	7850103	Quản lý đất đai
2304	17011452	Trần Anh Tuấn	24/12/2001	Nam		2	2019	15.35	D01	7850103	Quản lý đất đai
2305	03015126	Đinh Thị Diệu Tuyết	17/04/2001	Nữ		2	2019	16.20	D01	7850103	Quản lý đất đai
2306	27006111	Vũ Bá Tước	21/07/2001	Nam		1	2019	18.15	B00	7850103	Quản lý đất đai
2307	27007489	Lê Huyền Thanh	31/10/2001	Nữ		1	2019	18.70	D01	7850103	Quản lý đất đai
2308	01004949	Nguyễn Tuấn Thành	26/10/2001	Nam		3	2019	14.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2309	62002062	Đỗ Thị Thảo	31/01/2001	Nữ		1	2019	15.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2310	17003897	Đồng Thị Quỳnh Thảo	02/03/2001	Nữ		2	2019	18.50	B00	7850103	Quản lý đất đai
2311	13004485	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/07/2001	Nữ		1	2019	14.55	D01	7850103	Quản lý đất đai
2312	25007449	Phạm Thị Phương Thảo	08/03/2001	Nữ		2NT	2019	19.55	D01	7850103	Quản lý đất đai
2313	10001589	Trần Ngọc Thảo	17/06/2001	Nữ	01	1	2019	14.60	D01	7850103	Quản lý đất đai
2314	15000735	Đinh Hữu Thắng	19/01/2001	Nam		2	2019	16	D01	7850103	Quản lý đất đai
2315	17005287	Lâm Quyết Thắng	07/06/2001	Nam	01	1	2019	14.95	D01	7850103	Quản lý đất đai
2316	28001823	Trần Văn Thiện	22/01/2001	Nam		2	2019	14.75	D01	7850103	Quản lý đất đai
2317	29001177	Trần Văn Thìn	07/05/2000	Nam		2NT	2018	22.05	A01	7850103	Quản lý đất đai
2318	03014350	Lê Thị Thanh Thủy	03/03/2001	Nữ		1	2019	16.55	D01	7850103	Quản lý đất đai
2319	62002440	Cà Thị Thúy	14/08/2000	Nữ	01	1	2019	14.65	A00	7850103	Quản lý đất đai
2320	17012995	Vũ Tô Hải Trà	05/11/2001	Nữ		1	2019	18.40	D01	7850103	Quản lý đất đai
2321	01037594	Lê Mai Trang	11/02/2001	Nữ		3	2019	14.45	D01	7850103	Quản lý đất đai
2322	01036826	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/06/2001	Nữ		2	2019	18.80	A00	7850103	Quản lý đất đai
2323	01037652	Nguyễn Thị Kiều Trinh	18/06/2001	Nữ		3	2019	15.10	D01	7850103	Quản lý đất đai
2324	27004851	Trần Quang Trung	08/09/2001	Nam		2NT	2019	16.40	D01	7850103	Quản lý đất đai
2325	01059188	Đàm Thu Uyên	13/03/2001	Nữ		2	2019	16.60	D01	7850103	Quản lý đất đai
2326	28021448	Trịnh Trang Uyên	14/08/2001	Nữ		2NT	2019	15.30	D01	7850103	Quản lý đất đai
2327	24001596	Nguyễn Thảo Vân	01/05/2001	Nữ		2	2019	17.55	D01	7850103	Quản lý đất đai
2328	28001468	Nguyễn Thảo Vân	02/12/2001	Nữ		2	2019	19.65	D01	7850103	Quản lý đất đai
2329	25011833	Phạm Thúy Vân	17/08/2001	Nữ		2NT	2019	16.80	D01	7850103	Quản lý đất đai
2330	17004665	Nguyễn Hoàng Việt	10/02/2001	Nam		2	2019	21.25	D01	7850103	Quản lý đất đai
2331	28001477	Đàm Long Vũ	30/10/2001	Nam		2	2019	16.15	D01	7850103	Quản lý đất đai
2332	24000903	Phạm Xuân Xang	08/10/2001	Nam		2	2019	18.70	D01	7850103	Quản lý đất đai
2333	14009263	Kiều Thị Hoàng Yến	09/08/2001	Nữ		1	2019	16	D01	7850103	Quản lý đất đai
2334	02019604	Trịnh Minh Cường	13/01/2001	Nam		3	2019	17.90	A00	7850103 PH	Quản lý đất đai
2335	28029336	Nguyễn Thị Dung	14/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.80	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai
2336	28003944	Lường Ngọc Đạt	22/10/2001	Nam		1	2019	14.75	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai

STT	SBD		Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KVUT	Năm TN THPT	Tổng điểm xét tuyển	Mã tổ hợp	Mã ngành Trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
2337	28031069	Nguyễn Văn Hai	14/01/2001	Nam		1	2019	14.95	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai
2338	28014968	Vũ Mai Hoa	29/10/2001	Nữ		2NT	2019	14.30	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai
2339	25007808	Nguyễn Thị Hằng Hương	22/05/2001	Nữ		2NT	2019	17.70	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai
2340	28029781	Phan Thị Thủy	18/06/2001	Nữ		2NT	2019	15	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai
2341	28029862	Đới Thị Vân	11/04/2001	Nữ		2NT	2019	15.45	D01	7850103 PH	Quản lý đất đai
2342	41006302	Phạm Lê Triệu Vi	30/04/2001	Nữ		2	2019	21.50	A00	7850103 PH	Quản lý đất đai
2343	18015494	Đàm Thị Kim Chi	26/12/2001	Nữ		1	2019	15.10	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2344	19004794	Nguyễn Thị Diệp	13/10/2001	Nữ		2	2019	15.25	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2345	01001179	Vũ Quang Hiếu	29/09/2001	Nam		3	2019	16.30	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2346	16004777	Vương Văn Hoàng	19/08/2001	Nam		2NT	2019	18.80	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2347	21011403	Lê Thanh Hương	27/03/2001	Nữ		1	2019	15.55	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2348	01056051	Nguyễn Thị Diễm Hương	06/01/2001	Nữ		2	2019	14.60	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2349	03013197	Đoàn Thùy Lương	29/05/2001	Nữ		2	2019	17.55	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2350	16004962	Lê Xuân Tân	23/07/2001	Nam		2NT	2019	15.65	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2351	21014578	Nghiêm Thị Tình	03/11/2001	Nữ		2	2019	20.20	D01	7850198	Quản lý tài nguyên nước
2352	01070403	Hà Minh Duy	22/04/2001	Nam		2	2019	14.30	D01	7850199	Quản lý biển
2353	19012746	Phạm Văn Khánh	07/04/2001	Nam		2NT	2019	14.70	D01	7850199	Quản lý biển
2354	01024500	Nguyễn Hoàng Phương Linh	24/03/2001	Nữ		3	2019	16.05	D01	7850199	Quản lý biển

TỔNG DANH SÁCH CÓ 2354 THÍ SINH